

KHOA HỌC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

ISSN 1859-4700



HIẾN KẾ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN BỀN VỮNG

Vietnam Journal of Science For Rural Development

Số 67

08/2022

TÁC PHẨM LINH SAM “MẢNH ĐỜI CÒN LẠI” CỦA NGHỆ NHÂN NGUYỄN THỊ HIỆN

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN HOA CÂY CẢNH VIỆT NAM



Chia sẻ về tác phẩm trên Nghệ nhân Nguyễn Thị Hiện cho biết: “Cây cảnh thể huyền: Ngoài thiên nhiên những cây này thường sống trong điều kiện khí hậu nghiệt ngã nhất (cây ở sườn núi, vách đá...) nhưng cây vẫn có thể sống, gốc cây bám chắc vào đá, treo leo giữa trời mây, ngọn cây vươn lên tạo hình ảnh của sự kiên trì nhẫn nại vượt qua phong ba bão táp hướng tới tương lai phát triển. Về mặt thẩm mỹ: Thể cây thể hiện sự mềm mại, dịu dàng, sự tươi trẻ... song tiềm ẩn một sức sống mãnh liệt. Nếu là cây lửa khoảng 1/2 thân thì giá trị biểu cảm của sức sống phi thường càng được bộc lộ rõ nét hơn. Những tán lá xanh mượt của lộc biếc chồi non căng đầy nhựa sống và những mảng hoa long lanh huyền ảo, ngào ngạt sắc hương đối lập với thân cây già nua, hốc hác, lửa mòn vết mang dấu ấn của thời gian, sự khắc khổ, từng trải của kiếp nhân sinh. Tác phẩm mang thông điệp "mảnh đời còn lại" với ý nghĩa con người luôn phải biết vượt lên chính hoàn cảnh và số phận cụ thể của mình. Sự vượt lên chính mình là thành quả của côi tu. Không bao giờ được bỏ cuộc hay đầu hàng trước khó khăn thử thách. Sự nghiệt ngã của ngoại cảnh chỉ là môi trường để tôi luyện bản chất bên trong thêm cứng cỏi. Cái gì cũng có giá trị của nó trong cõi hư vô này. Tôi muốn dùng hình ảnh đó để dẫn dắt chính mình và hướng đạo cho con cái nhận ra chân lý giản dị trong cuộc sống. Trên hết tôi đến với thú chơi nhân văn tao nhã có truyền thống hàng ngàn đời này của dân tộc chính là tìm đến Đạo, tìm lại sự cân bằng giữa vật chất và tinh thần; giữa truyền thống và hiện đại; giữa cá nhân và xã hội; giữa quá khứ, hiện tại và tương lai...".



Ảnh bìa: "Nét đẹp làng quê"
Tác giả: NSNA Trường Giang

Chủ tịch hội đồng biên tập
PGS. TS. Đào Thế Anh

Tổng Biên tập
GS.TSKH. Trần Duy Quý

Phó tổng Biên tập
TS. Lê Thành Ý
NB. Phí Văn Điền

Các ủy viên Hội đồng Biên tập
GS.TS. Nguyễn Tử Siêm
PGS.TS. Khuất Hữu Trung
GS.TS. Đinh Văn Tiến
GS.TS. Nguyễn Văn Song
PGS.TS. Vũ Trọng Khải
TS. Nguyễn Tiến Mạnh
TS. Trịnh Văn Tuấn
TS. Estelle Bienabe
ThS. Lê Đức Thịnh
GS.TS. Đỗ Kim Chung
GS.TS. Trần Khắc Thi
TS. Hoàng Xuân Trường

Tổng thư ký Tòa soạn
Nhà báo Vương Xuân Nguyên

Trưởng Ban Truyền thông
CEO, Á hậu Trang Viên

Trụ sở tòa soạn
Nhà số 1 Ngõ 186 phố Trần Duy Hưng,
Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 024. 33216162 - 08.4646.0404
Fax: 024. 33216162
Email: toasoan.khcs@gmail.com
Website: <https://nongthonvaphattrien.vn>

Văn phòng giao dịch
Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
(Vinh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội)

Văn phòng đại diện phía Nam
Số 8, Nguyễn Bá Huân, Thảo Điền
Quận 2, Tp Hồ Chí Minh

Giấy phép hoạt động báo chí in và điện tử
số 74/GP-BTTTT ngày 26/01/2022 của
Bộ Thông tin và Truyền thông
in tại Công ty CP Truyền thông Pháp luật và Thời đại

Giá: 50.000 đồng
(Bản pdf 350.000 đồng/12 tháng)

MỤC LỤC

• Mục lục.....	3
• Lời tòa soạn.....	4
• Hành trình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với khát vọng phát triển nông thôn bền vững! - Ban biên tập.....	6
• Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ mãi mãi soi đường chúng ta đi - Vương Xuân Nguyên.....	11
• Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững - Minh Phúc.....	16
• Những xung lực cho phát triển nông thôn bền vững - Quyết Tuấn.....	22
• Các lý thuyết phát triển nông thôn trên thế giới và hiến kế áp dụng ở Việt Nam - PGS. TS Đào Thế Anh.....	32
• Phát triển toàn diện nông thôn Việt Nam vì một miền quê đáng sống - PGS. TS Vũ Trọng Khải.....	41
• Vai trò của Văn hoá trong Phát triển Nông thôn ở nước ta - TS. Trương Xuân Trường.....	47
• GS.VS Đào Thế Tuấn - Những trăn trở về phát triển nông thôn bền vững ở nước ta - PGS.TS.VS Đào Thế Anh; TS. Lê Thành Ý; ThS. Vương Xuân Nguyên.....	54
• Dấu ấn, khiêm nhường và những điều trăn trở - TS. Tạ Quang Ngọc.....	63
• Thanh Oai: Cơ hội phát triển làng nghề kết hợp mô hình du lịch giáo dục trải nghiệm - TS. Lê Thành Ý.....	76
• Thanh Oai - Hà Nội: Hướng phát triển Nông nghiệp đô thị sinh thái! - Xuân Nguyên.....	80
• Công nghiệp nông thôn đổi thay nhờ trợ lực của chính sách khuyến công - Xuân Trường.....	85
• Chuyển đổi số giải phóng tiềm năng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn bền vững - Trang Viên - Thanh Vân.....	88
• Hiến kế giải pháp phát triển chuỗi giá trị du lịch nông thôn - Hương Lan.....	93
• Hà Nội: Giải pháp thúc đẩy quảng bá kết nối giao thương sản phẩm OCOP - Hoàng Thị Trang Viên.....	95
• Nghề nhân - Doanh nhân - Chủ nhà vườn tiêu biểu toàn Quốc! - Bùi Văn Mạnh.....	98
• Vai trò của Hợp tác xã nông nghiệp trong phát triển Chuỗi giá trị - TS. Hoàng Xuân Trường.....	102

TẠP CHÍ KHOA HỌC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Số tài khoản: 038 704 060 028 143

Tại Ngân hàng TMCP Quốc tế, CN Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội

LỜI TÒA SOẠN

Hòa trong không khí Kỷ niệm 77 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9, ngành Nông nghiệp và phát triển Nông thôn tích cực triển khai Nghị quyết Trung ương 5, khóa XIII vào cuộc sống. Nhân dịp này, Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam ra số chuyên đề “Hiển kế phát triển Nông thôn bền vững”.

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã được Đảng và Nhà nước khẳng định có vị trí chiến lược trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là cơ sở, lực lượng quan trọng để phát triển nhanh, bền vững KTXH, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam.

Trên cơ sở Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, vừa qua, Chính phủ đã ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và nhiều chính sách thúc đẩy phát triển nông thôn bền vững như: Chương trình OCOP, Du lịch Nông thôn, Chuyển đổi số, Bảo tồn và phát triển làng nghề...

Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam trong số tháng 8 năm 2022 sẽ giới thiệu những chính sách nêu trên xoay quanh chủ đề “Hiển kế Phát triển Nông thôn bền vững”. Từ tinh thần phát triển nông thôn mới gắn với chăm lo đời sống nhân dân trong bản Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh 53 năm về trước; Những trăn trở của cố GS.VS Đào Thế Tuấn về vai trò của phát triển nông thôn trong quá trình CNH - HĐH đất nước; Những suy tư của nguyên Bộ trưởng Bộ thủy sản Tạ Quang Ngọc về nghề cá đến những chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính về khởi nghiệp sáng tạo trong nông nghiệp và phát triển nông thôn; Chiến lược phát triển Nông nghiệp và phát triển Nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.

Từ cơ sở đó, các nhà khoa học, các chuyên gia đã luận giải nhiều vấn đề liên quan đến phát triển nông thôn bền vững trong bối cảnh đô thị hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng như vấn đề: Các lý thuyết phát triển nông thôn trên thế giới và hiển kế áp dụng ở Việt Nam của PGS. TS Đào Thế Anh; Phát triển toàn diện nông thôn Việt Nam vì một miền quê đáng sống của PGS.TS Vũ Trọng Khải; Cơ hội phát triển làng nghề kết hợp mô hình du lịch giáo dục trải nghiệm của TS. Lê Thành Ý; Vai trò của Văn hoá trong Phát triển Nông thôn ở nước ta của TS. Trương Xuân Trường; Chuyển đổi số giải phóng tiềm năng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn bền vững của tác giả Quyết Tuấn và một số mô hình, bài học thành công trong xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội.

BBT rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm cộng tác của các nhà khoa học, các chuyên gia, nhà quản lý, cộng đồng Doanh nghiệp, Doanh nhân, Chủ nhà vườn và bạn đọc thân thiết gần xa để chung tay vì một nền "**Nông nghiệp sinh thái - bền vững, Nông thôn hiện đại - đáng sống, Nông dân chuyên nghiệp - văn minh**".

Trân trọng!

BAN BIÊN TẬP

Hành trình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với khát vọng phát triển nông thôn bền vững!

Sáng ngày 17/8, tại Hà Nội, Thủ tướng Phạm Minh Chính dự lễ khai mạc Hành trình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và ngày hội việc làm năm 2022" của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.



*Thủ tướng Phạm Minh Chính dự lễ khai mạc
Hành trình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và ngày hội việc làm năm 2022"
của Học viện Nông nghiệp Việt Nam - Ảnh: VGP/Nhật Bắc*

Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam trân trọng giới thiệu toàn văn phát biểu của Thủ tướng Chính phủ tại sự kiện này.

Thưa các đồng chí lãnh đạo ban, bộ, ngành và Học viện Nông nghiệp Việt Nam; các vị đại biểu và đại diện doanh nghiệp!

Thưa các thầy, cô giáo, cán bộ, viên chức của Học viện và các trường Trung học phổ thông tại các điểm cầu cùng các em học sinh, sinh viên thân mến!

Có lẽ ấn tượng đầu tiên khi tôi đến đây là sự vui vẻ, rạng rỡ trên từng khuôn mặt mỗi em sinh viên, học sinh, tất cả các em như vườn hoa

rực rỡ sắc màu, tràn đầy niềm tin, niềm hy vọng, khát vọng, hoài bão tuổi trẻ trước con đường rộng mở phía trước. Sự kiện "Hành trình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và ngày hội việc làm" năm 2022 của Học viện là hoạt động rất có ý nghĩa nhằm truyền ngọn lửa đam mê lĩnh vực nông nghiệp, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, nghiên cứu khoa học; hướng nghiệp cho học sinh, tạo cơ hội tiếp cận việc làm cho sinh viên.

Trước hết, tôi gửi tới các đồng chí, quý vị đại biểu, các thầy cô giáo, cán bộ, viên chức và toàn thể học sinh, sinh viên, của Học viện và các Trường THPT tại các điểm cầu lời chào thân ái, lời thăm hỏi thân thiết và lời chúc tốt đẹp nhất!

Thưa các thầy, cô giáo, các em học sinh, sinh viên và các vị đại biểu!

Nông nghiệp là lợi thế của nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của nông nghiệp đối với nước ta, Người dạy: *"Việt Nam là một nước sống về nông nghiệp. Nền kinh tế của ta lấy canh nông làm gốc. Nông dân ta giàu thì nước ta giàu. Nông nghiệp ta thịnh thì nước ta thịnh"*.

Phát triển nông nghiệp là một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng trong Chiến lược phát triển KTXH của đất nước. Nông nghiệp đã, đang và sẽ vẫn luôn là trụ đỡ của nền kinh tế, góp phần ổn định đời sống nhân dân. Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận, chỉ thị liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Như chúng ta đều biết, sau hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, nhất là sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, khu vực nông thôn đã có những chuyển biến tích cực, từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân được nâng lên.

Hơn 2 năm qua, đại dịch COVID - 19 đã ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống xã hội. Trong bối cảnh đó, ngành nông nghiệp đã thể hiện vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế và an ninh lương thực nước ta; và chúng ta đã trở thành một trong những nước xuất khẩu nông, lâm, thủy sản hàng đầu trên thế giới với trị giá hơn 48 tỷ USD năm 2021 và 7 tháng đầu năm 2022 đạt trên 32 tỷ USD, từ một nước "làm không đủ ăn" trước khi Đổi mới.

Hội nghị Trung ương 5, khóa XIII vừa qua đã ban hành 3 Nghị quyết liên quan đến nông nghiệp. Theo đó, nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vai trò, vị trí chiến lược trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là cơ sở, lực lượng quan trọng để phát triển nhanh, bền vững KTXH, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam.

Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị; cùng với đó, Nghị quyết đề ra nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để phát triển nông nghiệp là: *Hoàn thiện thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn*.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho nông nghiệp đã được Đảng, Nhà nước ta chú trọng từ sớm. Học viện Nông nghiệp Việt Nam, tiền thân là Trường Đại học Nông Lâm đã được thành lập ngày 12/10/1956, đây là một trong 4 trường đại học đầu tiên của cả nước. Trải qua 66 năm, Học viện đã không ngừng nỗ lực, đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp chất lượng cao cho đất nước. Nhiều người trở thành nhà khoa học đầu ngành, cán bộ lãnh đạo cấp cao trong các cơ quan quản lý và không ít người trở thành doanh nhân thành đạt.

Học viện có đội ngũ các nhà giáo, nhà khoa học đông đảo về số lượng, vững mạnh về chuyên môn, tâm huyết, tận tâm với nghề, với sự nghiệp *"trồng người"*. Nhiều thầy, cô được giới chuyên môn đánh giá cao, được đồng nghiệp, bạn bè quốc tế trân trọng, ngưỡng mộ.

Hiện nay, Học viện là cơ sở giáo dục đại học đóng góp quan trọng hình thành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp. Học viện là đơn vị khởi xướng phong trào Khởi nghiệp nông nghiệp, đồng hành cùng bà con nông dân và con em họ, hình thành đam mê khởi nghiệp và khát vọng lập nghiệp trong nông nghiệp.

Đảng, Nhà nước ta rất quan tâm đến vấn đề khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Chính phủ Phần Lan đã hỗ trợ chương trình quốc gia khởi nghiệp với dự án *"Đối tác Đổi mới sáng tạo Việt Nam - Phần Lan"*. Trên cơ sở kết quả của chương trình, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 về việc phê duyệt Đề án *"Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025"*, với ba nội dung lớn là:

Hỗ trợ đào tạo khởi nghiệp; tạo môi trường khởi nghiệp; và hỗ trợ vốn cho các dự án khởi nghiệp.

Khởi nghiệp không nhất thiết phải bắt đầu bằng những điều lớn lao, mà nhiều khi từ chính những trăn trở, những ý tưởng mới để giải quyết vấn đề thường nhật. Những điều khiến chúng ta trăn trở nhất, thúc đẩy chúng ta tìm tòi, sáng tạo mãnh liệt nhất. Ý tưởng khởi nghiệp dù nhỏ cũng đáng quý, cho thấy sự năng động, sức sáng tạo, khát vọng vươn lên của thế hệ trẻ. Tôi muốn nhấn mạnh: Cần có góc nhìn mới về khởi nghiệp. Các bạn có khát vọng của tuổi trẻ để sẵn sàng khởi nghiệp nhưng cũng có ý chí kiên cường, bản lĩnh vững vàng sẵn sàng đối mặt với thất bại. Các nhà quản lý, doanh nghiệp cần có giải pháp hỗ trợ vật chất và tinh thần để sinh viên vượt qua thất bại, vì người ta đã từng nói, thất bại là mẹ thành công. Tinh thần khởi nghiệp phải phát huy mạnh mẽ, lan tỏa từ chính sinh viên thì nền nông nghiệp nước ta ngày càng phát triển và phát triển bền vững.

Năm 2021, Việt Nam xếp thứ 44/132 quốc gia và nền kinh tế về đổi mới sáng tạo toàn cầu và có hơn 1.000 tổ chức có năng lực hỗ trợ khởi nghiệp, 100% cơ sở đào tạo có kế hoạch hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp. Tuy nhiên, số lượng, chất lượng các dự án, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo chưa tương xứng với tiềm năng và kỳ vọng; đại đa số doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, thậm chí siêu nhỏ, chưa đủ năng lực, nguồn lực và thiếu nhân lực phục vụ nghiên cứu các công nghệ lõi, thị trường tiêu thụ chưa mở rộng, chế biến sau thu hoạch còn hạn chế... Vì thế, rất cần sự trợ lực của các trường đại học hàng đầu, với các chính sách thiết thực gắn hoạt động SXKD của doanh nghiệp với nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và thương mại hóa các sản phẩm được thị trường đón nhận.

Đối với một đất nước "*lấy canh nông làm gốc*", khởi nghiệp nông nghiệp phải dựa vào 3 trụ cột: Đào tạo nâng cao năng lực khởi nghiệp; tạo dựng môi trường khởi nghiệp; và hỗ trợ vốn và pháp lý cho thanh niên và những người muốn khởi nghiệp. Đây là khâu đột phá cho sự phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Thưa các vị đại biểu, các cô giáo, thầy giáo, đại diện các doanh nghiệp cùng toàn thể các em học sinh, sinh viên!

"Ngày hội việc làm" nhằm tăng cường hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp theo phương châm cùng đồng hành, cùng phát triển; là cầu nối giúp sinh viên có cơ hội tiếp xúc, thể hiện phẩm chất và năng lực bản thân và tìm kiếm cơ hội việc làm đúng chuyên ngành được đào tạo.

Tôi rất ấn tượng trong Ngày hội việc làm hôm nay có gần 100 doanh nghiệp mang đến 3.000 cơ hội việc làm cho sinh viên của Học viện cũng như của các trường lân cận; đồng thời các thầy cô và các em học sinh của 700 trường THPT đang theo dõi sự kiện này qua các điểm cầu là dịp giúp định hướng nghề nghiệp, truyền cảm hứng cho các em học sinh THPT thêm yêu ngành nông nghiệp.

Tôi xin cảm ơn các doanh nghiệp có mặt tại đây hôm nay đã dành 3.000 vị trí việc làm cho các em sinh viên vừa tốt nghiệp, quý vị đã luôn đồng hành cùng đất nước trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực, giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên; tôi tin tưởng rằng quý vị sẽ kiếm tìm, chọn lựa nguồn nhân lực chất lượng như mong đợi.

Chúc các em học sinh, sinh viên sử dụng cơ hội này một cách hiệu quả, các em học sinh THPT định hướng được nghề nghiệp trong tương lai, các em sinh viên tìm được công việc phù hợp với năng lực của bản thân.

Thưa các vị đại biểu, các thầy, cô giáo, đại diện các doanh nghiệp cùng toàn thể các em học sinh, sinh viên!

Nhân Ngày hội việc làm hôm nay, tôi muốn nhắn gửi tới Nhà trường, tới doanh nghiệp và các em học sinh, sinh viên một số điểm như sau:

Đối với các trường, viện đào tạo nhân lực cho ngành nông nghiệp và Học viện Nông nghiệp Việt Nam:

Thứ nhất, nông nghiệp được xem là lợi thế của Việt Nam và khởi nghiệp là phương thức hiệu quả và thiết thực để thúc đẩy nông nghiệp phát triển.

Lĩnh vực nông nghiệp với đa dạng ngành nghề, giàu tiềm năng và dư địa để các bạn trẻ dần thân trên con đường lập nghiệp, góp phần nâng cao giá trị và đưa các sản phẩm đặc trưng vùng miền của Việt Nam đến với bạn bè quốc tế. Khởi nghiệp nông nghiệp phải gắn với xây dựng nông thôn mới, gắn với sản phẩm đặc thù của mỗi địa phương, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, chú trọng công tác quy hoạch sản phẩm, chế biến chuyên sâu...

Thứ hai, "Ngày hội việc làm" phải thực sự trở thành ngày hội gắn kết giữa thầy với trò, giữa nhà trường với cộng đồng doanh nghiệp và xã hội; là cơ hội quan trọng để sinh viên tốt nghiệp có cơ hội gặp gỡ nhà tuyển dụng, là cầu nối tạo việc làm cho sinh viên.

Thông qua Ngày hội việc làm, Học viện Nông nghiệp nói riêng và các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu nói chung cần tiếp nhận các yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học từ thực tiễn, lắng nghe 'tiếng nói' của thị trường lao động để xác định chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo phù hợp, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thực tế của người học và tiêu chí tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Thứ ba, Hành trình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và Ngày hội việc làm hàng năm mà Học viện tổ chức là "tiếng nói" từ thực tiễn. Triết lý "làm tốt những gì mình có, làm tốt những gì mình có thể" có lẽ không còn phù hợp, hiện nay chúng ta cần "làm và làm tốt hơn nữa những gì xã hội cần". Trong đào tạo và nghiên cứu khoa học phải sát với nhu cầu của thực tiễn. Muốn vậy, phải chuyển đổi mạnh mẽ phương pháp đào tạo, coi người học là trung tâm của quá trình đào tạo, gắn đào tạo với thực tiễn, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong học sinh, sinh viên.

Thứ tư, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, trong đó cần thúc đẩy hơn nữa tinh thần khởi nghiệp của học sinh, sinh viên, giúp các em thay đổi tư duy, nhận thức, dám nghĩ, dám làm và có khát vọng lớn để biến ước mơ, ý tưởng thành hiện thực. Học viện Nông nghiệp Việt Nam phải là

một trung tâm đổi mới sáng tạo của ngành nông nghiệp, góp phần giải quyết những vấn đề trước mắt cũng như vấn đề mang tầm chiến lược, giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn, trong việc định hướng nền nông nghiệp Việt Nam trong tương lai.

Thứ năm, cần tạo ra một môi trường giảng dạy sáng tạo, liên kết chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp, cho các em "không gian" để thử nghiệm kiến thức đã học trong việc giải quyết những bài toán tình huống thực tế không chỉ trên giảng đường mà quan trọng hơn là từ thực tiễn sản xuất kinh doanh, từ thực tiễn cuộc sống.

Đối với các em học sinh, sinh viên:

Điều quan trọng là cần hình thành hoài bão, lý tưởng; trang bị cho mình thật nhiều kiến thức chuyên môn, kiến thức xã hội, kỹ năng chuyên môn và kỹ năng sống trong môi trường với thị trường lao động mở, cạnh tranh, đầy thách thức, thất bại để thực hiện hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ.

Tôi mong và chúc nhiều em sinh viên có mặt hôm nay tìm được việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo, năng lực, sở trường và ước mơ của các em; chúc các em sinh viên của Học viện Nông nghiệp Việt Nam và các em học sinh từ 700 trường THPT đang đổi theo sự kiện này qua các phương tiện truyền thông sẽ khởi nghiệp thành công và có những đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta.

Đối với các doanh nghiệp:

Có thể nói, chính doanh nghiệp - nhà tuyển dụng mới là nơi đặt ra đề tài cho bài toán giáo dục. Các doanh nghiệp, doanh nhân cần gắn kết chặt chẽ, đồng hành và hỗ trợ hơn nữa cho giáo dục đại học, tham gia tích cực vào quá trình đào tạo từ việc dự báo nhu cầu lao động, ký hợp đồng đặt hàng đào tạo, xây dựng chuẩn đầu ra, nội dung, cấu trúc của chương trình đào tạo, đánh giá chất lượng đào tạo, hỗ trợ quỹ ương mầm sáng tạo và nghiên cứu khoa học, hỗ trợ sinh viên, hỗ trợ phát triển nhân tài, tạo môi trường để các em cọ xát thực tế, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, ứng

dụng công nghệ cao, phát triển hệ sinh thái sản xuất nông nghiệp...

Đối với các cơ quan quản lý nhà nước:

Cần kịp thời nghiên cứu, tháo gỡ khó khăn về pháp lý, tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu phát triển, đẩy mạnh khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; cần có giải pháp tài chính hỗ trợ ươm mầm khởi nghiệp, xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý, các cơ chế, chính sách tài trợ vốn và các ưu đãi tài chính, tạo cơ chế huy động vốn cho thành lập và hoạt động của các trung tâm, vườn ươm, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, khuyến khích khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch; đẩy mạnh truyền thông về các chương trình khởi nghiệp cho nông dân, các trò chơi, chương trình giải trí phù hợp, hiệu quả cho nông dân, cung cấp kiến thức khởi nghiệp, mô hình hay, cách làm mới, sáng tạo trong nông nghiệp, nông thôn...

Thưa các đồng chí, quý vị đại biểu, các cô giáo, thầy giáo cùng toàn thể các em học sinh,

sinh viên!

Nhân sự kiện hôm nay, một lần nữa, tôi xin chúc mừng những thành tích mà Học viện đã đạt được và mong các thế hệ giảng viên, cán bộ viên chức, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh của Học viện Nông nghiệp Việt Nam tiếp tục phát huy truyền thống anh hùng, thực hiện tốt lời căn dặn của Bác Hồ kính yêu ***"Đoàn kết chặt chẽ, cố gắng không ngừng, để tiến bộ mãi"***.

Chúc các thầy, cô giáo, quý vị đại biểu, doanh nhân, các em sinh viên và học sinh tại hội trường này và tại các điểm cầu luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành tích mới.

Xin cảm ơn"!/.

* Tít bài do Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam đặt!

Ban Biên tập



Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ mãi mãi soi đường chúng ta đi

Vương Xuân Nguyên

Trong những ngày mùa thu lịch sử này, cả nước đang thi đua lập thành tích chào mừng 77 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9, chúng ta, những người con đất Việt thiết thực tri ân tưởng nhớ 53 năm ngày Giỗ lễ (21 tháng Bảy âm lịch) và thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

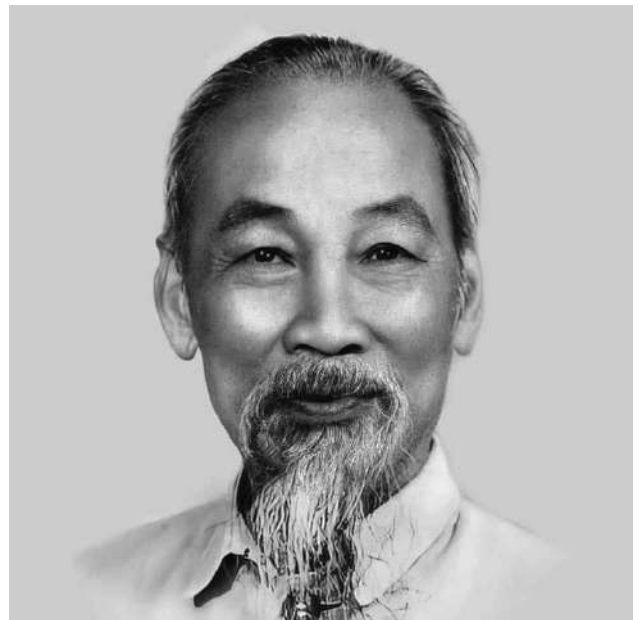
Cách đây tròn 53 năm (ngày 21/7 âm lịch), Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu của chúng ta về với cõi người hiền, để lại muôn vàn tiếc thương vô hạn đối với đồng bào chiến sỹ cả nước và bầu bạn khắp năm Châu. Trong giờ phút đau thương đó, cả dân tộc sát cánh theo lời Di chúc thiêng liêng – Di sản quý báu của Người tiếp tục vượt ghềnh thác, đưa con thuyền cách mạng Việt Nam tiếp tục vươn về phía trước.

Di chúc thiêng liêng là tài sản tinh thần vô giá

Thành kính tưởng nhớ 53 năm ngày Bác Hồ đi xa, 53 năm toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta thực hiện Di chúc thiêng liêng của Người, chúng ta cùng nhìn lại những giá trị vô giá của bản Di chúc thiêng liêng mãi mãi soi đường cho chúng ta đi tới tương lai tươi sáng "sánh vai cùng các cường quốc năm Châu".

Nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã hệ thống thành một kho tàng tri thức về một nhà tư tưởng, nhà đạo đức, người thực hành đạo đức, nhà văn hóa kiệt xuất, trí tuệ uyên bác, tư tưởng cách tân, bản lĩnh sáng tạo, một tâm hồn thơ phong phú, lối sống giản dị, hòa đồng với thiên nhiên, quý trọng đồng bào, chiến sỹ, sự thanh cao của một bậc minh triết phương Đông, triết học phương Tây, thông tuệ kim cổ...

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài, người thầy vĩ đại, chiến sỹ quốc tế lỗi lạc, người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách



Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại
sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

mạng Việt Nam; cho sự đấu tranh giành độc lập, tự do, hạnh phúc của nhân dân ta; cho sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa; cho cuộc đấu tranh vì hòa bình, dân chủ, công bằng xã hội trên thế giới, cho sự củng cố và phát triển tình hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc. Người là vị anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất của nhân loại.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một di sản tinh thần vô giá, Người để lại cho dân tộc ta, nhân dân ta, Đảng ta hôm nay và mai sau. Di sản của Người để lại là những đóng góp vô giá, rất đỗi tự hào của người Việt vào kho tàng tư tưởng, trí thức và văn hóa của nhân loại còn được lưu truyền mãi mãi. Trong đó, Di chúc thiêng liêng

của Người là sự kết tinh, lắng đọng nhất trong kho tàng di sản quý báu đó.

Di chúc thiêng liêng của Người được thực hiện từ ngày 10-5-1965 đến ngày 19-5-1969. Bản

Di chúc là một tài liệu có ý nghĩa vô cùng to lớn, là di sản văn hóa vô cùng quý báu của Đảng và dân tộc ta. Bản Di chúc được công nhận là Bảo vật Quốc gia vào năm 2012.



Những bài học tư tưởng và định hướng chiến lược

Bản Di chúc 1000 từ mà Bác Hồ để lại môn vắn tình yêu thương cho toàn Đảng, toàn dân ta 52 năm về trước đã chứa đựng những tư tưởng lớn có tầm chiến lược đối với cách mạng Việt Nam, con đường xây dựng phát triển Đất nước, con người và dân tộc Việt Nam.

Người thể hiện trong Di chúc ý chí mãnh liệt của toàn dân tộc, quyết tâm đánh bại hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, Bắc - Nam sum họp một nhà. Khẳng định đó của Người là nguồn cổ vũ to lớn đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta khắp hai miền Nam Bắc để chung sức đồng lòng quyết tâm giành thắng lợi cuối cùng. Đồng thời, Di chúc cũng vạch ra những định hướng mang tính cương lĩnh cho sự phát triển của đất nước sau khi kháng chiến thắng lợi.

Trong Di chúc, Người tiên liệu sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hoàn thành, hàn gắn vết thương chiến tranh, kiến thiết lại đất nước sẽ là “công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn”, “việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”.

Là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, trong Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ý thức sâu sắc đến những vấn đề căn cốt nhất bảo đảm cho Đảng xứng đáng với vai trò lãnh đạo và trách nhiệm cầm quyền, đó là thực hành dân chủ rộng rãi, giữ gìn đoàn kết trong Đảng như “giữ gìn con người của mắt mình”, thực hiện tự phê bình và phê bình, chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng

cho đời sau vừa “hồng”, vừa “chuyên”, không ngừng chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân...

Trong Đảng phải đoàn kết nhất trí, thực hành dân chủ, tự phê bình và phê bình, phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Đặc biệt Người nhấn mạnh vai trò của đạo đức cách mạng vì “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”. Chỉ trong mấy dòng ngắn gọn ấy, Người đã nhắc lại 4 lần từ “thật” để nhấn mạnh vai trò của đạo đức, của thực hành đạo đức đối với mỗi cán bộ, đảng viên.

Di chúc đã căn dặn: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”. Điều đầu tiên là “công việc đối với con người”; trước hết là với cán bộ, chiến sĩ, dân quân du kích...những người đã hy sinh một phần xương máu của họ phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét. Ngay đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, Người cũng nhắc nhở “Nhà nước phải vừa

giáo dục, vừa dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp đỡ họ trở nên những người lao động lương thiện”.

Di chúc thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Bác đối với việc “bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau”. Bác đề nghị Đảng, Chính phủ cần lựa chọn những người ưu tú trong số những chiến sĩ trẻ tuổi và thanh niên xung phong, cử họ đi học để đào tạo thành “đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”.

Di chúc “mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động: góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình; góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”.

Về việc riêng, trọn đời Người đã hy sinh phấn đấu cho sự nghiệp của dân tộc và nhân loại, nên dù phải từ biệt thế giới này, Người không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa. Người đề nghị, sau khi Người qua đời chớ nên tổ chức đình đám, lãng phí ngày giờ và tiền bạc của nhân dân, thi hài Người đề nghị “đốt đi” để tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất”.



Ảnh: Bảo tàng lịch sử Việt Nam

Trên những giá trị đó, Di chúc mang giá trị nhân văn cao cả, mong mọi người, căn dặn mọi người, mà đặc biệt là đảng viên, cán bộ, những người có chức trọng quyền cao của Đảng cầm quyền cần phải xây dựng, rèn luyện mình tư chất “Ồ đời” và “Làm người”. “Ồ đời” thì phải thân dân, gần dân, lo cái lo của dân, đau cái đau của dân. “Làm người” thì phải chính tâm, phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; Cần phải giữ trọn đạo nghĩa của truyền thống dân tộc: “Uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây” - cơ đồ, sự nghiệp mà mình đang được thừa hưởng chính là nhờ sự đắp móng, xây nền, sự đấu tranh bằng mồ hôi, công sức, nước mắt và xương máu của tổ tiên, của những bậc tiền nhiệm: cán bộ, đồng bào, chiến sĩ...

Trong Di chúc Bác nhắc đi nhắc lại cụm từ “nhân dân”. Là một nhà chính trị, văn hóa kiệt xuất, Bác đề cao từ tưởng trọng dân, “lấy dân làm gốc”. Bác đề cao phẩm chất cao đẹp của nhân dân ta: “rất anh hùng, rất dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng”. Nhưng với Bác, để thể hiện lòng yêu kính, biết ơn nhân dân, không thể là lời nói suông, dùng những tính từ hoa mỹ, mà phải thật sự hành động, chăm lo cả về vật chất và tinh thần, “không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”, để “cây đại thụ nhân dân” sâu rễ, bền gốc.

Đặc biệt, trong bản Di chúc lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định vai trò quan trọng của người nông dân và trân trọng đề nghị miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho nông dân:

"Trong bao năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tiếp đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân đã luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ ta ra, ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ. Nay ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp một năm cho các hợp tác xã nông nghiệp cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất".

Người đã dành cho nông dân tình cảm gần gũi, thân thiết khi dùng cụm từ "đồng bào nông

dân", khẳng định sự quan tâm đặc biệt của Người với một ngành kinh tế quan trọng tạo ra sức người, sức của cho cuộc kháng chiến kiến quốc cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, và đây còn sự kế thừa truyền thống tốt đẹp của cha ông. Dân tộc ta đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm bảo vệ nền độc lập dân tộc. Sau mỗi lần chiến thắng, ông cha ta lại có kế "khoan thư sức dân" để bồi dưỡng lực lượng. Chính vì thế, trước khi vĩnh biệt chúng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn chưa yên lòng, vì biết rằng sau ngày đất nước toàn thắng, nhân dân ta, "đồng bào nông dân" đời sống còn gặp nhiều khó khăn. Người căn dặn miễn thuế cho nông dân, để họ được "hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi", tiếp bước trên chặng đường cách mạng, đẩy mạnh sản xuất, "chuẩn bị kế hoạch xây dựng nông thôn mới".

Di chúc soi đường đi tới tương lai

Qua Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mỗi người trong chúng ta đều dễ dàng cảm nhận một tình yêu bao la Bác dành cho đồng bào ta, dân tộc ta. Có thể thấy, trái tim vị lãnh tụ muôn vàn kính yêu của dân tộc, suốt đời chỉ canh cánh bên lòng điều tâm huyết cháy bỏng: Làm cho nước nhà được độc lập, tự do; đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành; dân tộc ta được sánh vai cùng các cường quốc năm Châu; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ta ngày càng được cải thiện...

Để thực hiện thắng lợi di nguyện thiêng liêng nêu trên của Bác Hồ kính yêu, mỗi chúng ta cần phải không ngừng nỗ lực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách của Hồ Chí Minh. Định hướng lý tưởng đạo đức của nhân dân trước những nhiệm vụ quan trọng của dân tộc, mà mọi người có đạo đức cần phải: "Trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

Tuy nhiên, cần phải cụ thể hóa nội dung và bản chất của yêu cầu cơ bản về đạo đức qua thái độ, hành vi hàng ngày của mỗi người. Đó là những phẩm chất: "Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư, Khiêm tốn, Giản dị".

Tưởng nhớ 53 năm ngày Bác Hồ đi xa và thực hiện Di chúc thiêng liêng của Người, mỗi chúng ta cần phải phấn đấu học tập rèn luyện hơn nữa để xứng đáng với vai trò tiên phong, gương mẫu, xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh; Nâng cao trách nhiệm thực hiện quy định nêu gương của đảng viên gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả; Tăng cường giáo dục, rèn luyện, thực hành đạo đức cách mạng phải đi đôi với kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, bệnh cơ hội, thực dụng, “lợi ích nhóm”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩnh biệt chúng ta đã 53 năm. Trong suốt thời gian đó và mãi mãi sau này, trong lòng mỗi người chúng ta không bao giờ nguôi niềm tưởng nhớ, nỗi tiếc thương

vô hạn và lòng biết ơn sâu sắc đối với vị lãnh tụ anh hùng giải phóng dân tộc, người thầy vĩ đại của nhân dân ta, người lãnh tụ thiên tài của Đảng ta, nhà văn hóa kiệt xuất của nhân loại.

53 năm đã đi qua và mãi mãi về sau, Di chúc thiêng liêng của Người đã phản ánh tâm hồn cao đẹp, đạo đức trong sáng - “muôn vàn tình thân yêu” của lãnh tụ đối với Tổ quốc, với nhân dân, với phong trào cách mạng thế giới, với bạn bè khắp năm châu, đặc biệt với thanh niên và nhi đồng. Di chúc mãi mãi là những lời dạy thiết tha, là ánh sáng chỉ đường, là sức mạnh thúc đẩy hành động, không chỉ đối với nhân dân ta, mà còn đối với tất cả những ai đang đấu tranh cho tự do, độc lập, cho hoà bình, công lý, cho cơm áo và hạnh phúc của con người.

Từ ngày 24 - 27/8 tới đây, Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội phối hợp cùng UBND huyện Chương Mỹ tổ chức “Hội chợ giống vật tư thiết bị nông nghiệp, nông sản an toàn, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề Thành phố Hà Nội năm 2022”.

Tham gia Hội chợ có trên 100 gian hàng của các chủ thể, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất với trên 80 đơn vị thuộc thành phố Hà Nội và 13 tỉnh trên cả nước. Bên lề Hội chợ còn diễn ra Hội thảo Thực trạng và giải pháp phát triển liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ theo chuỗi trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Hội chợ Hội chợ giống vật tư thiết bị nông nghiệp, nông sản an toàn, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề thành phố Hà Nội năm 2022 tại huyện Chương Mỹ là hoạt động giúp cho các chủ thể sản xuất, kinh doanh tăng cường kết nối giao thương tìm đầu ra cho sản phẩm, trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số, các giải pháp thích ứng linh hoạt sau đại dịch và biến động thị trường.

Sự kiện nhằm thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát truy xuất nguồn gốc, xác định mã số vùng trồng, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh; Giúp các chủ thể tiếp cận với công nghệ tiên tiến và xu thế thời đại để từng bước chuyển mình theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển chuỗi giá trị nông sản bền vững. Đây cũng là cơ hội giúp các chủ thể, các doanh nghiệp, các hộ sản xuất tăng cường kết nối giao thương, quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại, tìm kiếm khách hàng.

Đặc biệt nhân dịp Kỷ niệm 77 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc Khánh 2/9, Văn phòng Điều phối xây dựng Nông thôn mới Hà Nội và UBND huyện Chương Mỹ tổ chức Lễ công bố và đón nhận quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Chương Mỹ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 vào sáng 25/8/2022.

Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững

Minh Phúc

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 150/QĐ - TTg về việc phê duyệt chiến lược phát triển Nông nghiệp và Nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

“Báu vật” định hướng ngành NN-PTNT

Bước sang giai đoạn mới, khu vực nông nghiệp, nông thôn Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội và thách thức mới. Tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa đang diễn tiến rất nhanh, quá trình hội nhập với nhiều hiệp định thể hệ mới mang lại cả cơ hội và thách thức lớn.

Nhu cầu tiêu dùng thế giới chuyển sang sản phẩm chất lượng cao, truy xuất được nguồn gốc, hướng đến các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, trách nhiệm xã hội. Khoa học công nghệ ngày càng phát triển, cách mạng công nghiệp 4.0, nhất là công nghệ số tác động ngày càng sâu rộng, làm thay đổi sâu sắc phương thức sản xuất, kinh doanh và lối sống hàng ngày của mỗi người.



Trong bối cảnh mới, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Thiên tai, dịch bệnh ngày càng phức tạp đặc biệt là biến đổi khí hậu đang diễn ra nhanh và tác động nghiêm trọng đến sản xuất, đời sống và môi trường trên toàn cầu và sẽ ảnh hưởng lớn tới mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội và môi trường, trong đó có nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Trước cơ hội và thách thức mới, vai trò, vị trí của khu vực nông nghiệp, nông thôn có nhiều thay đổi. Những hạn chế về chất lượng, tính bền vững, sự sáng tạo và cách thức phát triển, cùng những yêu cầu mới đã và đang đòi hỏi ngành NN-PTNT Việt Nam cần có những bước chuyển mới mang tính đột phá.

Chiến lược hiện thực hóa định hướng của Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ XIII, trong đó quá trình tái cơ cấu nông nghiệp cần gắn chặt hơn với xây dựng nông thôn mới, thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững gắn với những cơ hội về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, thị trường.

Chiến lược tập trung giải quyết những tồn tại hạn chế hiện tại, đồng thời đưa ra định hướng giải pháp thúc đẩy khu vực nông nghiệp, nông thôn Việt Nam phát triển bền vững hơn, là tiền đề rất tốt để ngành nông nghiệp tái cơ cấu, đổi mới phát triển.

Về ý nghĩa của Quyết định số 150, Bộ trưởng Lê Minh Hoan cho rằng, lần đầu tiên chúng ta có một “báu vật”, định hướng cho toàn ngành NN-PTNT với những tư duy mới, quan điểm tiếp cận mới để đạt được những mục tiêu lớn với tầm nhìn dài hạn.

Nhiều điểm mới mang tính đột phá

Quyết định số 150 phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 có rất nhiều điểm mới mang tính đột phá.

Trước hết, đây là chiến lược đầu tiên về nông nghiệp nông thôn mà Thủ tướng phê duyệt, thể hiện rõ đổi mới về tư duy, định hướng phát triển cho các ngành, các lĩnh vực trong nông nghiệp nông thôn thay vì đưa ra những con số hay mục tiêu quá cụ thể.

Chiến lược thể hiện rõ tính toàn diện, bao trùm, liên ngành trong định hướng và giải pháp phát triển nông nghiệp và nông thôn để xây dựng nền nông nghiệp bền vững theo hướng sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân tri thức văn minh. Chiến lược lần này tập trung nhiều vào phát triển nông dân, nông thôn bên cạnh phát triển nông nghiệp.

Chiến lược định hướng rõ cần phải chuyển đổi nông nghiệp từ việc tăng sản lượng sang hướng tới nền nông nghiệp chất lượng, hiệu quả, nông nghiệp xanh, giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển đổi từ duy sản xuất từ cái chúng ta có sang tư duy sản xuất theo nhu cầu thị trường, tư duy kinh tế nông nghiệp, tích hợp đa giá trị, liên ngành, kết nối vùng miền, phát huy tối đa lợi thế địa phương, vùng miền.

Tiếp tục đổi mới tổ chức sản xuất, lấy kinh tế hợp tác làm động lực để phát triển kinh tế hộ, gắn kết với doanh nghiệp xây dựng các chuỗi giá trị, hạn chế việc chỉ làm “gia công”. Hình thành các vùng chuyên canh được đầu tư bài bản, sản xuất theo tiêu chuẩn bền vững với doanh nghiệp làm đầu tàu. Tập trung phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp cả đầu vào và chế biến đầu ra.

Để đạt được mục tiêu đề ra, chiến lược đã nhấn mạnh và nâng cao vai trò, vị trí chủ thể của người nông dân trong phát triển nông nghiệp, nông thôn trong tương lai; khẳng định việc trao quyền phân cấp cho người dân.

Đồng thời, xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu hơn, tập trung cấp thôn bản, ưu tiên phát triển sinh kế cho người dân, phát triển cộng đồng. Định hướng lại phát triển công nghiệp và kinh tế phi nông nghiệp tại nông thôn để “ly nông bất ly hương”, giảm tải cho các thành phố lớn; đa dạng hóa định hướng phát triển nông thôn mới ở các vùng theo ba loại mô hình (vùng ven đô, vùng chuyên canh, vùng nông thôn truyền thống); xây dựng nền “kinh tế dịch vụ” ở nông thôn.

Chiến lược cũng nêu bật nhiều đột phá chính sách trong việc chính thức hóa lao động

phi chính thức, tạo điều kiện phát triển thị trường lao động công bằng; đổi mới tổ chức nông dân và nghiệp đoàn lao động; phát triển thị trường đất đai như thị trường quyền tài sản, mở rộng đối tượng nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp; tạo điều kiện để các hợp tác xã và tổ chức của nông dân tham gia cung cấp các dịch vụ công cho thành viên, trong đó có dịch vụ tín dụng nông thôn.

Để nông thôn trở thành nơi đáng sống

Trong quá trình xây dựng chiến lược, hàng loạt các quan điểm mới, toàn diện về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã được đưa ra.

Thứ nhất, nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; gìn giữ, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái. Nông nghiệp là lợi thế, nền tảng bền vững của quốc gia. Nông thôn là địa bàn phát triển kinh tế quan trọng, là nền tảng văn hóa, xã hội. Nông dân là lực lượng lao động và nguồn tài nguyên con người quan trọng.

Thứ hai, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, tích hợp các giá trị văn hóa, xã hội và môi trường vào sản phẩm. Sản xuất nông nghiệp có trách nhiệm, phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Thứ ba, xây dựng nông thôn văn minh, có cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, hiện đại, bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp, phát triển môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp. Phát triển kinh tế nông thôn đa dạng, chủ động tạo sinh kế nông thôn từ hoạt động phi nông nghiệp, tạo việc làm chính thức.

Thứ tư, cư dân nông thôn là chủ thể, trung tâm và được hưởng lợi chính từ thành quả của các hoạt động phát triển nông thôn. Phát triển kinh tế hợp tác làm động lực gắn kết kinh tế hộ, hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp. Phát triển cộng đồng làm nền tảng trong phát triển nông thôn.

Và thứ năm là, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường huy động nguồn lực cho đầu tư, phát triển nông nghiệp, nông thôn thông qua hợp tác công tư, thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Mục tiêu đến năm 2050, Việt Nam trở thành một trong những nước có nền nông nghiệp hàng đầu thế giới với ngành công nghiệp chế biến nông sản hiện đại, hiệu quả, thân thiện với môi trường. Nông thôn không còn hộ nghèo và trở thành “nơi đáng sống”, văn minh, xanh, sạch, đẹp với điều kiện sống, thu nhập dân cư nông thôn tiệm cận và kết nối chặt chẽ, hài hoà với đô thị.

Để từng bước tiến đến tầm nhìn trên, chiến lược đã đưa ra một số mục tiêu chính đến năm 2030 gồm: Tốc độ tăng trưởng GDP nông lâm thủy sản đạt bình quân từ 2,5 - 3%/năm, tốc độ tăng năng suất lao động nông lâm thủy sản đạt bình quân từ 5,5 - 6%/năm. Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt bình quân từ 5 - 6%/năm.

Cùng với đó, thu nhập của cư dân nông thôn cao hơn 2,5 - 3 lần so với năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn giảm bình quân 1-1,5%/năm. Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%, tỷ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo đạt trên 70%.

Cả nước có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Đồng thời, giảm phát thải khí nhà kính 10% so với năm 2020. Tỷ lệ che phủ rừng ổn định 42%, diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt trên 1 triệu ha.

Cùng với việc xác định rõ mục tiêu chung và cụ thể trong từng giai đoạn, Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đề ra 9 định hướng và 10 giải pháp quan trọng nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững.



9 định hướng, nhiệm vụ

Trong đó, định hướng đầu tiên là hoàn chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với lợi thế cạnh tranh và yêu cầu thị trường; định hướng theo nhóm sản phẩm chủ lực và đổi mới từng lĩnh vực sản xuất chiến lược.

Hai là, tổ chức các khâu quan trọng trong sản xuất nâng cao hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững trong đó tập trung vào nghiên cứu, chọn tạo và chuyển giao giống năng suất chất lượng cao, có khả năng chống chịu tốt; bảo tồn phát triển giống bản địa.

Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng cho phát triển nông nghiệp (thủy lợi, cảng cá...); quản lý tốt sản xuất và sử dụng đầu vào, nhất là phân bón, thuốc hướng tới nền sản xuất có trách nhiệm; nâng cao trình độ cơ giới hóa nông nghiệp.

Ba là, xây dựng các vùng chuyên canh đảm bảo tiêu chuẩn bền vững. Hình thành một số khu cụm công nghiệp và dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến, hình thành các vùng nguyên

liệu tập trung.

Bốn là, thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị ngành hàng, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào dẫn dắt chuỗi giá trị, liên kết với các hợp tác xã, tổ hợp tác. Phát triển các mô hình nông nghiệp tiên tiến như nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, nông nghiệp giảm phát thải, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp du lịch trải nghiệm.

Năm là, phát triển kinh tế nông thôn tạo việc làm và tăng thu nhập cho dân cư nông thôn. Đầu tư phát triển khu, cụm dịch vụ ở nông thôn, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông thôn. Chính thức hóa lao động phi chính thức ở nông thôn. Từng bước hình thành lực lượng nông dân chuyên nghiệp.

Sáu là, xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa, giữ gìn văn hóa truyền thống. Nâng cấp và hiện đại hóa hạ tầng nông thôn, đổi mới nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới phù hợp với vùng miền.

Bảy là, phát triển bao trùm, đảm bảo công bằng phúc lợi xã hội ở nông thôn, lấy người dân nông thôn là chủ thể, trọng tâm phát triển, đảm bảo tiếp cận bình đẳng các nguồn lực, dịch vụ xã hội, chủ động phòng chống rủi ro, thiên tai, dịch bệnh.

Tám là, xây dựng cộng đồng vững mạnh làm nòng cốt phát triển nông thôn, sản xuất nông nghiệp. củng cố truyền thống văn hóa tốt đẹp, quan hệ gắn kết cộng đồng (thôn bản, dòng họ, hội quán...), chủ động phát huy nguồn lực và tinh thần tự chủ, tự hào, đoàn kết, cùng phát triển. Phát huy vai trò các tổ chức cộng đồng tại địa phương, đào tạo đội ngũ phát triển cộng đồng ở các cấp bài bản.

Chín là, bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thích nghi biến đổi khí hậu. Phát triển cảnh quan nông thôn gắn với làng sinh thái, đảm bảo môi trường xanh sạch thân thiện với thiên nhiên. Giảm sức ép và tái tạo nguồn tài nguyên cơ bản. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

10 nhóm giải pháp chính

Để phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, chiến lược đề ra các nhóm giải pháp triển khai, thực hiện. Trong đó, giải pháp quan trọng hàng đầu là tuyên truyền, giáo dục giáo dục đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và hành động cho các nhóm đối tượng về vai trò nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn mới, những định hướng phát triển nông nghiệp nông thôn trên thế giới (nông nghiệp có trách nhiệm, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn...), những thay đổi nhu cầu tiêu thụ trên thế giới...

Bên cạnh đó, phải đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh. Xây dựng chính sách hỗ trợ nông dân tiếp cận thị trường, nguồn vốn, máy móc, công nghệ tiên tiến. Đổi mới chính sách thúc đẩy phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã trở thành tác nhân quan trọng trong sản xuất tiêu thụ, hỗ trợ dịch vụ. Có chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, hình thành hệ sinh thái ngành hàng, hỗ trợ khởi nghiệp.

Để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, cần nâng cao chất lượng đào tạo nghề thông qua đổi mới hình thức tổ chức và chất lượng đào tạo nghề cho nông dân, lao động trẻ nông thôn. Hỗ trợ đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp.

Tăng nguồn đầu tư công trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Đầu tư đồng bộ cho một số viện, trường đầu ngành. Đầu tư nghiên cứu khoa học có trọng tâm, trọng điểm gắn với chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý trong nghiên cứu khoa học, đổi mới cơ chế hoạt động các tổ chức công lập, xây dựng cơ chế thúc đẩy liên kết công tư, xã hội hóa trong nghiên cứu.

Hoàn thiện môi trường pháp lý cho thị trường khoa học công nghệ đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, phát triển các tổ chức trung gian kết nối công nghệ (sản giao dịch, trung tâm giao dịch, trung tâm hỗ trợ đổi mới...). Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông, chuyển giao công nghệ.

Chiến lược cũng đưa ra các giải pháp nhằm phát triển thị trường trong và ngoài nước đảm bảo đầu ra ổn định cho nông sản. Cụ thể, đối với thị trường trong nước, cần đổi mới hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng, kết nối vùng sản xuất chuyên canh với hệ thống tiêu thụ, hình thành hệ thống chợ đầu mối gắn với chuỗi sản xuất logistics ở vùng trọng điểm.

Đối với thị trường xuất khẩu, chủ động phát huy cơ hội các hiệp định thương mại tự do, phát triển xuất khẩu chính ngạch. Phân cấp trao quyền, nâng cao năng lực cho hiệp hội ngành hàng. Xây dựng hệ thống thông tin cung cầu, nâng cao năng lực phân tích, dự báo.

Cùng với đó, phải xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng. Phát triển thủy lợi đa mục tiêu; xây dựng nâng cấp sửa chữa hệ thống phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu. Ứng dụng công nghệ quản lý và sử dụng nước hiệu quả. Phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu, đầu tư cơ sở hạ tầng trên bờ, nuôi biển. Đầu tư xây dựng hạ tầng lâm nghiệp để bảo vệ và phát

triển rừng. Phát triển hạ tầng phục vụ chuỗi lạnh, bảo quản, chế biến.

Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Đổi mới quản lý ngành, cải cách thể chế, thủ tục hành chính. Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành. Đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, được đầu tư theo đóng góp. Xã hội hóa, phân cấp cho các tổ chức nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ công.

Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Số hóa, tạo lập dữ liệu chuẩn hóa cơ sở dữ liệu ngành. Phát triển mô hình nông nghiệp thông minh, số hóa. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý sản xuất, giám sát cung, cảnh báo dịch bệnh. Có chính sách hỗ trợ hợp tác xã, doanh nghiệp chuyển đổi số, phát triển thương mại điện tử.

Tăng đầu tư xây dựng chính phủ điện tử.

Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro. Áp dụng biện pháp giảm phát thải khí nhà kính thông qua quản lý và sử dụng tiết kiệm hiệu quả nguồn tài nguyên, xử lý phế phụ phẩm, quản lý rừng bền vững, tăng trồng mới; Xây dựng hệ thống cảnh báo dự báo, xác định rủi ro.

Hội nhập và hợp tác quốc tế. Tăng cường hợp tác với các quốc gia thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, tiếp cận khoa học công nghệ. Triển khai các chương trình phát triển thị trường, xây dựng hệ thống phòng vệ thương mại

Đặc biệt, cần xây dựng, hoàn thiện và triển khai một số cơ chế, chính sách đột phá về đất đai, tài chính tín dụng, đầu tư công cho nông nghiệp, thuế, nhân lực.



Ảnh: NSNA Trường Giang

Những xung lực cho phát triển nông thôn bền vững

Quyết Tuấn

Đảng và Nhà nước ta xác định nông nghiệp đóng vai trò trụ đỡ của nền kinh tế khi vừa đảm bảo an ninh lương thực, duy trì an sinh xã hội vừa đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế. Phát triển nông thôn bền vững càng trở nên đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển của đất nước theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Triển khai Nghị quyết đại hội lần thứ XIII của Đảng về nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong tình hình mới, ngày 22/02/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 263/QĐ – TTg về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 với những mục tiêu tổng quát là: Tiếp tục triển khai Chương trình gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hoá, đi vào chiều

sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, bản. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.



Nông thôn mới vẫn giữ hồn quê Việt

Theo đó, Chương trình mục tiêu Quốc gia (MTQG) về xây dựng Nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2021 - 2025 tập trung vào 11 nội dung chính: (1) Nâng cao hiệu quả quản lý và thực

hiện xây dựng NTM theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá; (2) Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo

kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền; (3) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững; (4) Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; (5) Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn; (6) Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn; (7) Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; (8) Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; (9) Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM; (10) Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn; (11) Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thống về xây dựng NTM; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.

Trong đó, Chương trình OCOP, du lịch

nông thôn, chuyển đổi số, bảo tồn và phát triển ngành nghề nông thôn...là những nội dung được quan tâm đầu tư để trở thành những xung lực cho sự phát triển nông thôn bền vững.

Chương trình OCOP khẳng định vị thế nông sản Việt

Về Chương trình OCOP, tập trung triển khai cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ theo hướng kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên và hạ tầng kinh tế xã hội. Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp...Triển khai Chương trình OCOP gắn với lợi thế vùng miền, thành lập Trung tâm OCOP Quốc gia; phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị...

Ngày 01/8/2022, Thủ tướng Chính phủ vừa ký Quyết định số 919/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021 – 2025 nhằm khơi dậy tiềm năng, lợi thế khu vực nông thôn nhằm nâng cao thu nhập cho người dân; góp phần tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ và du lịch nông thôn; thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển bền vững, trên cơ sở tăng cường ứng dụng chuyển đổi số và kinh tế tuần hoàn, bảo tồn các giá trị văn hóa, quản lý tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan và môi trường nông thôn, góp phần xây dựng NTM đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững.



Sản phẩm OCOP góp phần khẳng định vị thế nông sản Việt

Chương trình OCOP là chương trình trọng tâm phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát huy nội lực và gia tăng giá trị; là giải pháp và nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025; xây dựng NTM đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững. Phát triển sản phẩm OCOP có thương hiệu, theo chuỗi giá trị dựa trên thế mạnh, lợi thế về nguyên liệu địa phương, văn hóa và tri thức bản địa, đặc biệt là các đặc sản, sản vật, sản phẩm làng nghề và dịch vụ du lịch của làng, xã, cộng đồng theo hướng kinh tế tuần hoàn, bảo đảm hệ sinh thái bền vững.

Phát huy tính chủ động, sáng tạo, tinh thần hợp tác của các chủ thể và cộng đồng để phát triển sản phẩm OCOP, đáp ứng yêu cầu của thị trường, gắn với mục tiêu tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, bảo tồn cảnh quan, văn hóa truyền thống, đặc biệt ở vùng miền núi, đồng bào dân tộc khó khăn. Phát

triển các hình thức tổ chức sản xuất, ưu tiên củng cố, kiện toàn và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả, phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa gắn với phát triển dịch vụ và ngành nghề ở nông thôn.

Phát huy vai trò của hệ thống chính trị, các ngành, các cấp, đặc biệt là cấp xã trong triển khai Chương trình OCOP, trong đó: Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, ban hành cơ chế, chính sách thực hiện định hướng phát triển trực sản phẩm đặc sản địa phương, tạo các vùng nguyên liệu để sản xuất hàng hoá, phát triển dịch vụ; tăng cường quản lý và giám sát tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm; hỗ trợ: tín dụng, đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng thương hiệu, bảo hộ sở hữu trí tuệ, xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm OCOP.

Chương trình đề ra các mục tiêu cụ thể như: Đến năm 2025, phần đầu ít nhất 10.000 sản phẩm OCOP được công nhận đạt từ 3 sao

trở lên, trong đó có khoảng 400 - 500 sản phẩm OCOP đạt 5 sao; củng cố và nâng cấp ít nhất 50% sản phẩm OCOP đã được đánh giá và phân hạng; ưu tiên phát triển sản phẩm OCOP gắn với thương hiệu sản phẩm, phát triển dịch vụ du lịch nông thôn; Ưu tiên phát triển các HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa, phần đầu ít nhất có 40% chủ thể OCOP là hợp tác xã, 30% chủ thể là doanh nghiệp nhỏ và vừa; Có ít nhất 30% các chủ thể OCOP xây dựng được chuỗi giá trị theo hướng kinh tế tuần hoàn, OCOP xanh gắn với vùng nguyên liệu ổn định; trong đó ưu tiên các sản phẩm OCOP đã được đánh giá và phân hạng; Có ít nhất 50% làng nghề truyền thống có sản phẩm OCOP, góp phần bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống; Tỷ lệ lao động được đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ phù hợp làm việc tại các chủ thể OCOP đạt tối thiểu 20%; phần đầu có ít nhất 40% chủ thể OCOP là nữ, ít nhất 20% chủ thể OCOP là người dân tộc thiểu số điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh; Có ít nhất 50% chủ thể OCOP tham gia vào các kênh bán hàng hiện đại (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, sàn giao dịch thương mại điện tử...); phần đầu mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có 01 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP; Diễn đàn hợp tác quốc tế mỗi làng/xã một sản phẩm được tổ chức ít nhất 1 lần/năm nhằm nâng cao và khẳng định thương hiệu OCOP Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế.

Theo đó, Chương trình bao gồm các nội dung và nhiệm vụ trọng tâm như: Tổ chức sản xuất gắn với phát triển vùng nguyên liệu đặc trưng; Chuẩn hóa quy trình, tiêu chuẩn và phát triển sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị, phù hợp với lợi thế về điều kiện sản xuất và yêu cầu thị trường; Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động cho các chủ thể OCOP; Quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu; Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản lý, giám sát sản phẩm OCOP; Nâng cao năng lực hệ thống hỗ trợ triển khai Chương trình.

Một trong những nội dung và nhiệm vụ quan trọng nữa là tăng cường chuyển đổi số như đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

và chuyển đổi số trong truyền thông; xây dựng hồ sơ và quản lý dữ liệu sản phẩm OCOP, số hóa quá trình tiếp nhận hồ sơ, chấm điểm, phân hạng sản phẩm; số hóa sản phẩm và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị sản phẩm OCOP; hướng tới hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về Chương trình OCOP; Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử cho sản phẩm OCOP thông qua các sàn thương mại điện tử, các kênh bán hàng trực tuyến (online), bán hàng tương tác trực tiếp (livestream), đặc biệt cho các sản phẩm có quy mô nhỏ, sản phẩm đặc sản vùng miền, địa phương; Triển khai sáng kiến “Mỗi nông dân là một thương nhân” nhằm tối ưu hóa ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, thương mại sản phẩm OCOP.

Du lịch nông thôn sức sống ngành kinh tế tiềm năng

Phát triển du lịch nông thôn là một trong những giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, trên cơ sở thay đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông thôn, góp phần hỗ trợ các địa phương thực hiện hiệu quả, bền vững các tiêu chí nông thôn mới. Đây là những nội dung được nêu tại Quyết định số 922/QĐ - TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Theo đó, Chương trình phát triển du lịch nông thôn theo hướng bền vững, bao trùm và đa giá trị, phù hợp với nhu cầu thị trường trên cơ sở sử dụng hiệu quả, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, làng nghề, các hoạt động nông nghiệp và môi trường sinh thái đặc trưng vùng miền, gắn với chuyển đổi số và đổi mới, sáng tạo. Đồng thời, phát huy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng; thúc đẩy sự tham gia tích cực và chủ động của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế khác vào phát triển kinh tế du lịch nông thôn thông qua các hình thức liên kết chuỗi giá trị du lịch hiệu quả.

Mục tiêu đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn gắn với phát huy tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp, làng nghề, văn hóa và môi trường sinh thái của các địa phương, nhằm nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tích hợp đa giá trị, bao trùm và phát triển bền vững.

Phấn đấu đến năm 2025, phát triển, chuẩn hoá các điểm đến và sản phẩm du lịch nông thôn; mỗi tỉnh, thành phố phấn đấu có ít nhất một điểm du lịch nông thôn được công nhận gắn với lợi thế về nông nghiệp, văn hóa, làng nghề hoặc môi trường sinh thái của địa phương; 50% cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch nông thôn được công nhận đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn gắn với quá trình chuyển đổi số; ít

nhất 50% điểm du lịch nông thôn được công nhận được số hóa và kết nối trên trang quảng bá, xúc tiến du lịch bằng công nghệ số. Phấn đấu 100% điểm du lịch nông thôn được giới thiệu, quảng bá; 50% điểm du lịch nông thôn ứng dụng các giao dịch điện tử trong hoạt động du lịch. Phấn đấu mỗi huyện nông thôn mới có tiềm năng du lịch xây dựng ít nhất một mô hình chuỗi liên kết du lịch nông nghiệp nông thôn đặc thù. Và có ít nhất 70% chủ cơ sở du lịch nông thôn được đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ quản lý du lịch; 80% lao động du lịch nông thôn được bồi dưỡng, tập huấn và nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng phục vụ khách du lịch, trong đó ít nhất 50% là lao động nữ; mỗi điểm du lịch có ít nhất một nhân viên thành thạo ngoại ngữ. Xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ số các điểm du lịch nông thôn trên toàn quốc.



Di tích lịch sử góp phần phát triển du lịch nông thôn

Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 cũng đã xác định những nhiệm vụ trọng tâm như: Nâng cấp, đầu tư phát triển điểm du lịch nông thôn gắn với việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ; Bố trí

và xây dựng các điểm, trung tâm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề truyền thống, đồ lưu niệm,... đạt chất lượng phục vụ khách du lịch; Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động và quản lý các điểm đến (quản lý khách du lịch, quản lý lưu trú, quản lý kinh doanh du lịch; bảo đảm

an ninh, trật tự, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường du lịch nông thôn,...); Xây dựng và phát triển các hạ tầng dịch vụ; Phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền; Hỗ trợ nâng cấp, hoàn thiện các cơ sở lưu trú và các công trình dịch vụ đảm bảo chất lượng dịch vụ, hạn chế tác động đến môi trường; Hỗ trợ bảo tồn, phục dựng và phát triển các làng nghề, ẩm thực, trang phục truyền thống và hoạt động nông nghiệp, loại hình biểu diễn văn hóa, thể thao; Xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống,... gắn với du lịch nông thôn; Phát triển nguồn nhân lực du lịch nông thôn có chất lượng; (12) Tăng cường nâng cao năng lực nghiệp vụ, kỹ năng nghề và kỹ năng mềm, kiến thức làm du lịch; Truyền thông, xúc tiến quảng bá du lịch nông thôn.

Đồng thời, tăng cường nghiên cứu, xây dựng các công cụ, phương thức, nội dung xúc tiến quảng bá du lịch nông thôn phù hợp với các loại hình du lịch và các đối tượng du khách; ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện cho xúc tiến quảng bá các điểm du lịch nông thôn, sản phẩm du lịch nông thôn, tiếp cận các thị trường du lịch, kết nối với khách hàng mục tiêu; Tập trung hỗ trợ, tăng cường liên kết trong hoạt động kinh doanh du lịch giữa các xã, huyện nông thôn mới có tiềm năng phát triển du lịch với các công ty lữ hành để chào bán các sản phẩm du lịch nông thôn cho khách du lịch nội địa và quốc tế. Xây dựng và triển khai các mô hình thí điểm về phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững: Xây dựng thí điểm một số mô hình phát triển du lịch nông thôn theo các loại hình: du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch làng nghề, du lịch làng thông minh, du lịch không phát thải. Ưu tiên các mô hình có sản phẩm du lịch đặc sắc cho từng vùng miền và có hiệu quả kinh tế; hướng tới việc nâng cao ý thức và

trách nhiệm của mọi tác nhân trong chuỗi giá trị du lịch (nhà quản lý, doanh nghiệp lữ hành, cộng đồng và du khách,...) trong bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa và bảo vệ môi trường; sử dụng nguyên liệu và lao động tại chỗ; có áp dụng các giải pháp về chuyển đổi số; huy động sự tham gia của phụ nữ, người nghèo, người dân tộc thiểu số, người yếu thế để nâng cao đời sống, thu nhập cho người dân.

Ngoài ra, cần chú trọng xây dựng các sản phẩm nông nghiệp, các mô hình phát triển nông nghiệp sạch, công nghệ cao gắn với phát triển du lịch. Xây dựng tài liệu hướng dẫn phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; tập huấn, nâng cao năng lực cho người dân về phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn; tuyên truyền, quảng bá du lịch nông thôn thông qua các chương trình kết nối nông sản và Chương trình OCOP.

Chuyển đổi số hướng tới nông thôn mới thông minh

Về Chuyển đổi số, tập trung triển khai hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021 - 2025. Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn. Nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý. Tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội... Trước yêu cầu đó, ngày 02/8/2022 Chính phủ ban hành Quyết định số 924/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025”.

Theo đó, Chính phủ đã chỉ rõ quan điểm chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới như: Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn

mới là giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, phải phù hợp, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh và chiến lược chuyển đổi số quốc gia, triển khai một cách chủ động, linh hoạt với 03 trụ cột: Phát triển chính quyền số ở nông thôn; Phát triển các chủ thể kinh tế số ở nông thôn; Phát triển xã hội số cho cộng đồng dân cư ở nông thôn.

Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới để từng bước hình thành nông thôn mới thông minh, nâng cao hiệu quả hoạt động của cộng đồng, góp phần xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững, trên cơ sở kế thừa, tiếp tục phát triển, hoàn thiện

kết quả các chương trình, dự án về công nghệ thông tin, chuyển đổi số do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan đã và đang triển khai, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và bền vững.

Phát huy vai trò của hệ thống chính trị, các ngành, các cấp, đặc biệt là vai trò trung tâm của người dân tham gia thực hiện chuyển đổi số, đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong đầu tư hạ tầng, ứng dụng công nghệ, phát triển nguồn nhân lực để thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới. Từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách để khuyến khích người dân nông thôn chủ động áp dụng chuyển đổi số, góp phần phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao chất lượng tiếp cận dịch vụ và đời sống của người dân nông thôn.



Chuyển đổi số thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp

Đồng thời, Chính phủ đặt ra mục tiêu cụ thể phát triển chính quyền số trong xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 như: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được tổ chức đồng bộ, thống nhất trên nền tảng công nghệ số, ít nhất 90% hồ sơ công việc cấp trung ương, cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc cấp huyện và 60% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng; Ít nhất 97% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 8.4 của tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới; 50% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 8.4 của tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, 50% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu số 15.2 của tiêu chí số 15 về hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao; Có ít nhất 60% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 9.5 của tiêu chí số 9 về an ninh trật tự - hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; 25% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 6.5 của tiêu chí số 6 về kinh tế, 25% đạt chỉ tiêu 9.2 của tiêu chí số 9 về an ninh trật tự - hành chính công theo bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao; Phân đầu 100% cán bộ quản lý các cấp tham gia thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được tập huấn, nâng cao năng lực về chuyển đổi số.

Gìn giữ và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa làng nghề Việt

Việt Nam là một đất nước có nhiều nghề thủ công truyền thống gắn liền với lịch sử dân tộc. Các làng nghề hình thành, tồn tại, trải qua nhiều thăng trầm và phát triển cho đến tận bây giờ. Những làng nghề đã chứng tỏ được sức sống bền bỉ của mình góp phần gìn giữ nét đẹp văn hóa của cha ông chúng ta để lại và tạo điều kiện cho xã hội phát triển. Ngày nay, việc bảo tồn và phát triển làng nghề có một vị trí ngày càng quan trọng trong cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn.

Ngày 07/07/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 807/QĐ - TTg về phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng

nghề Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 với mục tiêu chung là bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề nhằm gìn giữ và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của làng nghề Việt Nam, thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, giá trị gia tăng cho các sản phẩm làng nghề; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân và bảo vệ cảnh quan môi trường.

Mục tiêu đến năm 2025: Khôi phục, bảo tồn được ít nhất 56 nghề truyền thống và 85 làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền; công nhận mới 116 nghề và 40 làng nghề truyền thống; phát triển 181 làng nghề gắn với du lịch; trên 70% làng nghề, làng nghề truyền thống hoạt động có hiệu quả; 80% người lao động trong làng nghề được đào tạo; có ít nhất 50% làng nghề truyền thống có sản phẩm được phân hạng theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); có ít nhất 30% số làng nghề có sản phẩm được bảo hộ sở hữu thương hiệu; tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân các làng nghề đạt khoảng 10%/năm; thu nhập bình quân của lao động tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020; nâng kim ngạch xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ của các làng nghề đạt khoảng 4 tỷ USD; 100% cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường.

Chương trình đề ra mục tiêu đến năm 2030: Khôi phục, bảo tồn 129 nghề truyền thống và 208 làng nghề truyền thống; công nhận mới 213 nghề và 96 làng nghề truyền thống; phát triển khoảng 301 làng nghề gắn với du lịch; trên 80% làng nghề, làng nghề truyền thống hoạt động có hiệu quả; 100% người lao động trong làng nghề được đào tạo; có ít nhất 50% số làng nghề có sản phẩm được bảo hộ sở hữu thương hiệu; tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân các làng nghề đạt khoảng 10%/năm; nâng kim ngạch xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ của các làng nghề đạt khoảng 6 tỷ USD; 100% cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường.

Chương trình đề ra 04 nhiệm vụ trong

tâm: (1) Phát huy vai trò của đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi tạo nòng cốt thúc đẩy công tác đào tạo, truyền nghề; bảo tồn, phát triển kỹ năng nghề truyền thống, sáng tạo thêm nhiều sản phẩm, tác phẩm mới có giá trị. Suu tầm, lưu giữ và tổ chức trưng bày các tác phẩm tiêu biểu, đặc sắc. Tổ chức phong tặng, tôn vinh các danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân và các sản phẩm làng nghề tiêu biểu; (2) Bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề truyền thống như rà soát, thống kê, đánh giá, phân loại danh mục các nghề, làng nghề truyền thống và đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ, xét công nhận; xây dựng kế hoạch khôi phục, bảo tồn những nghề, làng nghề truyền thống đang có nguy cơ mai một, thất truyền; hỗ trợ các nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận và đang hoạt động hiệu quả để phát triển và nhận rộng; (3) Phát triển làng nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới như phục hồi, tôn tạo các di tích liên quan đến giá trị văn hóa nghề, làng nghề truyền thống; khôi phục, tổ chức các lễ hội, hoạt động văn hóa dân gian, phát huy các giá trị văn hóa của nghề và làng nghề. Tổ chức liên kết chuỗi giá trị, phát triển làng nghề gắn với du lịch; (4) Phát triển các làng nghề mới đảm bảo các giá trị văn hóa truyền thống, thân thiện với môi trường.

Để thực hiện được mục tiêu đó, Chương trình cũng đã đề ra một số giải pháp như: Rà soát, sắp xếp lại các làng nghề, làng nghề truyền thống phù hợp với các quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng; xây dựng tiêu chí và tổ chức đánh giá, xếp loại hoạt động làng nghề; xây dựng và số hóa hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề Việt Nam; khôi phục, bảo tồn các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền; hỗ trợ phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống đang hoạt động có hiệu quả và làng nghề mới; phát triển vùng nguyên liệu phục vụ làng nghề; xây dựng các trung tâm bảo tồn và phát triển các giá trị của nghề, làng nghề; đào tạo nâng cao

năng lực nghệ nhân, thợ giỏi và nguồn nhân lực phục vụ phát triển làng nghề; chuyển giao khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu; xây dựng chuỗi liên kết giá trị làng nghề; nâng cao chất lượng của các hiệp hội ngành hàng; đẩy mạnh công tác tuyên truyền; rà soát, hoàn thiện chính sách bảo tồn và phát triển làng nghề.

Dưới tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai dịch bệnh diễn biến bất thường, xung đột địa chính trị gây đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, tác động tới ổn định xã hội thời gian vừa qua, càng cho thấy vai trò trụ đỡ của nền kinh tế khi vừa đảm bảo an ninh lương thực, duy trì an sinh xã hội vừa đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế. Và phát triển nông thôn bền vững càng trở nên đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển của đất nước theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Bởi nông thôn, nông nghiệp sản xuất ra những nông sản phẩm thiết yếu cho đời sống con người mà không một ngành sản xuất nào có thể thay thế được. Ngoài ra nông thôn còn sản xuất ra những nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến, công nghiệp nhẹ phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Trên địa bàn nông thôn có trên 60% lao động xã hội, đó là nguồn cung cấp lao động cho các ngành kinh tế quốc dân, đặc biệt là công nghiệp và dịch vụ. Số lao động đó nếu được nâng cao trình độ, được trang bị công cụ thích hợp sẽ góp phần nâng cao năng suất lao động đáng kể, tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu lao động hợp lý trong phân công lao động xã hội. Nông thôn là nơi sinh sống của trên 65% dân số cả nước, đó là thị trường tiêu thụ rộng lớn, nếu được mở rộng sẽ tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy nền kinh tế quốc dân phát triển. Địa bàn nông thôn nước ta có 54 dân tộc khác nhau, bao gồm nhiều tầng lớp, nhiều thành phần, mỗi biến động tích cực hay tiêu cực đều có tác động mạnh mẽ đến tình hình kinh tế, chính trị; xã hội, an ninh quốc

phòng. Sự ổn định tình hình nông thôn sẽ góp phần quan trọng để đảm bảo tình hình ổn định của đất nước. Nông thôn chứa đại đa số tài nguyên đất đai, khoáng sản, động thực vật, rừng, biển...có ảnh hưởng to lớn đến việc bảo vệ môi trường sinh thái, đến việc khai thác, sử dụng có hiệu quả các tiềm năng, đảm bảo cho việc phát triển lâu dài và bền vững của đất nước.

Ý thức được tầm quan trọng đó, Đảng và Nhà nước trong những năm qua đã ban hành nhiều chính sách để phát triển nông thôn bền vững, trong đó xác định nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, xét trên cả khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường để người nông dân thực sự là nhân vật trung tâm, là người được hưởng lợi trước tiên từ những thành quả của quá trình phát triển đó.

Nằm trong chuỗi sự kiện hưởng ứng cuộc thi và triển lãm ảnh “Một thoáng Nông thôn mới Hà Nội” do Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Hà Nội phối hợp cùng Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam phát động, ngày 24/8/2022, CLB Nhiếp ảnh Khoa học và Cuộc sống - Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam tổ chức Trại sáng tác ảnh nghệ thuật “Hương Sắc Xứ Đoài” tại huyện Chương Mỹ - Quốc Oai (Hà Nội).

Trại sáng tác đã thu hút 30 nghệ sĩ nhiếp ảnh, nhiếp ảnh gia nhằm tìm kiếm những tác phẩm ảnh nghệ thuật đặc sắc về miền danh thắng Xứ Đoài đang thay da đổi thịt qua phong trào xây dựng Nông thôn mới.

Tại hai huyện Chương Mỹ và Quốc Oai các nghệ sĩ nhiếp ảnh, nhiếp ảnh gia chụp những phong cảnh nông thôn; danh lam thắng cảnh, di đình đình Làng So, làng nghề miền So, làng mây tre đan Phú Vinh; phong tục, tập quán truyền thống, sinh hoạt cộng đồng và những hoạt động ghi nhận sự đổi thay của đời sống vật chất và tinh thần ở nông thôn.

Ở đó, những miền quê thanh bình đáng sống với những cánh đồng lúa và hoa hoa trong nhịp đập đổi mới của những làng nghề truyền thống nghìn năm tuổi. Những di tích sử gắn với công tích của các bậc tiền nhân thành những câu chuyện du lịch hấp dẫn du khách gần xa. Hương quê thấm đẫm trong ký ức tuổi thơ của bao người với với tiếng sáo diều vi vu nơi triều đê yêu dấu, với những trưa hè mình trần phơi nắng tắm sông, với tiếng ve kêu náo nức ngày hội trường...hòa trong nhịp sống mới văn minh, hiện đại. Tất cả được đánh thức qua những góc nhìn độc đáo của ngôn ngữ nhiếp ảnh nghệ thuật.



Các lý thuyết phát triển nông thôn trên thế giới và hiến kế áp dụng ở Việt Nam

PGS. TS Đào Thế Anh

Phó Giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

1. Lịch sử ra đời của các lý thuyết phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Từ 1950 đến các năm đầu thế kỷ 21, sự phát triển nông nghiệp có thể chia làm 3 thời kỳ:

1950-1969: Khẳng định vai trò của nông nghiệp trong phát triển kinh tế. Trong các năm 1950, các thuyết kinh tế học phát triển không coi nông nghiệp là một nhân tố của phát triển. A. Lewis (1954) trình bày mô hình phát triển gồm hai khu vực: khu vực tư bản chủ nghĩa hiện đại và khu vực bản địa không tư bản. Nhiều nhà kinh tế đã phát triển thêm mô hình này, coi khu vực I là công nghiệp và khu vực II là nông nghiệp. Chiến lược phát triển chủ yếu là chuyển lao động dư thừa từ nông nghiệp sang công nghiệp và nông nghiệp bị coi nhẹ. Các nhà phát triển nông nghiệp thời kỳ này chủ yếu chủ trương chuyển giao công nghệ nông nghiệp từ các nước tiên tiến sang các nước lạc hậu qua mô hình khuyến nông của Mỹ và các chương trình phát triển nông thôn cộng đồng.

Đến những năm 1960, Johnston và Mellor (1961) cho rằng nông nghiệp có vai trò đóng góp cho sự phát triển thông qua sự cung cấp lao động, vốn, ngoại tệ, thực phẩm và thị trường cho công nghiệp. T. Shultz (1964) cho rằng tiểu nông là các tác nhân đầu tư các nguồn lợi của mình một cách hợp lý và ra các quyết định có hiệu quả, cái mà họ thiếu là công nghệ và nghiên cứu nông nghiệp quốc tế dẫn đến cuộc cách mạng xanh ở các nước châu Á. Kinh tế hộ nông dân được coi là động cơ của sự phát triển.

Những năm 1970: Tăng trưởng và công bằng. Sang đến các năm 1970, khoa học phát triển chú ý hơn đến việc làm và sự phân phối thu nhập: tăng trưởng và công bằng. Các

chương trình phát triển nông thôn tổng hợp ra đời để nhằm tăng năng suất nông nghiệp đi đôi với việc cung cấp các nhu cầu cơ bản của con người như sức khoẻ, giáo dục và các dịch vụ xã hội. Tuy vậy nhiều dự án PTNT tổng hợp cung cấp các dịch vụ xã hội nhanh hơn các cơ sở kinh tế bảo đảm cho chúng. Trong thời kỳ này nhiều vấn đề lý thuyết được nghiên cứu sâu: phân phối thu nhập, việc làm, thị trường đầu ra, tăng năng suất lao động, hệ thống nông trại (farming systems) và kinh tế hộ nông dân dựa vào lý thuyết kinh tế nông dân của Tchayanov.

Những năm 1980 và 1990: Cải cách vĩ mô và thể chế, an ninh lương thực thực phẩm và phát triển bền vững. Sang những năm 1980, xu hướng điều chỉnh cơ cấu và tự do hoá thị trường phổ biến trong kinh tế thế giới, còn gọi là “Đồng thuận Washington” (Washington concensus) chủ trương phải mở cửa thị trường và giảm vai trò của nhà nước. Trong thời kỳ này nhà nước rút lui khỏi các chương trình phát triển nông thôn để cho thị trường cung cấp các dịch vụ PTNT cho nông dân. Việc điều chỉnh cơ cấu dẫn đến việc thay chiến lược thay thế nhập khẩu bằng chiến lược hướng xuất khẩu và phát triển buôn bán nông sản. Xu hướng kinh tế học thể chế mới (New institutional economics) dẫn đến việc nghiên cứu lịch sử phát triển và cho thấy con đường phát triển rất đa dạng và coi trọng ảnh hưởng của thông tin và chi phí trao đổi. Việc phát triển do thị trường lôi kéo (market pull) cũng thay thế cho việc thúc đẩy bằng công nghệ (technology push). Việc phi tập trung hoá và dân chủ hoá cũng được đề cao. Vai trò của xã hội dân sự cũng ngày càng quan trọng trong việc cung cấp các dịch vụ nông nghiệp.

Cũng trong thời gian này xu hướng Hệ

thống nông nghiệp (Agrarian systems) bắt đầu phát triển chủ trương phải tiến hành phát triển nông thôn từ dưới lên, có sự tham gia của quần chúng nông dân, chú ý các tri thức bản địa và các vùng sinh thái khó khăn.

Đến cuối các năm 1990 bắt đầu phát triển xu hướng “Sinh kế bền vững” (Sustainable livelihoods) trong đó bao gồm cả các mục tiêu giảm nghèo, phát triển bền vững và sinh kế (Carney, 1998). Xu hướng này cho rằng mục tiêu của hộ nông dân là “Sinh kế bền vững” bao gồm vốn con người (giáo dục, tay nghề,

sức khỏe), vốn vật chất, vốn xã hội (social capital), vốn tài chính và vốn tự nhiên. Các chiến lược về sinh kế mà hộ theo đuổi gồm nhiều hoạt động để tiếp xúc và sử dụng các tài sản ấy một cách đa dạng. Đầu thiên niên kỷ 2000, xu hướng giảm nghèo gắn liền với mục tiêu thiên niên kỷ của Liên hiệp quốc đã đặt ra những vấn đề mới trong phát triển nông thôn.

Các ý tưởng về phát triển nông thôn.

F. Ellis và S. Biggs (2001) đã tổng kết lại các ý tưởng về phát triển nông thôn từ 1950 đến nay.

Các năm 1950	Các năm 1960	Các năm 1970
Hiện đại hoá Mô hình kinh tế hai thành phần Phát triển cộng đồng	Tiếp cận chuyển đổi Chuyển giao kỹ thuật Cơ giới hoá Khuyến nông Nông nghiệp thúc đẩy tăng trưởng Cách mạng xanh (bắt đầu) Nông dân hợp lý, kinh tế hộ nông dân	Tăng trưởng với phân phối lại Nhu cầu cơ bản Phát triển nông thôn tổng hợp Chính sách nhà nước Tín dụng nhà nước Thiên lệch về đô thị Sáng tạo được thúc đẩy Cách mạng xanh (tiếp) Các quan hệ tăng trưởng nông thôn: phi nông nghiệp
Các năm 1980	Các năm 1990	Các năm 2000
Điều chỉnh cơ cấu Tự do hoá thị trường Làm cho giá đúng Nhà nước rút lui Phi chính phủ nổi lên Đánh giá nhanh nông thôn Nghiên cứu hệ thống nông nghiệp Phân tích an toàn thực phẩm và xóa đói PTNT là quá trình không phải là sản phẩm Pnụ nữ trong phát triển Giảm nghèo	Tín dụng nhỏ Đánh giá nông thôn có tham gia PTNT hướng vào tác nhân Mạng lưới an sinh xã hội Giới và phát triển Môi trường và bền vững Giảm nghèo	Sinh kế bền vững Quản trị tốt Phi tập trung hoá Phê phán sự tham gia Tiếp cận ngành rộng Bảo vệ xã hội Xóa nghèo

Có một số lý thuyết kinh tế học và phát triển không thật sự thuộc về lĩnh vực phát triển nông thôn nhưng có ảnh hưởng rất lớn đến chiến lược và nội dung của lĩnh vực này và đã đặt cơ sở lý luận cho việc phát triển nông thôn là:

- Lý thuyết **Kinh tế hộ nông dân** bắt đầu được A. Tshayanov đề xuất từ 1924. Năm 1966 cuốn “lý thuyết kinh tế nông dân” của ông được dịch ra tiếng anh mở đầu cho một trào lưu nghiên cứu kinh tế nông dân. T. Schultz trong cuốn “Chuyển đổi nông nghiệp truyền thống” (1964) cho rằng tăng trưởng nông nghiệp dựa trên việc sử dụng nguồn lợi hiệu quả của hộ nông dân nhỏ. Nguyên nhân của sự nghèo khổ là do thiếu kỹ thuật thích hợp và đầu tư vào vốn con người. Lý thuyết này đã thúc đẩy cả một trào lưu nghiên cứu về nông dân học (Peasant studies) và về mô hình nông hộ mới (New household models). Chính việc nghiên cứu này đã đặt cơ sở lý luận cho sự chính thống của tiểu nông (Small farm orthodoxy).

- Lý thuyết **Cách mạng xanh** (Green revolution) trong các năm 1960 và 1970 đã mở đầu cho sự phát triển nông nghiệp ở các nước đang phát triển giúp giải quyết sự thiếu hụt về lương thực. Đây không hoàn toàn là một lý thuyết khoa học mà là cả một trào lưu nghiên cứu nhằm xây dựng một hệ thống nghiên cứu khoa học nông nghiệp quốc tế nhằm cung cấp cho tiểu nông các công nghệ tiên tiến và cả một hệ thống dịch vụ nông nghiệp làm cơ sở cho việc phát triển nông thôn ở châu Á. Phong trào này đã thúc đẩy việc giải quyết vấn đề an ninh lương thực ở châu Á và châu Mỹ latin nhưng lại không thành công ở châu Phi vì những đặc điểm về sinh thái và thể chế ở châu lục này.

- Lý thuyết **Hệ thống nông nghiệp** (Agrarian systems) với các tiếp cận hệ thống, liên ngành và từ dưới lên đã giúp xây dựng một tác phong nghiên cứu mới có sự tham gia của nông dân để giúp nông dân giải quyết việc phát triển trong hệ sinh thái của mình, bảo vệ các nguồn lợi tự nhiên. Lý thuyết này coi trọng đặc điểm của hệ sinh thái, các kiến thức bản địa

của nông dân, huy động sự tham gia của các tác nhân cùng tham gia vào việc xây dựng các mối quan hệ trong nông thôn nối liền nông nghiệp với khu vực phi nông nghiệp ở nông thôn, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho nông dân.

Nội dung nghiên cứu của lý thuyết này trong mấy chục năm qua đã có sự tiến hoá:

1960-1970: Quản lý nông trại, hệ thống cây trồng, phân phối nguồn lợi của hộ nông dân, sử dụng công nghệ,

1970-1980: Chẩn đoán sinh thái và kinh tế xã hội, nông dân tham gia nghiên cứu, chú ý nhiều hơn đến các vấn đề kinh tế - xã hội.

1980-1990: Đánh giá nông thôn có sự tham gia, tổ chức nông dân, sự tham gia của các tác nhân ngành hàng.

- Lý thuyết về “**Sinh kế bền vững**” (Sustainable livelihood) là một xu hướng mới do nhiều tổ chức đề xuất chủ trương làm việc với nhân dân, dựa vào sức mạnh và tiềm năng của họ, bằng cách xác định cản trở của hộ và tìm cách giải quyết bằng các chính sách và thể chế. Có nhiều phương án khác nhau hình thành xu hướng này như:

Gây dựng tài sản (vật lý, con người, tài chính, tự nhiên và xã hội) của AUSAID, Ford Foundation

Phát triển do cộng đồng (Community driven development) của Ngân hàng thế giới

Phát triển cộng đồng dựa vào gây dựng tài sản (Asset based community development) của AUSAID, Ford Foundation...

Sinh kế bền vững là một cách nghĩ về mục tiêu, phạm vi và ưu tiên phát triển nông thôn. Sinh kế bao gồm các khả năng, tài sản (cả vật chất lẫn xã hội) và hoạt động cần cho việc mưu sinh. Sinh kế bền vững lúc đối phó và phục hồi căng thẳng và cú sốc và giữ được hay đẩy mạnh khả năng và tài sản, cả hiện nay và trong tương lai, không phá hoại cơ sở nguồn lợi tự nhiên, bền vững

Khung của sinh kế bền vững bao gồm:

- Tài sản hay vốn (tự nhiên, con người, vật lý, tài chính, xã hội)

- Sự dễ gặp tổn hại hay nhạy cảm với stress, cú sốc (của khí hậu, xung đột, tội phạm...)

- Các chính sách, thể chế. Quá trình hay tổ chức ảnh hưởng đến nhân dân (hình thức, phi hình thức ở các cấp khác nhau)

- Kết quả mà nhân dân mong đợi để tăng vốn hay giảm tổn hại

- Chiến lược sinh kế mà nhân dân sử dụng để đạt mục tiêu.

- Các cơ hội mà nhân dân có các kết quả.

Các nguyên tắc của Sinh kế bền vững:

- Phải tập trung vào nhân dân: Xóa nghèo bền vững sẽ chỉ có thể thực hiện được nếu hỗ trợ từ ngoài nhằm vào nhân dân, hiểu sự khác nhau giữa các nhóm dân và làm việc với họ, phù hợp với chiến lược sinh kế, môi trường xã hội và khả năng thích nghi.

- Có trách nhiệm và tham gia: dân nghèo phải là tác nhân chính trong việc định ưu tiên sinh kế.

- Nhiều cấp: xóa nghèo là một thách thức lớn, chỉ có thể vượt qua được nếu làm việc với nhiều cấp, bảo đảm các hoạt động vì môi trường tin cho việc ra quyết định chính sách và môi trường thuận lợi, các cấu trúc vĩ mô phải hỗ trợ nhân dân xây dựng sức mạnh của họ.

- Thực hiện trên sự cộng tác giữa khu vực công và tư.

- Bền vững: có 4 yếu tố về bền vững: kinh tế, thể chế, xã hội và môi trường. Tất cả đều quan trọng và phải có sự cân bằng giữa các yếu tố.

- Năng động: sự hỗ trợ từ ngoài phải công nhận bản chất năng động của chiến lược sinh kế, phản ứng một cách mềm dẻo với tình hình nhân dân và phát triển các cam kết dài hạn.

Kinh nghiệm xóa nghèo: Người nghèo

không kiểm soát được các tài sản tạo ra thu nhập

- Phải khuyến khích việc xây dựng các dịch vụ nông thôn bằng các thể chế xã hội dân sự (tổ chức nông dân, hợp tác xã).

- Nhà nước phải có các chính sách thúc đẩy bảo vệ và thực hiện công bằng ruộng đất, xây dựng cơ sở hạ tầng và cung cấp hàng hoá công (dịch vụ) bổ sung cho thị trường và xã hội dân sự.

- Người nghèo ở nông thôn rất đa dạng, các hộ nghèo thường khác nhau về tài sản về tiếp xúc với thị trường. Nguồn thu nhập của các hộ cũng rất đa dạng do đây giải pháp giảm nghèo phải phân hoá, phải tiến hành phân kiểu hộ và có giải pháp khác nhau cho từng kiểu hộ.

- Phải có sự liên kết của người nghèo để đòi chương trình phát triển nông thôn phải phục vụ cho họ vì ngoài ra còn có các nhóm quyền lợi khác tạo sức ép để chương trình này mang lại quyền lợi cho họ.

Lý thuyết **kinh tế học thể chế mới (New institutional economics)** là một lý thuyết lớn trong kinh tế học hiện đại, đã góp phần vào việc xây dựng các thể chế của ba khu vực: Nhà nước, Thị trường và Xã hội dân sự bảo đảm cho sự phát triển một cơ sở kinh tế xã hội bền vững. Trong lĩnh vực phát triển nông thôn thể chế cần cho việc xây dựng các chính sách, hoàn chỉnh thị trường và phát triển các tổ chức nông dân và xã hội dân sự.

Phương pháp nghiên cứu ngành hàng của Pháp (étude des filières) và Chuỗi giá trị của Anh - Mỹ (value chains) đã giúp nhiều cho việc phát triển các thể chế thị trường, đặc biệt trong thông tin thị trường và hạ thấp chi phí giao dịch.

2. Các chương trình phát triển nông thôn của các tổ chức quốc tế.

Hiện nay trên thế giới có 4 cơ quan quốc tế có các chương trình phát triển nông thôn với các nội dung khác nhau:

Cơ quan	Cộng đồng châu Âu (EU)	FAO	IFAD	WB
Tên chương trình	Chống nghèo nông thôn	Chống đói	Kết thúc nghèo nông thôn	Tiếp xúc người nghèo nông thôn
Mục tiêu	- Thúc đẩy tăng trưởng nông thôn - Bảo đảm tiếp cận tài sản, thị trường và dịch vụ công bằng hơn - Trợ giúp phát triển con người và xã hội - Bảo đảm quản lý tài nguyên tự nhiên bền vững - Giảm rủi ro - Xoá loại trừ xã hội và chính trị	- Xung đột và tai hoạ tự nhiên - Nguồn nước ngọt - Tiến hoá kỹ thuật - Toàn cầu hoá, hàng hoá công và thương nghiệp - An ninh thực phẩm - Quyền được tiếp cận lương thực	- Xóa nghèo trong nông thôn	- Nhắm vào người nghèo - Thúc đẩy tăng trưởng rộng - Tiếp xúc tất cả nông thôn - Liên kết với tất cả các tác nhân - Chú ý ảnh hưởng đến các nước khách hàng
Ưu tiên		- Tăng năng suất nông nghiệp, sinh kế và an ninh thực phẩm - Phát triển và bảo vệ tài nguyên tự nhiên - Mở rộng cơ sở hạ tầng và tiếp cận thị trường - Tăng và phổ biến kiến thức - Bảo đảm tiếp cận thực phẩm - Chuyển đổi nông nghiệp sinh thái và hệ thống lương thực thực phẩm bền vững	- Vai trò của lương thực với sinh kế người nghèo - Đòi hỏi phân phối nước tốt hơn - Phân phối lại tài sản, thể chế và thị trường - Chú ý hơn đến phụ nữ, dân tộc thiểu số và dân miền núi và khô hạn - Phát triển thị trường vì người nghèo	- Thúc đẩy một môi trường thuận lợi cho tăng trưởng nông thôn - Tăng năng suất nông nghiệp và sức cạnh tranh - Khuyến khích tăng trưởng kinh tế phi nông nghiệp - Cải tiến phúc lợi xã hội, quản lý rủi ro - Đẩy mạnh quản lý tài nguyên tự nhiên bền vững, thích ứng với BĐKH

S. Maxwell, giám đốc Viện phát triển nước ngoài (ODI) của Anh (2003) nghiên cứu các chương trình trên có các nhận xét sau:

- Tất cả các chương trình đều dựa vào nông nghiệp và tài nguyên tự nhiên, không đề cập đến phát triển nông thôn tổng hợp như các năm 1970.

- Tất cả đều nhấn mạnh về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, cung cấp hàng hoá công, bảo vệ môi trường và phi tập trung hoá dịch vụ nông thôn. Không có tài liệu nào nói đến đa dạng hoá ngoài nông nghiệp.

- Tất cả đều tập trung vào giảm nghèo, có tài liệu nói đến công bằng, tất cả đều đề cập đến tiếp cận đến tài sản và dịch vụ, với mạng lưới bảo hiểm, nhưng không có tài liệu nào nói đến việc giảm tính cạnh tranh của nông trại nhỏ, cũng như đến việc đánh thuế.

- Điểm yếu chung là không có tài liệu nào nói đến đô thị hoá, sự thay đổi của các ngành hàng, việc xuất hiện siêu thị và nhất là đến giới hạn của tự do hoá trong điều kiện hậu đồng thuận Washington.

- Có những sự khác nhau giữa các cơ quan: EU muốn đưa các vấn đề nông thôn vào kế hoạch chung cả nước. FAO chú ý đến mạng lưới an sinh xã hội và quyền được ăn. IFAD tập trung vào lương thực và nông trại nhỏ. WB hướng nhiều vào tăng trưởng nông nghiệp và thân thiện với thị trường.

Các quan điểm phát triển nông thôn trên cũng gây nhiều tranh luận. 150 tổ chức phi chính phủ trong Mạng lưới hành động thuộc trừ sâu bệnh (PANNA, (2002) đã phản đối chiến lược phát triển nông thôn của WB. Chiến lược này cho rằng tự do hoá buôn bán và tự nhân hoá nguồn lợi công và dịch vụ công sẽ giảm nghèo. Chiến lược này phân tích các rào cản của nông dân nhưng không nói đến do các công ty đa quốc gia và người giàu nông thôn đang làm giàu trên lưng của nông dân. Chiến lược này định dùng cơ chế thị trường để chuyển nông dân từ cấp và ít hướng vào thị trường thành các nông trại sản xuất hàng

hoá. Chiến lược này chủ trương tự nhân hoá nghiên cứu, khuyến nông và tiếp cận thị trường và giao nông dân vào tay của các công ty đa quốc gia, giảm vai trò của khu vực nhà nước. Chiến lược này khuyến khích việc chuyên môn hoá sản xuất theo kiểu cách mạng xanh, giảm việc đa dạng hoá. Chiến lược này thúc đẩy việc phát triển Công nghệ sinh học vì cho rằng công nghệ sinh học sẽ giúp giảm nghèo. Chiến lược này còn chủ trương thị trường hoá và cải cách ruộng đất có sự tham gia của thị trường bằng cách tạo một thị trường ruộng đất (!).

3. Phát triển nông thôn tổng hợp dựa vào cộng đồng

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, trong quá trình công nghiệp hóa ở các nước, nông thôn là khu vực chịu nhiều thiệt thòi nhất do bị rút hết nguồn lực. Do trong các bước đi không tính toán đến lợi ích của nông thôn, nên rút cuộc lại phải tốn nhiều công của để sửa chữa sai lầm thông qua các chương trình tái thiết nông thôn. Vì vậy nếu ở nước ta trong giai đoạn tới không thực sự có chiến lược bảo vệ và đầu tư vào nông thôn thì sẽ lâm vào tình trạng như các nước đi trước.

Mâu thuẫn lớn nhất hiện nay là mục tiêu của Nhà nước và của nông dân khác nhau. Nhà nước coi nông nghiệp là một khu vực của nền kinh tế, phải tăng trưởng thế nào để vừa đảm bảo được an ninh lương thực thực phẩm, vừa có thặng dư để đóng góp cho công cuộc công nghiệp hoá. Còn nông dân sống trong xã hội nông thôn cần có đời sống ngày càng được nâng cao, cùng với mức sống của đô thị. Trong xã hội nông thôn không chỉ có nông nghiệp, mà còn có công nghiệp, dịch vụ. Những nghiên cứu gần đây về sinh kế của nông dân trên thế giới và nước ta cho thấy nông dân có xu hướng đa dạng hoá sinh kế để tăng thu nhập và trong thu nhập của nông dân phần từ các hoạt động phi nông nghiệp ngày càng cao. Không phải giá trị gia tăng của nông nghiệp đều được quay trở về cho nông dân mà còn được phân phối cho khu vực phi nông nghiệp. Vì vậy, nông dân không chỉ sống từ nông nghiệp. Trên thế giới gần đây, trong phát triển nông thôn xuất

hiện xu hướng “sinh kế bền vững” trong đó bao gồm cả mục tiêu giảm nghèo, phát triển bền vững và sinh kế.

Mục tiêu của nông dân là tăng thu nhập, bất cứ từ hoạt động kinh tế nào, do vậy họ cần đa dạng hoá hoạt động kinh tế. Hộ nông dân có nhiều người có khả năng lao động khác nhau. Muốn có thu nhập cao mỗi thành viên của gia đình phải làm việc thích hợp nhất.

Nhà nước muốn có những khối lượng hàng hoá lớn để xuất khẩu do vậy phải quy hoạch các vùng sản xuất chuyên canh, phát triển các hộ nông dân chuyên môn hoá, Hiện nay có nhiều nước đang muốn chuyển từ mục tiêu “an ninh thực phẩm” sang mục tiêu “sinh kế bền vững” hay “thu nhập nông trại”, nhưng gặp nhiều khó khăn vì các chính sách của Nhà nước cản trở.

Nông nghiệp càng phát triển mạnh thì giá nông sản càng giảm xuống. Từ đầu thế kỷ 20, giá nông sản tính theo giá cố định có xu hướng giảm dần vì năng suất lao động trong nông nghiệp ngày càng tăng do sự tiến bộ nhanh chóng của công nghệ và do việc trợ cấp nông nghiệp của các nước công nghiệp. Chúng ta cố gắng phát triển khuyến nông để đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhưng không biết rằng chính việc này là nguyên nhân làm giảm giá nông sản trên thị trường. Giá cả thị trường còn có một đặc tính khác là không ổn định vì nó phản ánh cân bằng giữa cung và cầu. Nếu nước ta gia nhập WTO thì ảnh hưởng của việc giảm giá quốc tế càng mạnh hơn vì giá nông sản thế giới phụ thuộc vào ý đồ của các tập đoàn đa quốc gia. Đã công nhận kinh tế thị trường thì phải chấp nhận sự rủi ro của thị trường đó là: giảm giá và giá không ổn định. Phải có các biện pháp để tránh các rủi ro của thị trường. Biện pháp hữu hiệu nhất để tránh rủi ro là đa dạng hoá sản xuất. Ngoài ra phải phân đầu để không ngừng giảm giá thành nông sản bằng việc cải tiến công nghệ sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

Các tiếp cận phát triển nông thôn truyền thống thường nhằm vào tăng năng suất nông

ng nghiệp coi đây là động lực của phát triển nông thôn và giảm nghèo. Mặc dù nông nghiệp giữ một vai trò chủ yếu trong kinh tế nông thôn, nhưng hoạt động nông nghiệp không phải là nguồn độc nhất của thu nhập. Hiện nay nhiều vùng nông thôn có tỷ lệ thu nhập từ phi nông nghiệp cao. Hơn nữa WB nhấn mạnh rằng nghèo khổ không phải chỉ do thiếu thu nhập mà còn do thiếu quyền lực, cơ hội và an ninh. Vì vậy để chiến lược giảm nghèo có hiệu quả chúng ta phải nhìn xa hơn nông nghiệp và xử lý một cách tổng hợp nâng cao mức sống nông thôn. Chiến lược phát triển nông thôn phải công nhận và dựa vào các mối quan hệ giữa các khu vực của xã hội, cơ sở hạ tầng, quản lý, kinh tế nông hộ và ngoài nông hộ.

Trong các năm 1970 nhiều tổ chức quốc tế áp dụng tiếp cận phát triển nông thôn tổng hợp. Với mục đích tấn công vào nghèo khổ một cách tổng hợp, hy vọng có một sự tương tác giữa các dịch vụ. PTNT tích hợp đề ra các hệ thống nông nghiệp gắn với đào tạo tập huấn, dịch vụ xã hội, cơ sở hạ tầng. Trước đây chương trình PTNT tổng hợp thất bại trong việc cải tiến đời sống nông thôn, thất bại vì quá tập trung, dội từ trên xuống. Tiếp theo các kết quả thất vọng của PTNT tổng hợp các tổ chức hỗ trợ lại quay trở về các chương trình theo từng nhân tố truyền thống.

Gần đây các tổ chức hỗ trợ lại muốn quay về tiếp cận tích hợp với sự tham gia của nông dân vào quá trình ra quyết định. Phải tạo quyền lực cho các cộng đồng làm việc với chính phủ và khu vực tư nhân. PTNT trên cơ sở cộng đồng là một tiếp cận giảm nghèo bằng cách tạo hành động tập thể của cộng đồng và cho họ kiểm tra các sự can thiệp, lấy các tổ chức cộng đồng làm động lực phát triển.

Một tổ chức cộng đồng là một tổ chức gồm các người cùng có một lợi ích chung như các tổ chức người sản xuất, các nhóm cùng nguồn lợi và các ban phát triển của làng. Sự phát triển dựa trên khái niệm về vốn, nhấn mạnh các nguồn vốn khác nhau của cộng đồng: vốn tự nhiên, vốn vật lý (cơ sở hạ tầng), vốn tài chính, vốn con người (giáo dục), vốn xã hội.

Vốn xã hội là các thể chế, quan hệ và tiêu chuẩn tạo nên chất lượng và số lượng của các tác động lẫn nhau trong một xã hội. Vốn xã hội theo nghĩa hẹp bao gồm các hội quần chúng, các mạng lưới xã hội đi đôi với các tiêu chuẩn có tác dụng đến năng suất của cộng đồng nông thôn. Vốn xã hội làm dễ dàng sự điều phối và hợp tác.

Các nguyên tắc của PTNT dựa vào cộng đồng là:

Tạo môi trường thể chế cơ bản: luật lệ, quy ước, hỗ trợ của Nhà nước.

Củng cố các tổ chức cộng đồng

Tăng cường năng lực các tác nhân.

Khuyến khích sáng tạo địa phương bằng các biện pháp mềm dẻo, không dập khuôn

Trong quá trình phát triển nông thôn có một số việc trước kia do Nhà nước làm nay phải giao cho các cộng đồng nông thôn thực hiện. Phải bồi dưỡng và hỗ trợ cho các cộng đồng để họ có đủ điều kiện tự đứng ra thực hiện công việc này. Công tác phát triển nông thôn là hoạt động tổng hợp, phải có sự tham gia của nông dân vào quá trình ra quyết định. Việc xác định các chính sách phát triển phải có sự tham gia của nhân dân. Quá trình này gồm có nhiều giai đoạn:

1. Xác định mục tiêu của chính sách.

2. Xác định đặc điểm của hệ thống: giới hạn, vấn đề, tác nhân. Thu thập thông tin, trình bày hệ thống. Trước hết cần xác định các tác nhân tham gia vào quá trình phát triển. Phải tạo quyền lực cho các cộng đồng làm việc với Chính phủ và khu vực tư nhân. Phải tạo quyền lực cho các cộng đồng làm việc với Chính phủ và khu vực tư nhân.

3. Trình bày công việc của các tác nhân trên quan điểm kinh tế, xã hội và thể chế.

Nhà nước hỗ trợ các tổ chức nông dân làm phát triển nông thôn dựa trên kết quả, nơi nào làm tốt thì được hỗ trợ tiếp, chứ không hỗ trợ dàn đều để tạo hiệu ứng lan toả. Nhà nước cũng

Phát triển nông thôn trên cơ sở cộng đồng là một cách tiếp cận giảm nghèo khá hiệu quả bằng cách tạo hành động tập thể của cộng đồng và cho họ kiểm tra các sự can thiệp, lấy các tổ chức cộng đồng làm động lực phát triển.

Tổ chức nông dân, như là HTX, cần đa dạng để thích ứng với các điều kiện khác nhau về đặc điểm địa phương và trình độ phát triển. Trong nông nghiệp truyền thống các tổ chức nông dân cần cho sự hoạt động của nông nghiệp gia đình, thường là các tổ chức nhằm giải quyết các mối quan hệ giữa các thành viên trong việc tiếp xúc với các phương tiện sản xuất như đất, nước. Trong bước đầu của sự phát triển muốn chuyển từ tình trạng tự cấp sang sản xuất hàng hoá cần có các tổ chức cung cấp các loại dịch vụ đầu vào cũng như đầu ra cho sản xuất và dịch vụ cho nông dân. Hiện nay chúng ta muốn phát triển hợp tác xã nhưng để tiến lên hợp tác xã là một hình thức cao nhất của sự hợp tác cần có các tổ chức nông dân đơn giản mang tính chất tương trợ để nông dân có thể học tập trong thực tế, phát triển lên các hình thức tổ chức cao hơn. Việc xây dựng tổ chức nông dân là một quá trình lâu dài và phức tạp, không thể từ chỗ chưa có gì bước ngay lên các hình thức tổ chức cao như hợp tác xã. Các hình thức tổ hợp tác có thể coi là các hình thức tiền HTX. Vốn xã hội thể hiện qua các hành động tập thể hợp tác cũng là tiền đề cho phát triển HTX. Tổ chức nông dân làm kinh tế khác với doanh nghiệp ở chỗ, các thành viên liên kết với nhau không phải dựa vào vốn tài chính mà dựa vào vốn xã hội, tương trợ lẫn nhau. Vì vậy các HTX ở nhiều nước có chu kỳ phát triển, có lúc phát triển đỉnh cao, tuy nhiên khi suy thoái thì không phá sản như doanh nghiệp mà có thể

Các tổ chức nông dân kiểu mới là các tổ chức không phải nhằm giải quyết các quan hệ bên trong nữa mà là tổ chức thêm các mối quan hệ với bên ngoài như việc giúp cho sự tiếp xúc với thị trường và xã hội. Các tổ chức nông dân là các cơ cấu trung gian giữa người sản xuất và các tác nhân khác trong môi trường kinh tế, thể chế và chính trị.

Các tổ chức nông dân thường có các chức

năng sau:

1. Đại diện và bảo vệ các quyền lợi của người sản xuất như các nghiệp đoàn.
2. Chức năng kinh tế và kỹ thuật, cung cấp các dịch vụ cho hội viên.
3. Quản lý các nguồn lợi tự nhiên và tài sản, như sử dụng nước, đồng cỏ...
4. Chức năng phát triển xã hội, phát triển địa phương.

Hiện nay chúng ta đang định hướng về

phát triển tổng hợp nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Việc trao quyền cho các tổ chức nông dân là ưu tiên đầu tiên. Không nên biến các tổ chức nông dân như HTX thành các tổ chức kinh tế hợp tác mà nhà nước can thiệp quá sâu về tổ chức. Giá trị và tính bền vững của HTX trong phát triển nông thôn gắn liền với giá trị đa dạng của nông thôn là cung cấp lương thực thực phẩm, tạo môi trường cảnh quan thu hút du lịch, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho cư dân nông thôn.

Sáng ngày 24/8/2022, Chi cục Phát triển Nông thôn thành phố Hà Nội tổ chức Hội thảo “Thực trạng và giải pháp phát triển liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ nông sản theo chuỗi trên địa bàn thành phố Hà Nội”. Tham dự Hội thảo có lãnh đạo: Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, Viện Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam, Trung tâm xúc tiến thương mại nông nghiệp – Bộ NN&PTNT cùng đông đảo các chuyên gia, các nhà khoa học, đại diện các hiệp hội ngành hàng và các doanh nghiệp tiêu biểu trong hoạt động liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ nông sản theo chuỗi. Báo cáo tại Hội thảo cho thấy, Hà Nội là một trong những địa phương đi đầu cả nước trong xây dựng và phát triển nông nghiệp theo chuỗi. Với thị trường tiêu thụ rộng mở, nhu cầu thực phẩm, sản phẩm nông sản giá trị cao ngày càng gia tăng... Toàn Thành phố đến nay có 145 chuỗi, trong đó có 52 chuỗi sản phẩm có nguồn gốc từ sản phẩm chăn nuôi, 93 chuỗi có nguồn gốc từ sản phẩm trồng trọt. Tại Hội thảo các chuyên gia, các nhà khoa học cũng đã thẳng thắn chỉ ra những bất cập, hạn chế trong quá trình triển khai các văn bản của Trung ương và Hà Nội về nâng cao hiệu quả các chuỗi sản xuất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Hội thảo đã thống nhất đề xuất các giải pháp phát triển liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ nông sản theo chuỗi trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian tới như: (1) Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, doanh nghiệp, hợp tác xã và các tầng lớp nhân dân, người tham gia sản xuất nông nghiệp; (2) Tăng cường công tác truyền thông quảng bá trên các phương tiện thông tấn, báo chí, truyền hình của Trung ương và Thành phố về gương điển hình tiên tiến các mô hình làm tốt; (3) Rà soát, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, đề xuất Trung ương và Hội đồng nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung những nội dung còn thiếu và những nội dung chưa phù hợp; (4) Ứng dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, các thành tựu của cuộc cách mạng 4.0, công nghệ sinh học, cơ giới hóa, tự động hóa, công nghệ Nano, kinh tế tuần hoàn; (5) Tăng cường liên kết “5 Nhà” Nhà nước – Nhà doanh nghiệp – Nhà khoa học – Nhà nông – Nhà truyền thông” để nâng cao giá trị gia tăng cho chuỗi.

Phát triển toàn diện nông thôn Việt Nam vì một miền quê đáng sống

PGS. TS Vũ Trọng Khải

Nguyên hiệu trưởng Trường quản lý cán bộ NN 2, TP HCM

Phát triển nông thôn toàn diện là một tiến trình không có điểm kết thúc với những mục tiêu được định trước bằng các chỉ tiêu kinh tế - xã hội. Từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên hiện đại và hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển nông thôn toàn diện trở thành nội dung căn bản nhất, quyết định sự thành bại của sự nghiệp chấn hưng đất nước ta.



Phát triển toàn diện nông thôn Việt Nam vì một miền quê đáng sống

Mục tiêu tổng quát của phát triển nông thôn toàn diện là tạo nên những miền quê đáng sống của người dân Việt Nam, xét trên tất cả các mặt kinh tế, xã hội, văn hoá và môi trường sinh thái tự nhiên và nhân văn. Tuy vậy, chúng ta vẫn phải xây dựng kế hoạch với những mục tiêu giải pháp ngắn hạn cho từng bước đi của mỗi địa phương cụ thể, tùy theo trình độ phát triển, điều kiện kinh tế, tự nhiên, lịch sử, văn hoá và bối cảnh quốc tế.

Vì thế, không thể phát triển nông thôn toàn diện bằng chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới với 19 tiêu chí cho tất cả các địa

phương. 19 tiêu chí này là các mục tiêu cần đạt được của mỗi xã, huyện, tỉnh đã xoá nhòa ranh giới giữa mục tiêu và giải pháp phát triển, “cào bằng” giữa các địa phương có trình độ phát triển và đặc điểm kinh tế xã hội, tự nhiên khác nhau. Ví dụ, tiêu chí phải có tổ chức kinh tế hợp tác (tổ hợp tác và hợp tác xã) ở mỗi xã không phải là mục tiêu phát triển, hơn nữa kinh tế hợp tác không có ranh giới hành chính.

Một xã có thể không có hợp tác xã hay tổ hợp tác, nhưng người dân ở đó vẫn có thể là thành viên của hợp tác xã, tổ hợp tác có trụ sở ở địa phương khác. 19 tiêu chí nông thôn mới đã trở

thành mục tiêu phấn đấu vì thành tích của các cấp lãnh đạo từ xã đến huyện, tỉnh. Được công nhận là địa phương (xã, huyện, tỉnh) đã hoàn thành 19 tiêu chí nông thôn mới, nhưng chất lượng cuộc sống của người dân vẫn còn thấp kém, lại làm nảy sinh danh hiệu “nông thôn mới nâng cao”, “nông thôn mới kiểu mẫu”. Nhiều chợ và nhà văn hoá được xây dựng khá tốn kém nhưng không hoạt động; công trình nước sạch trở thành nguồn cung cấp nước bị ô nhiễm... Vì vậy, cần xác định lại quan điểm và nội dung, giải pháp của chương trình xây dựng nông thôn mới, mà thế giới gọi là

chương trình phát triển nông thôn toàn diện.

1. Mục tiêu tổng quát của chương trình phát triển nông thôn toàn diện là tạo ra những miền quê đáng sống, thể hiện bằng chất lượng sống của người dân xét trên tất cả các khía cạnh kinh tế, xã hội, văn hoá và môi trường sinh thái.

2. Đơn vị cơ sở của miền quê đáng sống là LÀNG ở đồng bằng bắc bộ, trung bộ, ẤP ở nam bộ, BẢN, PHUN, XOC, ở những nơi cư ngụ của các sắc tộc thiểu số, như miền núi phía bắc, tây nguyên, đồng bằng sông Cửu Long.



Những làng quê yên bình với những phong tục tốt đẹp được lưu truyền

Sau đây gọi chung là LÀNG. Vì làng là đơn vị quần cư được hình thành từ thời Hùng Vương đến nay. Nước ta nhiều lần mất nước, với hàng ngàn năm bắc thuộc, hay gần 100 năm Pháp thuộc, nhưng chưa bao giờ mất làng. Vì Làng có tính tự quản rất cao đến mức “phép vua thua lệ làng”; vì làng được hình thành bên vững bởi sự cố kết huyết tộc của một vài dòng họ, có truyền thống lịch sử, văn hoá, điều kiện tự nhiên riêng có của mỗi ngôi làng cụ thể và được thể chế hoá thành hương ước.

Các đơn vị hành chính, xã, huyện, phủ, châu, tỉnh có nhiều biến thiên trong lịch sử dân tộc, nhưng làng vẫn tồn tại như nó vốn có. Làng trở thành cái nôi của văn minh, văn hoá của dân tộc Việt, với sự đa dạng phong phú của các vùng miền và các sắc tộc khác nhau. Làng Việt trước hết là làng của văn minh lúa nước, của xã hội thuần nông.

Do đó, để hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, làng cũng phải biến đổi sâu sắc, toàn diện, nhưng vẫn giữ được hồn cốt văn hoá của mỗi vùng miền,

mỗi sắc tộc đã tạo nên dân tộc Việt. Bảo tồn và phát triển làng Việt đã trở thành mục tiêu và nội dung của tiến trình phát triển nông thôn nước ta. Cần bảo tồn những giá trị nhân văn, truyền thống lịch sử của mỗi làng, như “tình làng nghĩa xóm”, “là lành đùm lá rách”, bảo tồn những di tích lịch sử, như đình, chùa, miếu, nhà thờ, nét văn hoá truyền thống, như các lễ hội của mỗi làng cụ thể. Hương ước của mỗi làng là bản “hiến pháp làng”, đã cố kết dân làng thành một khối thống nhất, đoàn kết bảo vệ sự tồn tại của làng trước sự hưng vong của đất nước qua các triều đại từ thời Hùng Vương đến nay.

Để phát triển, cần khắc phục những tập quán, quy ước, cách ứng xử, tầm nhìn tiểu nông, không vượt qua lũy tre làng. Do sự kết cấu huyết tộc, nên dân làng thường ứng xử” dĩ hoà vi quý”, “chín bỏ làm mười“, duy tình hơn duy lý, thậm chí hương ước còn quy định hôn nhân “trong làng, ngoài họ”. Tư duy hẹp hòi, đố kị giữa các làng và dòng họ, thăng mõ làng lớn bắt nạt thăng mõ làng bé, đã làm suy yếu sức mạnh của dân tộc.

Điều này chỉ tạm mất đi khi quốc gia bị ngoại bang xâm lược. Trong nền kinh tế thị trường và đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hoá, mỗi làng phải trở thành một mắt xích, một khâu kết nối với xã hội rộng mở, tiếp nhận những giá trị mới về kinh tế, văn hóa ở tầm quốc gia và quốc tế làm phong phú thêm bản sắc tốt đẹp của văn hoá làng, đồng thời khắc phục những hạn chế, lạc hậu của nếp nghĩ tiểu nông “không vượt khỏi lũy tre làng” và các giá trị văn hoá lỗi thời. Vì tất cả những lý do nêu trên, cần lấy làng (bản, ấp, phun, sóc) làm đơn vị cơ bản, điểm xuất phát của tiến trình phát triển vì một miền quê đáng sống.

Do vậy, mỗi làng có những mục tiêu, giải pháp riêng, cụ thể trong mỗi bước đi của tiến trình phát triển, thể hiện bằng những tiêu chí về kinh tế, xã hội, văn hoá và bảo vệ môi trường sống.

3. Những nội dung cơ bản của tiến trình phát triển nông thôn toàn diện:

3.1. Công nghiệp hoá hiện đại hoá kinh tế nông thôn nói chung và kinh tế nông nghiệp

nói riêng trong thời đại kinh tế số, toàn cầu hoá. “Canh nông vì bản, nhưng phi công bắt phú, phi thương bắt hoạt”. Lời dạy của cổ nhân vẫn còn nguyên giá trị trong thời đại hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

a) Kinh tế nông nghiệp hiện đại, trước hết, phải cung cấp đủ nông phẩm đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm và phải truy xuất được nguồn gốc, cho toàn dân và xuất khẩu mang lại giá trị gia tăng cao sang các thị trường quốc tế khó tính, nhờ tận dụng được ưu thế của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Kinh tế nông nghiệp phải đảm bảo an ninh dinh dưỡng cho toàn dân (không chỉ là an ninh lương thực). Điều đó có nghĩa là mọi lúc, mọi nơi dù trong hoàn cảnh khó khăn nào người dân Việt Nam cũng đều có khả năng mua lương thực, thực phẩm theo nhu cầu dinh dưỡng của mình. Không thể gọi là bảo đảm an ninh dinh dưỡng chỉ xét trên cân đối cung- cầu quốc gia, trong khi có nhiều người dân không có tiền để mua đủ nông phẩm hoặc không nhận được nông phẩm cứu trợ khi gặp thiên tai, khủng hoảng kinh tế. Hơn nữa, nông phẩm được làm ra không chỉ đảm bảo nhu cầu về số lượng mà còn cả chất lượng, ngon và bổ dưỡng.

Một nền nông nghiệp hiện đại phải được phát triển trên cơ sở tận dụng lợi thế so sánh của mỗi vùng, tiêu vùng kinh tế sinh thái của đất nước, không phải theo đơn vị hành chính, tỉnh, huyện, xã như hiện nay. Phải tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị của từng ngành hàng nông sản ở mỗi vùng nông nghiệp sinh thái, kết nối sản xuất với thị trường về cả đầu vào và đầu ra, với trụ cột là các doanh nghiệp, hợp tác xã chế biến, tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư, tiền vốn và công nghệ hiện đại cho nông nghiệp, là các trang trại gia đình (kinh tế nông hộ) sản xuất hàng hoá quy mô lớn do các nông dân chuyên nghiệp quản lý bằng kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ cao, số hoá để thực hiện các khâu sản xuất mang tính sinh học trên đồng ruộng, vườn cây, ao nuôi trồng thủy sản, chuồng trại chăn nuôi, rừng cây. Một nền nông nghiệp hiện đại phải coi rừng tự nhiên là một yếu tố thiết yếu nhất của kết cấu

hạ tầng sinh thái quốc gia.

b) Kinh tế nông thôn bao gồm các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống mang đậm bản sắc văn hoá của mỗi làng, mỗi vùng miền, các ngành dịch vụ cho đời sống của cư dân và cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp, như logistic, vận tải, thương mại và đặc biệt là du lịch nông thôn, nông nghiệp, cũng như các ngành sản xuất công nghiệp mới du nhập vào nông thôn như dệt may, da giày, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông thủy sản, xây dựng kết cấu hạ tầng ... Do mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế, tiếp nhận đầu tư nước ngoài trên quy mô lớn, nên ở những đô thị đã hình thành và phát triển những ngành công nghiệp và dịch vụ hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, tạo ra những khu công nghiệp tập trung quy mô lớn và các siêu đô

thị, tuy vẫn minh nhưng cũng làm nảy sinh nhiều vấn nạn về kinh tế xã hội và môi trường. Trong khi đó, kinh tế nông thôn vẫn còn lạc hậu.

Điều đó đã tạo ra nền kinh tế nhị nguyên, mất bình đẳng sâu sắc giữa đô thị và nông thôn. Hàng triệu thanh niên nông thôn ồ ạt ra các khu đô thị làm những công việc nặng nhọc, sử dụng cơ bắp là chính, không cần trải qua đào tạo dài ngày, nên chấp nhận bán sức lao động với giá rẻ và sống ở các khu nhà trọ chật chội, thiếu thốn mọi tiện nghi tối thiểu. Để khắc phục tình trạng kinh tế nhị nguyên nhất thiết phải hiện đại hoá và đa dạng hoá kinh tế nông thôn, trước hết phải kể đến các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống mà hiện nay vẫn còn thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.



PGS.TS Vũ Trọng Khải; Ảnh:Trần Trung

Từ xưa, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp đều được cha truyền con nối, sản xuất tại nơi cư ngụ. Vì thế, khi quy mô sản xuất mở rộng, phải thuê thêm nhiều nhân công ngoài gia đình, cần thiết hình thành nên các loại hình doanh nghiệp khác nhau theo luật doanh nghiệp hiện hành. Tiêu

biểu như làng nghề chế biến gỗ Đồng Kỵ (Bắc Ninh), nghề gốm sứ Bát Tràng (Hà Nội) được sản xuất trong làng, ngay tại mỗi hộ gia đình với không gian chật hẹp, đã gây ô nhiễm môi trường nặng nề cả về chất thải rắn, lỏng, không khí và tiếng ồn.

Do vậy, cần quy hoạch và xây dựng các cụm sản xuất tập trung. Làng chỉ còn là nơi cư ngụ của người dân với những hoạt động dịch vụ đời sống thường ngày. Mặt khác việc đào tạo nguồn nhân lực lành nghề cũng phải được chuyên nghiệp hoá, không chỉ dựa vào việc “cha truyền con nối”, bằng việc thiết lập các trường nghề ở cả khu vực tư và công, với những chính sách ưu đãi của chính phủ về tài chính, đất đai... Đối với các ngành công nghiệp mới lại càng phải quy hoạch và xây dựng các khu sản xuất tập trung ở những vùng đất sản xuất nông nghiệp không thuận lợi và không phá vỡ tính hệ thống của các công trình hạ tầng thuỷ lợi, giao thông của vùng đất sản xuất nông nghiệp. Các khu công nghiệp này nhất thiết phải được xây dựng các khu xử lý chất thải, bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia. Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp phải ưu tiên sử dụng người lao động địa phương để họ chỉ ly nông mà không ly hương, vẫn sống trong các làng quê của mình. Tuyệt đối không sử dụng sức lao động phổ thông của người nước ngoài.

Đồng thời, nhất thiết phải xây dựng các khu dân sinh có nhà ở xã hội, có đầy đủ các tiện ích công cộng và dịch vụ của đô thị văn minh cho những người lao động nhập cư. Khu công nghiệp và dân sinh sẽ tạo nên những đô thị nhỏ, phân tán ở vùng nông thôn, làm giảm tải cho các siêu đô thị. Khi ở những miền quê, làng chỉ còn là nơi cư ngụ với đầy đủ tiện ích công cộng và dịch vụ như thành phố và bảo tồn được các di tích lịch sử văn hoá vật thể và phi vật thể, thì nó có thể trở thành nơi du lịch đối với cư dân thành phố và các miền quê khác, thậm chí cả cho du khách nước ngoài. Du khách có điều kiện trải nghiệm lối sống, phương cách sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp truyền thống, thưởng thức ẩm thực bản địa, thưởng ngoạn các giá trị văn hoá, lịch sử mang đậm nét giá trị của mỗi ngôi làng. Cư dân làng sẽ đầu tư nâng cấp nhà ở để đón du khách “homestay”, cùng với cách chế biến ẩm thực riêng của mỗi làng. Những ngôi nhà cổ cần được bảo tồn nét kiến trúc riêng có, nhưng nội thất cần được cải tạo nâng cấp theo tiêu chuẩn sống hiện đại, trước hết cho chính cư dân của

làng và sau nữa là du khách. Như vậy, kinh tế nông thôn không còn thuần nông mà có cả các ngành tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và du lịch trải nghiệm. Ưu thế của nông thôn so với đô thị chính là không gian sống rộng, thoáng đãng và môi trường trong lành. Có thể thu nhập của họ không cao hơn dân đô thị nhưng chắc chắn môi trường sống của họ luôn trong lành hơn. Lúc đó, chúng ta sẽ có những miền quê đáng sống.

3.2. Đô thị hoá nông thôn.

Xây dựng các cơ sở hạ tầng như điện, nước, mạng viễn thông, nhà mẫu giáo, trường học và các dịch vụ đời sống không kém tiêu chuẩn ở thành phố tức là đã “đưa phố về làng” mà không phá bỏ kiến trúc văn hoá làng. Xây dựng các khu đô thị nhỏ bao gồm khu sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và khu dân sinh với đầy đủ tiện nghi như đô thị sẽ tạo ra hệ sinh thái mới, văn minh và phân tán ở khắp các vùng quê. Làm như vậy, người nông dân mới có thể trở thành thị dân một cách bền vững.

Khi đó và chỉ khi đó, những nông dân ly nông mới thật sự không muốn giữ lại mảnh ruộng nhỏ bé của mình như là tài sản “tiết kiệm” hay “vật bảo hiểm” để dự phòng khi kinh tế khủng hoảng, mất việc làm thì lại trở về làm nông dân, như chúng ta đang thấy trong đại dịch Covid-19 hiện nay. Do đó, họ sẵn sàng bán hay cho thuê dài hạn những mảnh ruộng nhỏ bé của mình, giúp cho việc thực hiện tích tụ ruộng đất vào những nông gia giỏi, phát triển các trang trại gia đình quy mô lớn, đủ năng lực chủ động sáng lập và quản lý có hiệu quả các hợp tác xã đích thực của mình, đồng thời tham gia chủ động có hiệu quả vào chuỗi giá trị nông sản trên quy mô quốc gia và quốc tế.

3.3. Bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên và nhân văn.

Trước hết, cần xác định rừng tự nhiên là một bộ phận cấu thành quan trọng nhất của kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội. Tình trạng lũ ống, lũ quét, sạt lở đất xảy ra thường xuyên với quy mô lớn trong những năm qua là hệ lụy của việc phá

rừng tự nhiên. Cần lưu ý là rừng trồng không thể thay thế rừng tự nhiên trong việc bảo vệ môi trường sinh thái.

Vì vậy, cần có chiến lược quốc gia khôi phục và bảo vệ rừng tự nhiên như yếu tố sống còn. Giao rừng tự nhiên cho các cộng đồng dân cư quản lý bằng các chính sách tài chính thỏa đáng và họ được phép khai thác lâm sản ngoài gỗ và thú rừng, khuyến khích trồng và khai thác cây dược liệu dưới tán rừng, cho phép kinh doanh du lịch có điều kiện, để đạt được mức sống cao hơn phá rừng. Việc phát triển các cụm, khu tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp, xây dựng các trang trại quy mô lớn, đưa phố về làng, đều phải gắn liền với việc xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, nhằm xử lý triệt để các chất thải rắn, lỏng, không khí, tiếng ồn, bằng công nghệ cao, do các hoạt động công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp gây ra. Cần phát triển kinh tế tuần hoàn, trước hết là trong hoạt động chế biến nông, thủy sản, chăn nuôi quy mô lớn, phổ cập rộng rãi việc sản xuất biogas ở mọi miền quê. Ở các trang trại chăn nuôi quy mô lớn phải lắp đặt các máy phát điện bằng biogas.... Các giá trị văn hoá mang đậm màu sắc vùng miền và sắc tộc ở mỗi làng quê phải được bảo tồn như di sản vật thể và phi vật thể. Đó là một bộ phận quý giá của môi trường sinh thái nhân văn, góp phần phát triển du lịch nông thôn. Mặt khác, cần khôi phục chữ viết đã có và tạo chữ viết mới cho các sắc tộc thiểu số để lưu giữ văn hoá của họ.

3.4. Quản lý dân số cả về số lượng và chất lẫn lượng.

Dịch vụ chăm sóc sức khỏe phải được phát triển để nâng cao thể chất con người. Cần triển khai giáo dục kiến thức dinh dưỡng cho toàn dân ngay từ khi còn trên ghế nhà trường. Từng bước khắc phục nạn tảo hôn và hôn nhân cận huyết của các sắc tộc ít người bằng biện pháp truyền thông giáo dục là chính, kết hợp với biện pháp pháp luật. Thực hiện chính sách giáo dục miễn phí từ bậc mẫu giáo đến phổ thông cơ sở. Trên cơ sở đó, phát triển rộng rãi các trường dạy nghề phục vụ

phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường. Cần có kế hoạch tổ chức di dân từ vùng này sang vùng khác, nhất là từ nông thôn ra đô thị, phù hợp với kế hoạch phát triển công nghiệp dịch vụ và đô thị hoá nông thôn. Từng bước xóa bỏ tình trạng di dân tự phát, biến rừng tự nhiên thành đất nông, lâm nghiệp như đã từng diễn ra. Phải tuyên truyền giáo dục sinh sản cho thanh niên để có thể kiểm soát quá trình già hoá dân số.

4. Tổ chức thực hiện

Trên đây là những phương hướng và nội dung của tiến trình phát triển nông thôn toàn diện. Mỗi làng căn cứ vào trình độ phát triển, điều kiện kinh tế, xã hội và tự nhiên của mình để xác định các mục tiêu theo thứ tự ưu tiên phù hợp với nhu cầu thiết thực của cư dân làng và các giải pháp thực hiện bằng các nguồn lực của người dân, tài trợ của nhà nước và các tổ chức, nhất là các doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị sản phẩm.

Mục tiêu và các giải pháp thực hiện được cụ thể hoá trong kế hoạch 5 năm và hàng năm của mỗi làng. Các chi cục kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn cùng trung tâm khuyến nông cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn các làng, ấp, phun, sóc tự xây dựng kế hoạch phát triển của mình. Các cơ quan nhà nước không làm thay mà chỉ giúp nâng cao năng lực của mỗi làng để họ tự xác định các vấn đề cấp bách cần giải quyết theo thứ tự ưu tiên cùng các giải pháp thực thi để từng bước phát triển vững chắc. Nhà nước cần có chính sách tài trợ cho hệ thống các trường dạy nghề cho con em nông dân để họ trở thành những nhà nông chuyên nghiệp hay những người lao động có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của kinh tế nông thôn. Sau mỗi kế hoạch hàng năm và 5 năm cần đánh giá toàn diện việc thực hiện các mục tiêu phát triển, rút kinh nghiệm cho việc lập và thực hiện các kế hoạch phát triển tiếp theo. Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn có vai trò trọng yếu trong việc tổ chức chương trình quốc gia về phát triển nông thôn toàn diện.

Vai trò của Văn hoá trong Phát triển Nông thôn ở nước ta

TS. Trương Xuân Trường

Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Văn hóa là một trong bốn cột trụ cơ bản của phát triển nông thôn nói riêng và phát triển đất nước nói chung. Tuy nhiên nhận thức và thực hiện nguyên tắc này ở nước ta vẫn còn nhiều hạn chế. Do vậy, hơn lúc nào hết, trong điều kiện hiện nay, “trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội đều phải đề cao nhân tố văn hóa, con người”. Từ khía cạnh phát triển nông thôn, có thể nói nếu không coi trọng yếu tố văn hóa sẽ khó có thể phát triển nông thôn bền vững.



Phát triển nông thôn là một quá trình có sự tham gia, giao quyền cho cư dân nông thôn để họ có thể kiểm soát tiến trình phát triển theo những ưu tiên mà họ lựa chọn. Ảnh: baoapbac.vn

Phát triển nông thôn

Phát triển nông thôn (PTNT) cũng chính là phát triển nông nghiệp. Ở thập niên 80 của thế kỷ XX, Ngân hàng Thế giới (WB) làm mới định nghĩa PTNT là một chiến lược được hoạch định để cải thiện đời sống kinh tế - xã hội của

người nghèo ở nông thôn. Phát triển nông thôn phải nhằm cải thiện mức sống của đa số người nghèo ở nông thôn, làm cho họ có khả năng tự phát triển và cần có sự huy động và phân bổ các nguồn lực và sự phân phối công bằng đầu ra trong một khuôn khổ chính sách phù hợp ở các mức độ quốc gia và vùng, bao gồm cả việc nâng

cấp thể chế và kỹ năng. Theo đó, vai trò của nhà nước trong PTNT là thúc đẩy phát triển các thể chế, cung cấp các hàng hóa và dịch vụ công cũng như cung cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội, thông tin, liên lạc, hỗ trợ hình thành tổ chức nông dân, cung cấp dịch vụ khuyến nông và trợ cấp tín dụng, vật tư đầu vào.

Phát triển nông thôn là một quá trình có sự tham gia, nhân mạnh giao quyền cho cư dân nông thôn để họ có thể kiểm soát tiến trình phát triển theo những ưu tiên mà họ lựa chọn. Phát triển nông thôn lại gắn với mục tiêu giảm nghèo của các quốc gia dựa trên tiếp cận lý thuyết sinh kế bền vững. Giảm nghèo trở thành vấn đề trung tâm của PTNT. Các chính phủ hiện nay đang có xu hướng chuyển từ tiếp cận nghèo đơn chiều sang nghèo đa chiều.

Việc nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của cư dân nông thôn chính là mục đích của PTNT. Phát triển nông thôn là một quá trình thay đổi bền vững có chủ ý về xã hội, kinh tế, văn hóa và môi trường nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người dân địa phương, thể hiện ở ba mục tiêu: Một là, cải thiện năng lực cạnh tranh của nông nghiệp. Hai là, cải thiện môi trường và cảnh quan nông thôn. Ba là, cải thiện chất lượng đời sống nông thôn và khuyến khích đa dạng hóa các hoạt động kinh tế, là “cải thiện các điều kiện của cộng đồng nông thôn một cách tổng thể, bao gồm kinh tế và chất lượng cuộc sống ở các phương diện, như môi trường, sức khỏe, kết cấu hạ tầng và nhà ở”. Mô hình PTNT bao gồm ba phương diện kinh tế, xã hội và chính trị, tạo ra năng lực và cơ hội để người dân nông thôn tham gia và hưởng lợi từ quá trình phát triển, tạo ra năng lực và cơ hội để tham gia quá trình chính trị và phát triển xã hội toàn diện.

Phát triển nông thôn nhằm làm chuyển biến nông thôn trên các phương diện kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường và thể chế; quan tâm toàn diện đến phúc lợi người nghèo và cộng đồng nông thôn thụ hưởng, bao gồm các lĩnh vực giáo dục, y tế, dịch vụ xã hội và kết cấu hạ tầng kỹ thuật. Nói cách khác, các quan niệm hiện đại đều nhấn mạnh sự kết hợp giữa việc cải thiện mức sống kinh tế và xã hội cho cư dân nông thôn, nhất

là người nghèo và bền vững về môi trường; lấy con người làm trung tâm và phát triển đa ngành.

Phát triển nông thôn phải bảo đảm nguyên tắc của phát triển bền vững và lấy con người làm trung tâm.

Nguyên tắc bền vững đòi hỏi PTNT phải có tăng trưởng kinh tế, nhưng thành quả của tăng trưởng phải được chia sẻ hài hòa và công bằng cho tất cả thành viên của cộng đồng nông thôn. Đồng thời, việc khai thác và sử dụng tài nguyên cho phát triển phải hợp lý, bảo vệ được môi trường tự nhiên và phải bảo đảm khả năng sử dụng tài nguyên của các thế hệ tương lai. Nguyên tắc lấy con người làm trung tâm đòi hỏi có nhận thức đúng đắn về vai trò chủ thể của cộng đồng cư dân nông thôn trong tiến trình phát triển.

Nông nghiệp, nông dân và nông thôn luôn được chú trọng trong đường lối cách mạng của Đảng ta. Trong giai đoạn hiện tại, Văn kiện Đại hội XII đã chỉ rõ nhiệm vụ và giải pháp cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2016 - 2020 là: “Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững, xây dựng nông thôn mới và cải thiện đời sống của nông dân”(1). Nhằm cụ thể hóa đường lối đó, trong Quyết định số 1600/QĐ-TTg, của Thủ tướng Chính phủ, ngày 16-8-2016 về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 đã chỉ rõ mục tiêu tổng quát của Chương trình trong giai đoạn hiện nay là: “Xây dựng nông thôn mới để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững”.

Các mục tiêu cụ thể cũng được đặt ra là, đến năm 2020 khoảng 50% số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (trong đó, mục tiêu phấn đấu của từng vùng, miền là: Miền núi phía Bắc: 28%; đồng bằng sông Hồng: 80%; Bắc Trung Bộ: 59%;

duyên hải Nam Trung Bộ: 60%; Tây Nguyên 43%; Đông Nam Bộ: 80%; đồng bằng sông Cửu Long: 51%); khuyến khích mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phân đầu có ít nhất 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Bình quân cả nước đạt 15 tiêu chí/xã (trong đó, mục tiêu phân đầu của từng vùng, miền là: Miền núi phía Bắc: 13,8; đồng bằng sông Hồng: 18; Bắc Trung Bộ: 16,5; duyên hải Nam Trung Bộ: 16,5; Tây Nguyên: 15,2; Đông Nam Bộ: 17,5; đồng bằng sông Cửu Long: 16,6); cả nước không còn xã dưới 5 tiêu chí. Cơ bản hoàn thành các công trình thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của cư dân nông thôn: giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế xã. Nâng cao chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn; tạo nhiều mô hình sản xuất gắn với việc làm ổn định cho nhân dân, thu nhập tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2015.

Như vậy có thể nói, bốn cột trụ trong PTNT hiện đại được thể hiện rõ nét trong mục tiêu chương trình nông thôn mới mà Đảng và Nhà nước ta đã chỉ ra. Trong đó nổi bật là quan điểm bảo đảm nguyên tắc của phát triển bền vững lấy con người làm trung tâm khi mục tiêu tối thượng trong đường lối của Đảng và Nhà nước ta là “nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân”.

Những thách thức trong phát triển nông thôn ở nước ta hiện nay

Theo đường lối PTNT của Đảng, trong hơn 30 năm đổi mới, nông thôn nước ta đã có những bước tiến mạnh mẽ với nhiều thành quả phát triển toàn diện và có tính ổn định. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, giai đoạn 2011 - 2015, tốc độ tăng GDP khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt bình quân 3,1%/năm; giá trị sản xuất tăng bình quân 3,6%/năm(2). Nông nghiệp công nghệ cao trở thành “làn sóng mới” trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, được kiểm soát an toàn thực phẩm theo chuỗi, bước đầu cạnh tranh được với hàng ngoại và hướng tới xuất khẩu. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp được triển khai thực hiện trên cơ sở phát huy lợi thế của cả nước và mỗi địa phương gắn với thị trường trong nước và xuất khẩu. Trong

5 năm 2011 - 2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phê duyệt 24 quy hoạch phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp; trong đó có 17 quy hoạch trên phạm vi cả nước và 7 quy hoạch vùng, địa bàn cụ thể,... góp phần quan trọng duy trì, phát triển sản xuất, kinh doanh và tăng trưởng của ngành(3).

Tuy nhiên, tình trạng sản xuất manh mún, đạt năng suất thấp, phân tán vẫn là chủ yếu, nhất là các tỉnh miền Bắc, miền Trung. Chất lượng sản phẩm và giá trị gia tăng chưa đạt yêu cầu. Tăng trưởng trong ngành nông nghiệp những năm gần đây có xu hướng chững lại, phát triển kém bền vững, hiệu quả của sản xuất nông nghiệp ngày càng thấp, đời sống nông dân ở một số vùng ngày càng khó khăn, phương thức sản xuất nông nghiệp ở nước ta chủ yếu dựa trên quy mô sản xuất hộ gia đình nhỏ lẻ, manh mún; doanh nghiệp, hợp tác xã chậm phát triển; sản xuất, kinh doanh nông nghiệp thiếu liên kết, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất còn hạn chế, chưa mang lại hiệu quả cao; sức cạnh tranh của hàng hóa nông sản Việt Nam trên thị trường thế giới vẫn thấp.

Sau 5 năm triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên 63 tỉnh, thành phố, đến nay cả nước đã thu được những kết quả tích cực nhưng vẫn thấp hơn mục tiêu đề ra và chưa bền vững, chưa gắn với phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Chương trình chưa đạt được mục tiêu tới năm 2015 có 20% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới như Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa X đã đề ra (hiện mới đạt 14,5%). Các xã đã tập trung cao phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là đường giao thông, nhưng các nội dung về phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường chưa được quan tâm đúng mức. Nhiều địa phương đã chú trọng thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới do cấp xã đảm nhận nhưng chưa quan tâm đúng mức thực hiện các nội dung ở cấp thôn và hộ gia đình. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới giữa các vùng, miền có sự chênh lệch lớn. Trong khi số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới ở Đông Nam Bộ là 34%, ở đồng bằng sông Hồng là 23,5% thì miền núi phía Bắc và Tây Nguyên mới chỉ đạt khoảng

7%. Một số địa phương chạy theo thành tích nên có biểu hiện huy động quá sức dân, hoặc nợ đọng xây dựng cơ bản không có khả năng trả, hoặc khi đánh giá chất lượng tiêu chí còn chưa chính xác.

Có thể nói, PTNT nước ta hiện đang tồn tại những thách thức đáng kể về các khía cạnh, như phát triển chưa có tính bền vững, môi trường nông thôn xuống cấp, tốc độ ô nhiễm gia tăng, đáng lưu ý là những thay đổi giá trị về mặt văn hóa và sự gia tăng của tệ nạn xã hội.

Tính bền vững của phát triển nông thôn

Nhiều nghiên cứu, đánh giá gần đây về PTNT ở nước ta hiện nay đều tỏ ra lo ngại về tính bền vững của nó. Cụ thể, như sự bất bình đẳng về phát triển giữa các vùng, miền, các dân tộc, các nhóm xã hội; an sinh xã hội ở nông thôn chưa được bảo đảm, nhất là với các tầng lớp yếu thế (người nghèo, người già, người cô đơn, khuyết tật...). Nhìn chung, “kết cấu hạ tầng nông thôn, từ điện, đường, trường, trạm, chợ, nước,... đều còn thấp kém. Trình độ trang bị công cụ ở nông nghiệp vẫn rất thô sơ, lao động chân tay là chủ yếu. Nông thôn bị tụt hậu, kết cấu hạ tầng chất lượng thấp, mới đáp ứng một phần đời sống, không đáp ứng được yêu cầu sản xuất, kém bền vững trong phòng, chống thiên tai, ô nhiễm môi trường”(4).

Môi trường nông thôn

Môi trường và cảnh quan nông thôn đang bị xuống cấp nghiêm trọng, tình trạng ô nhiễm về rác thải rắn, nguồn nước và không khí gia tăng. Hiện nay, bài toán khó chưa có lời giải là xử lý rác thải rắn do đời sống sinh hoạt và sản xuất ở nông thôn cộng với tình trạng sử dụng bao túi ni lông, hóa chất, thuốc trừ sâu trong nông nghiệp làm gia tăng tình trạng ô nhiễm môi trường ở nông thôn cả nước. “Việt Nam hiện có hơn 60 triệu dân sống ở vùng nông thôn, chiếm khoảng 73% số dân của cả nước. Trung bình mỗi ngày, khu vực nông thôn phát sinh khoảng hơn 31 nghìn tấn chất thải rắn (CTR) sinh hoạt. CTR sinh hoạt khu vực này có tỷ lệ khá cao chất hữu cơ, chủ yếu là từ thực phẩm thải, chất thải làm vườn và phần lớn đều là chất thải hữu cơ dễ phân hủy. Tuy nhiên, theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, tỷ

lệ thu gom CTR sinh hoạt tại khu vực nông thôn chỉ mới đạt khoảng 40% đến 55%. Phần lớn CTR được thu gom và xử lý bằng biện pháp chôn lấp, không hợp vệ sinh nên gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, mỗi năm tại khu vực nông thôn phát sinh khoảng hơn 47 triệu tấn chất thải chăn nuôi và hơn 14 nghìn tấn bao bì hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón các loại và CTR phát sinh từ nhóm làng nghề tái chế phế liệu (kim loại, giấy, nhựa...) với nhiều thành phần nguy hại cho môi trường và sức khỏe con người(5).

Bên cạnh đó, tình trạng sụt giảm và ô nhiễm nguồn nước ngầm ở nông thôn đang hiện hữu và gây tác hại xấu đến sức khỏe người dân nông thôn.

Ô nhiễm môi trường sống ở nông thôn, nhất là ở các vùng phát triển làng nghề sản xuất thủ công mỹ nghệ đang là bài toán nan giải mặc dù đã có nhiều cố gắng khắc phục từ Trung ương đến địa phương. Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ở nước ta hiện nay có khoảng gần một nghìn làng nghề sản xuất thủ công mỹ nghệ, trong đó có hàng trăm làng nghề mà những quy trình sản xuất có sử dụng những hóa chất độc hại, như làng nghề gỗ, làng nghề sắt, thủy tinh, bao bì, thuốc, giấy,... gây ảnh hưởng lớn về sức khỏe, tính mạng của người dân ở trong khu vực.

Thay đổi về giá trị văn hóa nông thôn và sự gia tăng của tệ nạn xã hội

Với thành quả của công cuộc đổi mới hơn 30 năm qua, kinh tế - xã hội đất nước đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, kéo theo đó là những thay đổi các giá trị văn hóa, đó là sự chuyển đổi từ văn hóa truyền thống sang văn hóa hiện đại của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Đời sống xã hội ở nông thôn hiện nay đã có quá nhiều sự thay đổi so với thời kỳ trước đổi mới. Những giá trị truyền thống đang dần mất đi, thay thế vào đó là những giá trị mới trong lối sống thôn quê.

Vẫn những hình thức hiếu hỉ ngày xưa đó, những lễ hội làng quê đó nhưng ý nghĩa đã có

phần khác. Yếu tố thị trường hàng hóa, yếu tố giá trị vật chất thực tiễn và thực dụng đã rõ rệt hơn. Người ta ít chú ý hơn đến những ý nghĩa tình cảm truyền thống, các lễ nghĩa lâu đời trong các ứng xử cộng đồng; người ta sống hối hả hơn, tính toán hơn và năng động hơn cũng như phần đầu nhiều hơn cho sự gia tăng thu nhập và địa vị cá nhân và gia đình trong cộng đồng thôn quê tưởng như rất xưa cũ ấy. Rất nhiều thứ ở làng quê tưởng vẫn vậy mà không phải vậy.

Ở nhiều vùng làng quê, nhất là ở những làng quê có tốc độ đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, cuộc sống của người dân tuy giàu có hơn nhưng lối sống cũng biến đổi nhanh hơn, tệ nạn xã hội diễn ra phức tạp hơn, như cờ bạc, rượu chè, hút chích ma túy, mại dâm, bạo lực xã hội đen cùng

với tệ nạn tham nhũng, “cường hào” địa phương. Thực tế đó đang là nỗi nhức nhối ở nhiều vùng quê vốn yên bình từ vài thập niên trước đó.

Các nghiên cứu về văn hóa và phát triển ở Việt Nam hiện nay đều cho rằng, tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, phương thức phát triển nặng về khai thác phục vụ lợi ích các nhóm thay vì phát triển bền vững. Văn hóa chưa gắn với phát triển mà vẫn được xem như địa hạt của hoạt động tuyên truyền. Đối thoại và tôn trọng sự đa dạng văn hóa, văn hóa ứng xử,... nghiêng về tuyên truyền hô hào vận động thay vì hoạt động thiết thực; hành chính hóa hoạt động văn hóa thay vì dành không gian cho các tổ chức tham gia chiến lược phát triển...



Bảo vệ bản sắc văn hóa và nghề truyền thống là một thách thức rất lớn trong quá trình đô thị hóa nông thôn _Ảnh: Nguyễn Quang Rạng

Vai trò của văn hóa trong phát triển nông thôn

Theo quan điểm PTNT hiện đại, bốn trụ kinh tế, văn hóa - xã hội, môi trường và thể chế là động lực của PTNT, là những yếu tố phải đạt đến của một nông thôn phát triển và từ đó tạo ra được thành quả của PTNT là tăng trưởng và

giảm nghèo bền vững. Các động lực của PTNT phải được hình thành và từ đó thúc đẩy tiến trình PTNT. Nói cách khác, tạo ra các động lực của PTNT cũng là các nội dung mà các chương trình PTNT phải nhắm vào để đạt được mục tiêu nâng cao chất lượng đời sống toàn diện cho cư dân nông thôn.

Phương diện văn hóa trong phát triển nông thôn dường như còn rất ít được đề cập ngay cả trên thế giới. Năm 1992, tại Ri-ô Đê Gian-nê-rô (Bra-xin), Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về môi trường và phát triển, và 10 năm sau đó (năm 2002) tại Giô-han-ne-xbóc (Cộng hòa Nam Phi), Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững đã có sự bổ sung, phát triển cụ thể hơn các văn kiện quốc tế được đưa ra trước đó khi coi phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp hài hòa, hợp lý và chặt chẽ giữa ba mặt trong phát triển bền vững là kinh tế, xã hội và môi trường. Trong ba mặt đó, việc phát triển bền vững về kinh tế chú trọng đến tốc độ tăng trưởng ổn định trong một thời gian tương đối dài, bảo đảm chất lượng tăng trưởng thể hiện ở hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; sự phát triển bền vững về xã hội hướng trọng tâm vào các khía cạnh tiến bộ, công bằng xã hội, xóa đói, giảm nghèo, tạo cơ hội việc làm, ổn định đời sống người dân; bảo vệ và phát triển bền vững về môi trường tập trung vào việc đề phòng, ngăn ngừa, khắc phục các loại ô nhiễm; cải thiện chất lượng môi trường; khai thác hợp lý và tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ diện tích rừng hiện có, chống đốt rừng và chặt phá rừng tự nhiên, nhất là rừng nguyên sinh, để lấy đất sản xuất, lấy đất trồng cây công nghiệp hoặc làm bãi chăn thả gia súc. Như vậy, sự phát triển về cả ba mặt kinh tế, xã hội và môi trường tạo thành một chỉnh thể thống nhất tạo nên sự phát triển bền vững theo quan điểm mới hơn(6).

Tuy nhiên, cần phải chỉ ra rằng, trong các văn kiện chính thức và rất quan trọng nêu trên của cộng đồng thế giới, vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững kinh tế - xã hội vẫn còn khá mờ nhạt, chưa có vị trí xứng đáng như nó phải có. Song, cũng chính trong giai đoạn này, UNESCO đã nhận rõ tầm quan trọng của văn hóa trong sự phát triển và trong việc điều tiết kinh tế - xã hội hiện đại thể hiện ở việc phát động Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa (1988 - 1997). Vào đầu thập niên thứ nhất của thế kỷ XXI, trên thế giới đã thống nhất nhìn nhận rằng phát triển bền vững không chỉ là phát triển ba trụ cột kinh tế, xã hội

và môi trường, mà còn cần sự phát triển bền vững về văn hóa với tư cách là trụ cột thứ tư.

Riêng ở khía cạnh PTNT, cần quan tâm đến di sản văn hóa ở nông thôn bao gồm các phong cảnh tự nhiên và nhân tạo; các di tích lịch sử, các công trình xây dựng truyền thống. Di sản văn hóa còn là một nền văn hóa thừa kế, dựa trên lịch sử của nhân dân, văn học dân gian và tôn giáo, tín ngưỡng, tập quán lâu đời; truyền thống ẩm thực, nghệ thuật, nghề thủ công và công nghiệp. Di sản này rất khác nhau giữa các vùng và giữa các cộng đồng dân tộc. Sự đa dạng về di sản văn hóa làm cho các địa phương có đặc trưng riêng và điều này tạo ra sự thu hút với mọi người, và là nền tảng để phát triển du lịch văn hóa địa phương như là một nguồn lợi kinh tế bổ sung vào nền kinh tế nông thôn. Bảo vệ bản sắc văn hóa của nông thôn là một thách thức rất lớn của PTNT, khi đô thị hóa ngày càng mở rộng(7).

Ở nước ta, mặc dù từ lâu, Đảng ta đã rất chú trọng đến đường lối phát triển nền văn hóa dân tộc tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, coi phát triển văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Tuy nhiên, cho đến nay chúng ta vẫn “chưa xây dựng được chiến lược phát triển văn hóa song song với chiến lược phát triển kinh tế... Trong hoạt động kinh tế, chưa chú ý đến các yếu tố văn hóa, các yêu cầu phát triển văn hóa tương ứng”(8).

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (tháng 6-2014) cũng chỉ rõ cơ chế, chính sách về kinh tế trong văn hóa, văn hóa trong kinh tế, về huy động, quản lý các nguồn lực cho văn hóa chưa cụ thể, rõ ràng. Đại hội XII của Đảng một lần nữa vạch rõ: Chúng ta vẫn “chưa nhận thức đầy đủ và xử lý tốt quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xây dựng con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường”(9).

Từ khía cạnh PTNT, có thể nói nếu không coi trọng yếu tố phát triển văn hóa sẽ không thể có PTNT bền vững./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, 2016, tr. 281
- (2), (3) Nguồn: <http://www.vaas.org.vn>, 2016
- (4) Nguyễn Quang Thuần: “Vấn đề xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam”. Tạp chí Xã hội học, số 4 (116), 2011, tr.3 - 4
- (5) <http://www.nhandan.com.vn>, Chủ nhật, ngày 16-9-2018
- (6) Nguyễn Trọng Chuẩn: Văn hóa và sự phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh biến đổi toàn cầu, Tạp chí Xã hội học, số 2 (138), 2017, tr. 9
- (7) Trần Tiên Khai: Tổng quan cơ sở khoa học cho phát triển nông thôn bền vững ở Việt Nam, Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, số 3 (42), 2015
- (8) Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1998, tr. 52 - 53
- (9) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2016, tr. 67, 86

Ngày 01/08/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 919/QĐ - TTg về việc phê duyệt Chương trình Môi trường Mỗi xã một sản phẩm - OCOP giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó xác định Sinh Vật Cảnh, cụ thể gồm Hoa, Cây cảnh, Động vật cảnh là một trong 06 nhóm sản phẩm được xem xét công nhận là sản phẩm OCOP. Theo đó, Quyết định đã xác định 06 nhóm sản phẩm được xem xét công nhận sản phẩm OCOP gồm: (1) Nhóm thực phẩm, gồm: Nông, thủy sản tươi sống; nông thủy sản sơ chế, chế biến và các thực phẩm khác; (2) Nhóm đồ uống, gồm: Đồ uống có cồn, đồ uống không cồn; (3) Nhóm dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, gồm: Sản phẩm chức năng, thuốc dược liệu, thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm có thành phần từ thảo dược, tinh dầu và dược liệu khác; (4) Nhóm hàng thủ công mỹ nghệ, gồm: Các sản phẩm từ gỗ, sợi tự nhiên, kim loại, gốm sứ, dệt may, thêu ren... làm đồ lưu niệm, đồ trang trí, đồ gia dụng; (5) Nhóm Sinh Vật Cảnh, gồm: Hoa, cây cảnh, động vật cảnh; (6) Nhóm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch. Chương trình cũng đã đặt ra những mục tiêu cụ thể như: Đến năm 2025, cả nước phấn đấu có trên 10.000 sản phẩm OCOP được công nhận đạt từ 3 sao trở lên, trong đó có khoảng 400 - 500 sản phẩm OCOP đạt 5 sao; Củng cố và nâng cao ít nhất 50% sản phẩm OCOP đã được đánh giá và phân hạng; ưu tiên phát triển sản phẩm OCOP gắn với thương hiệu sản phẩm, phát triển dịch vụ và du lịch nông thôn; Ưu tiên phát triển các HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa, phấn đấu ít nhất có 40% chủ thể OCOP là HTX, 30% chủ thể là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Chương trình cũng đã đề ra hệ thống các nội dung, giải pháp và những cơ chế chính sách nhằm thu hút và phân bổ các nguồn lực kinh tế - xã hội trong quá trình triển khai. Như vậy sau Nghị định số 52/2018/NĐ - CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ quy định hoạt động sản xuất và kinh doanh Sinh Vật cảnh là một trong 07 nhóm ngành quan trọng trong phát triển Nông thôn, thì quyết định Quyết định số 919/QĐ - TTg của Chính phủ đã đưa những sản phẩm Sinh Vật Cảnh, cụ thể là Hoa, Cây cảnh và Động vật cảnh là sản phẩm chủ lực được ưu tiên phát triển.

GS.VS Đào Thế Tuấn - Những trăn trở về phát triển nông thôn bền vững ở nước ta

PGS.TS.VS Đào Thế Anh; TS. Lê Thành Ý; ThS. Vương Xuân Nguyên
Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam - PHANO

GS.VS Đào Thế Tuấn - nhà khoa học nông nghiệp uyên bác trọn đời gắn bó với sự nghiệp phát triển Nông nghiệp - Nông thôn - Nông dân. Ông được biết đến là người người khai mở hướng nghiên cứu nông nghiệp theo hệ thống; sớm đặt ra yêu cầu phát triển nông nghiệp gắn với lý thuyết sinh thái thực vật.

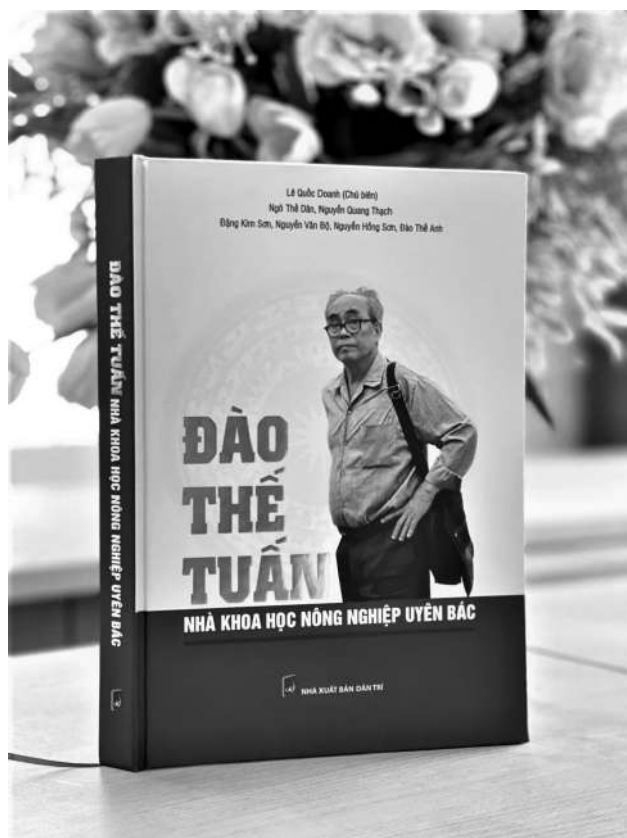
Đặc biệt, ông không chỉ mở đường tư duy phát triển nông nghiệp gắn với thị trường, tư duy chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa, đi đầu trong những nghiên cứu về phát triển nông thôn bền vững, mà còn là người sớm nghiên cứu về mối quan hệ giữa nông nghiệp với phát triển nông thôn, giữa CNH – HĐH với phát triển nông thôn bền vững và nghiên cứu chuyên sâu về phát huy những giá trị văn hóa, truyền thống, phong tục tập quán, làng nghề, du lịch nông thôn, quản lý đất đai, kinh tế tập thể, chế biến, thương hiệu nông sản...để góp phần nâng cao dân trí, cải thiện dân sinh ở khu vực nông thôn.

Dấu ấn những công trình

GS.VS Đào Thế Tuấn sinh trưởng trong một gia đình trí thức, dòng họ Đào ở làng Khúc Thủy thuộc xã Cự Khê huyện Thanh Oai thành phố Hà Nội. Cha ông, học giả nổi tiếng Đào Duy Anh, mẹ ông là nữ sĩ Trần Như Mân, một nhà giáo hoạt động xã hội suốt đời làm việc thiện. Từ nhỏ, Đào Thế Tuấn đã chịu ảnh hưởng từ truyền thống giáo dục của gia đình: hiếu học, yêu nước và đồng cảm với những người nghèo khổ khó đủ bề trước những biến thiên của xã hội.

Năm 1950, học xong chuyên khoa năm thứ 3 trường Trung học Nguyễn Thượng Hiền (Thanh Hóa), ông tòng quân phục vụ Bộ Tổng tham mưu. Trên cương vị chính trị viên phó đại đội, ông từng tham gia và lập nhiều chiến công trong chiến dịch Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa

Thám, Tây Bắc...Với những lo toan xây dựng đất nước lâu dài của Chủ tịch Hồ Chí Minh và lãnh đạo Nhà nước, tháng 9 năm 1953, ông được cử đi học ở Liên Xô, bắt đầu một giai đoạn mới trong cuộc đời và sự nghiệp của nhà khoa học.



Cuốn sách quý về GS.VS Đào Thế Tuấn của hơn 40 học giả, nhà nghiên cứu trong và ngoài nước

Tại trường Đại học Nông nghiệp Tashkent. Đào Thế Tuấn đã tham gia vào nhóm nghiên cứu khoa học, ngay trong năm thứ 3 và Chuyên đề “Sinh thái và nguồn gốc cây lúa” của ông đã được Viện Hàn lâm Nông nghiệp nước Nga xuất bản. Từ kết quả xuất sắc đạt được, sau khi học xong đại học, ông đã hoàn thành luận án tiến sĩ, một thành công hiếm có của sinh viên nước ngoài, chỉ với 5 năm vừa học tiếng, học đại học và được nhận bằng tiến sĩ nông học.

Trở về Tổ quốc trong những năm kháng chiến chống Mỹ ác liệt, lương thực thực phẩm, đặc biệt là cây lúa được quan tâm hàng đầu. Năm 1965, ông đã đi vào nghiên cứu quần thể cây lúa, thí điểm mô hình thâm canh cây lúa mang lại năng suất cao. Vào cuối thập niên 1970, công trình nghiên cứu của ông đã đặt nền móng cho thâm canh lúa đạt năng suất 10 tấn/ha ở nước ta. Thành công nghiên cứu thâm canh đã thôi thúc ông cùng cộng sự đi vào nghiên cứu cơ sở sinh lý của chọn giống cây trồng chịu chua, mặn, rét, hạn, úng, chống chịu sâu bệnh cao để tạo ra nhiều loại giống lúa đáp ứng được yêu cầu thâm canh trên nhiều vùng sinh thái khác nhau như NN75-10, V18, CN 2, CR 203, V14, V15...

Từ thực tiễn nghiên cứu cho thấy, tính thích ứng cao của cơ cấu cây trồng mới, ông đã đưa được nhiều tiến bộ kỹ thuật vào những vùng sinh thái khác nhau. Thành công của hệ thống canh tác trên từng vùng sinh thái, ông đã tổng kết thành hệ sinh thái nông nghiệp. Công trình này đã trở thành cuốn sách giáo khoa sinh thái học nông nghiệp đầu tiên ở Việt Nam.

Sau giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước năm 1975, ông đã đi vào hầu khắp các tỉnh phía Nam để tiến hành nghiên cứu, xây dựng quy hoạch vùng và triển khai những nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ nông nghiệp của cả nước sau chiến tranh.

Năm 1977, ông được UBKHKTNN cử làm Chủ nhiệm Chương trình Nghiên cứu Sinh vật học và Cách mạng xanh. Đây là chương trình đầu tiên của nước ta về nông nghiệp

nghiên cứu về sinh học và chọn tạo giống cây trồng quan trọng cần cho việc phát triển Cách mạng xanh ở Việt Nam.

Đầu năm 1980, ông bắt đầu quan tâm đến tiếp cận hệ thống trong khoa học nông nghiệp. Từ việc nghiên cứu hệ thống ruộng lúa, ông đã tiến lên nghiên cứu hệ thống cây trồng, rồi hệ thống nông nghiệp bao gồm cả chăn nuôi và khu vực dân cư của hộ nông dân. Để phát triển hướng nghiên cứu này, ông đã thành lập một nhóm nghiên cứu sau này trở thành Bộ môn Toán máy tính, đặt ở Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương. Nhóm này đã bắt đầu nghiên cứu về các mô hình phát triển, trong đó gắn liền phát triển nông nghiệp với mô hình kinh tế chung, có sự phối hợp các nhân tố kinh tế và xã hội. Cũng cùng thời gian này, ông tham gia vào tổ xây dựng chiến lược phát triển kinh tế do Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ đạo. Trong công việc này đòi hỏi phải nhìn nông nghiệp một cách toàn diện, nên tiếp tục nghiên cứu về các vấn đề chiến lược phát triển, vận dụng mô hình hóa vào việc mô phỏng các chiến lược phát triển.

GS.VS Đào Thế Tuấn sớm nghiên cứu và khẳng định nông nghiệp mang trên nó nhiều chức năng, ngoài chức năng kinh tế, còn chức năng sinh thái, an sinh xã hội, tài nguyên... Nhận thức sản xuất nông nghiệp không chỉ là sản lượng mà là giá trị gia tăng tạo ra, quản lý chất lượng, thương hiệu đã triển khai trong các chương trình nghiên cứu của Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam từ hơn 30 năm trước.

Trong thời gian từ 1980 đến 1988, trong quá trình thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, ông thường xuyên đi công tác ở nông thôn để nghiên cứu tìm cách đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Các thay đổi lớn ở nông thôn trong thời kỳ này cho thấy, muốn đưa các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất cần các thể chế thích hợp. Năm 1986 và 1987, ông dự Hội nghị Lúa Quốc tế ở Trung Quốc nên có điều kiện nghiên cứu về cải cách kinh tế ở nước này. Năm 1987, ông viết tài liệu: “Cải cách kinh tế ở Trung Quốc” được

UBKHKTNN xuất bản và phát hành rộng rãi. Tài liệu này có tác dụng đến việc ra đời Nghị quyết 10 năm 1988.

Từ 1990 đến 1995, ông làm Phó Chủ nhiệm Chương trình Nghiên cứu về Phát triển Nông thôn KX-08. Trong chương trình này, đã nghiên cứu sự phát triển của kinh tế hộ nông dân, đề xuất các chính sách phát triển kinh tế hộ nông dân. Ông cũng nghiên cứu vấn đề tổ chức nông dân và hợp tác xã kiểu mới, đề xuất các chính sách thúc đẩy việc xây dựng các tổ chức này. Kết quả các nghiên cứu trên được tổng kết trong cuốn: “Kinh tế hộ nông dân, NXB Chính trị quốc gia, 1997”. Cuốn sách này mở ra một hướng nghiên cứu mới phục vụ việc phát triển kinh tế hộ nông dân.

Từ năm 2000, ông tập trung nghiên cứu việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, đề xuất các chính sách và thể chế thúc đẩy việc chuyển đổi cơ cấu này. Qua nghiên cứu vấn đề trên đã tạo cơ sở khoa học để xây dựng chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn. Ông đã tham gia chỉ đạo đề tài cấp nhà nước: “Nghiên cứu luận cứ khoa học để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, KC-07-17”. Trong giai đoạn này, ông cũng đã viết và công bố nhiều tài liệu về cơ sở khoa học của việc phát triển nông thôn; đào tạo cán bộ nghiên cứu trong các lĩnh vực này. Ông cũng hướng dẫn nhiều nghiên cứu sinh, học viên cao học.

Năm 2006, khi đã nghỉ hưu, GS.VS Đào Thế Tuấn cùng các cộng sự thành lập Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam để tiếp tục nghiên cứu chiến lược phát triển nông thôn bền vững; xây dựng các mô hình để mô phỏng sự phát triển, đặt cơ sở cho việc phát triển phương pháp nghiên cứu mới và tiếp tục nghiên cứu mối quan hệ giữa hộ nông dân và thị trường để giúp nông dân giải quyết khó khăn lớn nhất cho sự phát triển kinh tế hộ...

Suốt sự nghiệp khoa học, GS.VS Đào Thế Tuấn đã để lại khoảng 300 công trình nghiên cứu, bài báo được xuất bản bằng nhiều

ngôn ngữ trên Thế giới. Tiêu biểu phải kể đến những công trình: Hỗ trợ tổ chức sản xuất nông nghiệp miền Bắc Việt Nam (Nhà xuất bản nông nghiệp, năm 2000); Sinh lý ruộng lúa năng suất cao (xuất bản 1970); Ứng dụng phương pháp mô hình hoá toán học để xây dựng quy trình kỹ thuật trồng lúa cho cấp huyện; Công nghệ sản xuất lúa ở đồng bằng sông Hồng; Hệ thống nông nghiệp phát triển bền vững... Theo đánh giá của trên 40 học giả uy tín trong và ngoài nước trong cuốn sách “Đào Thế Tuấn – Nhà Khoa học Nông nghiệp uyên bác” thì đó là những nghiên cứu vì sự “phát triển bền vững và tiến bộ của con người”.

Cây đại thụ làng “Tam Nông”

Là một nhà khoa học được đào tạo ở môi trường quốc tế, GS.VS Đào Thế Tuấn sớm đặt vấn đề hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học để tăng cường trao đổi học thuật, học hỏi kinh nghiệm thế giới. Nghiên cứu về quản lý nông nghiệp ở Đức, Hung, Bungari... ông nhận ra, kinh tế gia đình là xu hướng chung nhưng phát triển khác nhau ở từng nước. Tại Ấn Độ, ông nhận thức rõ hơn về vai trò của kinh tế hộ nông dân ở vùng Punjab. Ở Pháp, Hà Lan và Ý..., ông nghiên cứu và tìm hiểu về hiệu quả của hệ thống trang trại. Ông cũng dành nhiều thời gian khảo sát thực tế ở Indonexia, Thái Lan, Bangladesh... Nhiều nghiên cứu của GS.VS Đào Thế Tuấn bắt nguồn từ những bài học thành công của nước ngoài đã được ông khảo nghiệm và vận dụng vào hoàn cảnh, điều kiện thực tiễn của Việt Nam đã góp phần định hình tư duy về một nền Nông nghiệp sinh thái – bền vững, Nông thôn hiện đại - đáng sống, Nông dân chuyên nghiệp – văn minh. Ở đó, người nông dân phải thực sự là chủ thể và hệ sinh thái và điều kiện (tự nhiên).

Nặng lòng với sự nghiệp phát triển nông nghiệp, đổi mới nông thôn và nâng cao đời sống nông dân; ông đã hoàn thiện công trình nghiên cứu: “Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong chủ thuyết phát triển của Việt Nam”.

Mở đầu công trình ông đánh giá: “Công

cuộc Đổi mới của nước ta thành công nhờ việc quay trở lại nền kinh tế hộ nông dân và kinh tế thị trường. Hiện nay, chúng ta đã chuyển sang một thời kỳ mới, đó là phát triển trong quá trình công nghiệp hóa. Trong giai đoạn phát triển mới này, vai trò của nông dân, nông nghiệp và nông thôn giữ một vai trò quan trọng vì nông dân là nguồn cung cấp lao động chính và là thị trường của công nghiệp”.

Vấn đề khiến ông còn nhiều trăn trở đó là, nước ta cũng chưa có một chiến lược công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn, trong điều

kiện đất ít người đông, quy mô sản xuất nhỏ và năng suất lao động nông nghiệp đang còn rất thấp. Theo ông, một chiến lược công nghiệp hoá hoàn chỉnh, phải bao gồm cả công nghiệp hoá nông thôn. Chiến lược CNH-HĐH nông nghiệp và nông thôn cần phù hợp. Để có một chiến lược công nghiệp hoá đuổi kịp các nước đi trước; ông cho rằng, không thể chỉ bắt chước những gì mà các nước đã làm, mà phải xây dựng hệ thống sáng tạo quốc gia, nhằm tập trung được sức lực của các doanh nghiệp, các nhà nghiên cứu và hệ thống giáo dục như các nước tiên tiến đang thực hiện.



GS.VS Đào Thế Tuấn sớm đề cập đến Chiến lược CNH-HĐH nông nghiệp và nông thôn

Muốn công nghiệp hoá có chất lượng cao, ông nhấn mạnh, phải xây dựng được đội ngũ lao động mới với lực lượng chủ yếu là thanh niên nông thôn; không thể để họ phải đi tìm việc làm ở đô thị một cách tự phát như hiện nay. Việc chuyển dân nông thôn ra thành thị và khu công nghiệp, cần tiến hành theo một chương trình được hoạch định như chương trình kinh tế mới trước đây. Trong thực thi, cần tiến hành có quy hoạch và nguồn nhân lực cần được đào tạo trong các chương trình phát triển nguồn vốn con người.

Nhìn nhận về kinh tế - xã hội nông thôn trong tiến trình công nghiệp hóa, giáo sư nhận thấy mâu thuẫn chủ yếu hiện nay là khoảng cách giữa nông thôn và thành thị còn lớn. Nếu không tăng được năng suất lao động nông nghiệp thì khó nâng cao thu nhập, khiến nông dân phải rời bỏ nông nghiệp, tự di cư vào các đô thị. Thực tế này, đẩy nông nghiệp vào tình trạng một số vùng sử dụng đất nông nghiệp kém hiệu quả, và ở nhiều vùng lực lượng lao động bị thiếu hụt nghiêm trọng.

Theo ông, để giải quyết mâu thuẫn này cần phát triển nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa. Phát triển đô thị ở nước ta, diễn ra không theo quy hoạch thống nhất, nên đã đi cùng với đầu cơ ruộng đất và tham nhũng. Đô thị hoá như hiện nay làm cho nông thôn kiệt quệ, có nguy cơ mất an ninh lương thực và mất cơ hội biến nước ta thành một cường quốc nông nghiệp.

Từ nhận định, đô thị hóa ảnh hưởng lớn đến phát triển nông thôn; mặt khác, đất nước còn thiếu một chiến lược chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, gắn với quá trình phát triển đô thị. Giáo sư đề xuất, muốn giảm khoảng cách giữa thành thị và nông thôn phải có một chiến lược thích hợp, theo hướng xây dựng đô thị vừa và nhỏ trên mọi miền đất nước. Quy hoạch đô thị cần đi đôi với quy hoạch nông thôn trong các quy hoạch, như đã được phổ biến rộng ở nhiều quốc gia; không tập trung vào các siêu đô thị, mà xây dựng đô thị trung bình xung quanh có các vành đai nông nghiệp.

Cho dù phát triển theo hướng nào, song cốt lõi là phải đảm bảo phát triển bền vững. Phát triển bền vững được xác định là quản lý và bảo vệ tốt nguồn lợi tự nhiên, hướng vào thay đổi kỹ thuật và thể chế nhằm bảo đảm thỏa mãn nhu cầu con người, cho cả hiện tại và các thế hệ mai sau. Sự phát triển bền vững trong ngành nông - lâm nghiệp và nghề cá là bảo vệ được đất đai, nguồn nước, các nguồn lợi di truyền động/ thực vật; không làm suy thoái môi trường; thích ứng kỹ thuật, có sức sống kinh tế và chấp nhận được về xã hội.

Ông cũng chỉ ra, một nền nông nghiệp bền vững phải đạt các tiêu chí: Bảo đảm được nhu cầu dinh dưỡng của thế hệ ngày nay và mai sau; cung cấp việc làm bền vững, thu nhập đủ, điều kiện sống và làm việc thích hợp cho những người tham gia sản xuất nông nghiệp; giữ vững, và tăng cường khả năng năng suất của nguồn lợi tự nhiên, nguồn lợi tái tạo,... Để giảm bớt tính dễ bị tổn thương của ngành và muốn thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp, cần có một cuộc Cách mạng xanh thứ hai, nhằm

xây dựng một nền nông nghiệp năng suất cao nhưng có sức sống về kinh tế và sinh thái, chấp nhận được về mặt xã hội.

Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn là nội dung quan trọng để công nghiệp hóa đất nước. Theo ông, công nghiệp hoá nông thôn là phải nâng cao được chất lượng và giá trị gia tăng của nông sản, năng suất lao động trong nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Để trở thành một nước công nghiệp, mục tiêu chiến lược đặt ra là phải giảm một nửa số lao động nông nghiệp. Muốn vậy, một mặt phải tìm cách để tăng nhanh năng suất lao động nông nghiệp và thu nhập của nông dân. Mặt khác, phải chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, để tạo nhiều việc làm trong khu vực dịch vụ và công nghiệp. Chuyển 50% lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, nhường lại đất cho các hộ có đủ năng lực tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa lớn; chuyển số lớn hộ sản xuất thành các trang trại gia đình sản xuất hàng hóa. Đây là con đường phát triển của kinh tế hộ nông dân như số đông các nước tiên tiến đang làm. Chuyển đổi các hộ phi nông nghiệp sang các xí nghiệp vừa và nhỏ để xây dựng một khu vực phi nông nghiệp và thị trường nông thôn.

Trong bài báo “Đừng để nông dân thêm yếu thế trong cơ chế thị trường” đăng ngày 30/8/2008, GS.VS Đào Thế Tuấn khẳng định: “Vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn nước ta hiện nay, về thực chất, là vấn đề phát triển bền vững. Nếu công cuộc Đổi mới của nước ta dẫn đến một sự phân hoá xã hội quá mức, tăng khoảng cách giữa thành thị và nông thôn thì sự phát triển sẽ không bền vững. Nông nghiệp, nông dân và nông thôn là ba vấn đề khác nhau, song, nếu không cùng được giải quyết một cách đồng bộ thì không thể CNH-HĐH đất nước một cách vững chắc được”.

Từ những nghiên cứu thành công đó, ông có nhiều ý kiến đóng góp tâm huyết vào đề án “Tam Nông” của ngành Nông nghiệp. Về sau chính sách về “Tam Nông” đã được Đảng và Nhà nước thể chế hóa tại Nghị quyết số 26/NQ

– TW ngày 05/8/2008 về Nông nghiệp, Nông dân, Nông thôn và Nghị quyết số 19 – NQ/TU ngày 16/6/2022 về Nông nghiệp, Nông dân, Nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trăn trở về phát triển nông thôn bền vững

Qua những nghiên cứu của GS.VS Đào Thế Tuấn, chúng ta có thể nhận ra những điều trăn trở của ông về sự phát triển nông thôn bền vững, những miền quê đáng sống.

(1) Khoảng cách giữa nông thôn và thành thị ngày càng tăng

Khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, chủ yếu là khoảng cách về năng suất lao động ngày càng xa nhau trong quá trình Đổi mới. Nếu không tăng được năng suất lao động nông nghiệp thì không tăng được thu nhập khiến nông dân chán bỏ nông nghiệp, tìm cách di cư ra thành thị. Nguyên nhân chủ yếu của mâu thuẫn này là do tốc độ tăng trưởng của nông nghiệp thấp hơn của công nghiệp và dịch vụ. Lao động nông nghiệp quá dư thừa ở nông thôn, nên không thể tăng năng suất lao động; trong khi công nghiệp và dịch vụ muốn hội nhập được vào nền kinh tế thế giới.

Muốn giải quyết được vấn đề này phải có một chương trình phát triển nông thôn toàn diện. Trong điều kiện Toàn cầu hóa, nhà nước và doanh nghiệp chú ý việc thu hút đầu tư nước ngoài, và đầu tư ở nước ngoài lại hạn chế phương tiện để phát triển địa phương. Đô thị hóa theo hướng phát triển siêu đô thị, việc phát triển nông thôn toàn diện sẽ gặp nhiều khó khăn. Mục tiêu của chương trình này là giải quyết việc làm cho lao động nông thôn tại chỗ, và nâng cao năng suất lao động cùng thu nhập của nông dân. Sự phát triển này sẽ làm giảm chiều hướng tiêu cực của toàn cầu hóa và đô thị hóa đối với nông thôn. Chương trình này phải nhằm nâng cao khả năng của cộng đồng, để tạo được các vùng nông thôn năng động tự khắc phục được các cản trở của sự phát triển.

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa bằng cách quản lý ruộng đất để mở rộng quy mô nông trại, đào tạo doanh nhân nông nghiệp để nâng cao sản lượng và năng suất lao động nông nghiệp.

- Phát triển công nghiệp nông thôn bằng cách xây dựng các hệ thống đổi mới quốc gia, từ các cụm công nghiệp làng nghề.

- Phát triển dịch vụ nông thôn bằng cách xây dựng các thể chế thị trường, và du lịch nông thôn.

- Xây dựng khu vực doanh nghiệp mang tính xã hội gồm các nhóm hợp tác và hợp tác xã cùng hệ thống an sinh xã hội nông thôn.

Chương trình này phải bắt đầu từ vùng ven đô, là nơi đang xảy ra quá trình đô thị hóa tự phát và tiến hành phát triển nông thôn đi đôi với phát triển đô thị. Việc phát triển đô thị của nước ta hiện nay đang diễn ra không có quy hoạch, và đi đôi với việc đầu cơ ruộng đất. Nhà nước cần chấm dứt tình trạng này để cứu lấy nông dân và an ninh lương thực.

Đô thị hoá như hiện nay sẽ làm cho nông thôn kiệt quệ, sẽ dẫn đến mất an ninh thực phẩm, sẽ đánh mất cơ hội biến nước ta thành một cường quốc nông nghiệp, nhất là trong tình trạng giá nông sản đang lên cao trên toàn thế giới.

Cần quy hoạch việc phát triển đô thị và nông thôn một cách đồng bộ, dùng đô thị vừa để thúc đẩy việc phát triển nông thôn ở các nước đang xây dựng các quy hoạch đô thị - vùng gắn các đô thị với phát triển nông thôn.

(2) Phải xây dựng một chiến lược công nghiệp hoá phù hợp

Quá trình công nghiệp hoá của Việt Nam hiện nay đang dựa vào ưu thế cạnh tranh là lao động rẻ, đất rẻ và môi trường rẻ. Nếu giải quyết tốt vấn đề nông nghiệp và nông thôn thì sẽ không còn các ưu thế cạnh tranh này nữa; do vậy phải tìm một chiến lược công nghiệp hoá mới dựa chủ yếu vào công nghệ mới và tiềm năng trong nước, nếu không thì việc công nghiệp hoá sẽ thất bại.



GS.VS Đào Thế Tuấn luôn trăn trở về phát triển nông thôn bền vững

Trong chiến lược công nghiệp hoá phải bao gồm cả công nghiệp hoá nông thôn, không phải chỉ dựa vào đầu tư nước ngoài mà không chú ý đến phát huy đến các tiềm năng trong nước thì sẽ không bền vững. Công nghiệp hoá nông thôn chủ yếu phải nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của nông sản, năng suất lao động của nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Chiến lược công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn, hiện đại hoá nông nghiệp phải thích hợp với điều kiện đất ít người đông, quy mô sản xuất nhỏ, năng suất lao động thấp. Việt Nam có một truyền thống công nghiệp nông thôn do các làng nghề phát triển nên. Hiện nay, ở nhiều nơi đang hình thành các cụm công nghiệp làng nghề rất năng động, tìm ra các hướng hội nhập với nền kinh tế thế giới đang toàn cầu hoá. Việc phát triển cụm công nghiệp của Việt Nam có nguồn gốc từ mô hình Kê Chợ và 36 phố phường.

Theo kinh nghiệm của một số nước tiên tiến, đây là mô hình Hậu Ford (post-fordism) với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, cụm công nghiệp. Italia là một nước đã công nghiệp hóa từ các làng nghề, và đã chiếm nhiều ngành công

ng nghiệp hàng đầu thế giới. Các cụm công nghiệp của các nước đã phát triển thành các Hệ thống đổi mới quốc gia (National innovation system), với sự tham gia của các tổ chức nghiên cứu và giáo dục để tìm ra các ưu thế cạnh tranh. Để có thể đuổi kịp các nước đi trước, không thể chỉ bắt chước những gì mà các nước đã làm, mà phải tạo lấy ưu thế cạnh tranh riêng của mình.

(3) Sự phát triển xã hội không theo kịp phát triển kinh tế

Trong cải cách, sự phát triển xã hội tách rời sự phát triển kinh tế và được thực hiện chậm hơn, nên xã hội nông thôn còn tồn tại nhiều vấn đề:

Trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn, phát triển kinh tế là phát triển nông nghiệp, còn phát triển nông thôn là phát triển xã hội. Phát triển kinh tế nhằm mục tiêu tăng trưởng kinh tế, còn phát triển xã hội gắn liền với nâng cao phúc lợi của nông dân. Trong phát triển kinh tế đem lại lợi ích chủ yếu cho doanh nghiệp, còn lợi ích của nông dân không được chú ý đến, dẫn đến tình trạng nông dân chán sản xuất nông nghiệp, muốn đi tìm việc ở đô thị để nâng cao nhanh thu nhập.

Ở nước ta, thiếu các doanh nhân xã hội thì không thể thực hiện được việc cải cách xã hội. Không thể chỉ dựa vào việc kêu gọi các doanh nghiệp tham gia hoạt động từ thiện. Cần có một đường lối xã hội hoá công cuộc cải cách kinh tế xã hội, không lẫn lộn xã hội hoá với thị trường hoá và tư nhân hoá. Xã hội hoá là huy động sự tham gia của xã hội, của quần chúng. Việc phát triển xã hội chủ yếu phải dựa vào cộng đồng nông thôn, do vậy phải phát triển các thể chế cộng đồng để tiến hành việc phát triển kinh tế và xã hội. Các mạng lưới an sinh xã hội không thể chỉ giao cho doanh nghiệp phụ trách, vì mục tiêu của doanh nghiệp là lợi nhuận.

Nông thôn còn thiếu mạng lưới an sinh xã hội, trong khi thu nhập tương đối giảm nhanh. Việc xây dựng hệ thống an sinh xã hội phải gắn liền với hoạt động tương trợ, với các tổ chức nông dân. Nhiều vấn đề như bảo hiểm y tế, bảo hiểm thiên tai và rủi ro của thị trường thì doanh nghiệp đều từ chối vì không có lãi.

Mục tiêu của Nhà nước trong việc phát triển nông nghiệp là xuất khẩu nông sản, nên giải pháp là chuyên môn hoá, quy hoạch các vùng sản xuất tập trung, trong khi đó nông dân muốn tăng thu nhập chủ yếu phải đa dạng hoá sinh kế.

Vì vậy, cần phải phát triển một khu vực kinh tế mang tính xã hội. Doanh nghiệp của khu vực kinh tế mang tính xã hội, dùng để chỉ các nhóm người (chứ không phải là vốn), giữ một vai trò kinh tế: Các hợp tác xã, các hội tương trợ và hội quản lý. Các tổ chức này mang tính tự nguyện, không lợi nhuận, hợp tác và đạo đức, độc lập đối với nhà nước.

Doanh nghiệp loại này nhằm cung cấp dịch vụ cho hội viên hay tập thể chứ không vì lợi nhuận, tự chủ trong quản lý, quá trình quyết định mang tính dân chủ, coi trọng con người và công việc hơn là vốn trong việc phân phối thu nhập. Kinh tế mang tính xã hội còn được gọi là Kinh tế tương trợ, là toàn bộ các hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu thụ góp phần vào việc dân chủ hoá nền kinh tế bằng sự cam kết của

công dân ở cấp địa phương cũng như toàn cầu. Kinh tế tương trợ không phải là một khu vực kinh tế, mà là một cách giải quyết toàn cầu bao gồm các sáng kiến trong tất cả các khu vực kinh tế, đặt ra một mô hình phát triển khác mô hình tư bản chủ nghĩa dựa trên chủ nghĩa tự do hoá mới. Tác nhân của nền kinh tế mang tính xã hội là xã hội công dân và các tổ chức nông dân.

Các tổ chức nông dân có nhiệm vụ phải hỗ trợ hộ nông dân thực hiện Thương nghiệp công bằng, xây dựng mối quan hệ giữa người sản xuất và người tiêu dùng. Thương nghiệp công bằng chú ý hơn đến “đạo đức” kết hợp trong các dịch vụ buôn bán, là một phong trào chống lại các công ty đa quốc gia. Thể chế thị trường nông sản nếu chủ yếu chỉ dựa vào quan hệ nông dân - doanh nghiệp, theo kiểu nông nghiệp hợp đồng thì sẽ dẫn đến sự độc quyền của doanh nghiệp chế biến và lưu thông; và làm cho thương nghiệp không công bằng, vì giá cả do doanh nghiệp quyết định, nông dân không có quyền mặc cả trên thị trường. Muốn giải quyết tình trạng này phải phát triển song song cả các HTX có các hoạt động chế biến và buôn bán, thì việc phân phối thu nhập mới được công bằng. Nguyên nhân chính của thương nghiệp không công bằng là do thiếu thể chế cho phép người sản xuất được tham gia vào quá trình mặc cả để xác định giá, do thiếu các thể chế để thực hiện thương nghiệp công bằng.

GS.VS Đào Thế Tuấn, từng nhấn mạnh: “Có một sự hiểu nhầm rằng, phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn là một, và Chính phủ giao Bộ NN-PTNT lo về phát triển nông thôn. Trên thực tế, Bộ này chưa làm được gì nhiều cả. Ngày trước, việc phát triển nông thôn do Bộ máy bên Đảng làm, có Ban Nông nghiệp TƯ lo tất cả các vấn đề về nông thôn như cải cách ruộng đất, hợp tác hoá, xây dựng nông thôn như thế nào..., được cụ thể trong Chỉ thị 100, Nghị quyết TƯ 10... Bây giờ, đưa nông thôn về Bộ NN-PTNT, trong khi Bộ hầu như chỉ lo phát triển sản xuất và phòng chống thiên tai, mà lẽ ra phòng chống thiên tai là do Bộ Tài nguyên - Môi trường phải làm. Nên mỗi lần

có thiên tai, Bộ trưởng Bộ NN-PTTN lại phải chạy khắp các địa phương để chỉ đạo, không có thì giờ để lo phát triển nông thôn”.

Hay chia sẻ thẳng thắn của ông với báo chí: “Việt Nam có sự hiểu nhầm về chuyện phát triển nông nghiệp tốt thì phát triển nông thôn tốt vì nông nghiệp đi lên kéo theo nông thôn phát triển. Thực tế không phải như vậy. Nông nghiệp là ngành sản xuất còn nông thôn là lãnh thổ. Hầu như tất cả các bộ, ngành của ta đều có bộ phận lo về nông thôn, như Giáo dục, Y tế rồi LĐ-TBXH... Vậy tại sao lại giao cho một bộ phụ trách cả công việc lớn như vậy?... Hiện nay, trong phát triển nông thôn có hai vấn đề lớn: ruộng đất và lao động, nhưng Bộ NN-PTNT lại không được quản lý”.

GS.VS Đào Thế Tuấn đã đi xa về với thế giới người hiền được hơn 10 năm, nhưng

vẫn còn đó những tiếng nói gan ruột về vấn đề “Tam Nông”. Những trăn trở của ông về phát triển nông thôn bền vững - đáng sống còn được các thế hệ học trò của ông trích dẫn nhiều luận điểm khoa học để phân biện cho việc xây dựng chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn đang đặt ra với cuộc sống hôm nay.

Nhìn lại suốt chặng đường phát triển và những dấu mốc quan trọng của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, chúng ta càng thấy rõ hơn những cống hiến to lớn của những nhà khoa học nông nghiệp Việt Nam. Trong đó, GS.VS Đào Thế Tuấn được đánh giá là Nhà khoa học nông nghiệp uyên bác lỗi lạc, cây đại thụ của làng “Tam Nông” Việt Nam với những đóng góp thiết thực, có tầm nhìn chiến lược về “phát triển nông thôn bền vững” ở nước ta./.

Ngày 06/7/2022, Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước ban hành Quyết định số 42/QĐ – HĐGSNN công nhận các Tạp chí khoa học được tính điểm khi công bố công trình. Trong đó, liên ngành Nông nghiệp – Lâm nghiệp có 51 Tạp chí và ấn phẩm được công nhận tính điểm cho các chuyên ngành: Nông học, Bảo vệ thực vật; Dâu tằm tơ và nuôi ong; Khoa học đất và phân bón; Quản lý đất đai, Bảo quản, chế biến nông lâm sản; Thủy nông; Lâm học; Quản lý tài nguyên và môi trường nông lâm nghiệp; Lâm nghiệp xã hội; Nông – Lâm nghiệp đô thị; Công nghệ sinh học nông lâm nghiệp. Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam thuộc Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam, chỉ số 1859 – 4700 tiếp tục được giới thiệu trong danh sách nêu trên. Điều này một lần nữa khẳng định, Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam là địa chỉ tin cậy để các nhà khoa, các chuyên gia công bố các công trình nghiên cứu. Theo giấy phép hoạt động báo chí số 74/GP-BTTTT ngày 26/01/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam bên cạnh ấn phẩm in là loại hình điện tử xuất bản tại địa chỉ: <https://nongthonvaphattrien.vn/>.

Dấu ấn, khiêm nhường và những điều trăn trở

TS. Tạ Quang Ngọc

Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Bộ trưởng Bộ Thủy sản

LTS: Chiến lược phát triển kinh tế biển gắn với phòng thủ từ đại dương đã được Đại tướng Võ Nguyên Giáp đề xuất từ rất sớm. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm phát triển kinh tế biển tương xứng với vị thế và tiềm năng to lớn của nó. Để rõ hơn về những nỗ lực không mệt mỏi đó, Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam trân trọng giới thiệu đôi điều lắng đọng và suy ngẫm của TS. Tạ Quang Ngọc, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Nguyên Bộ trưởng Bộ Thủy sản qua bài viết dưới đây.



Bác Hồ nói chuyện với nhân dân đảo Cát Bà (31/3/1959). Ảnh tư liệu Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Thế là đã 15 năm! 15 năm của Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, 15 năm hợp nhất Bộ Thủy sản với Bộ Nông nghiệp và PTNT và 15 năm tôi nghỉ hưu.

Trước hết, tôi muốn nói đến sự việc có

tầm quốc gia mở đầu cho năm 2007: Nghị quyết số 09 NQ/TW ngày 9 tháng 2 năm 2007, Hội nghị lần thứ Tư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020.

Lúc đó, bản Chiến lược được nê nước đón chào và dư luận trên truyền thông coi đó như là một bảo bối. Tất nhiên không chỉ có những người làm nghề biển, hay yêu biển, mà cả nước Việt Nam đều hy vọng vào những điều tốt đẹp sẽ có để nước ta mạnh về biển và giàu lên từ biển, thoát ra khỏi những lúng túng trong tổ chức khai thác và sử dụng biển lâu nay; và quan trọng hơn, sẽ tỉnh táo và chủ động hơn đối phó với những phức tạp về địa chính trị trong khu vực, trong đó các nước lớn với những toan tính của họ đã và đang chủ động lôi kéo.

Ngày 31 tháng 7 năm 2007, Quốc hội khóa XII trong phiên họp đầu tiên đã thông qua nghị quyết hợp nhất Bộ Thủy sản với Bộ Nông nghiệp và PTNT. Đây được coi là thời điểm quan trọng và có phần nhạy cảm, chấm dứt hoạt động của Bộ Thủy sản với tư cách mà người đứng đầu của nó là thành viên Chính phủ sau 48 năm (dù là Tổng cục từ năm 1959 đến năm 1976 hay Bộ, từ năm 1976 đến hết tháng 7 năm 2007).

Với sự kiện Thủy sản và Nông nghiệp về lại “chung một nhà”, chính thức về danh nghĩa, Bộ Nông nghiệp và PTNT trở thành Bộ đa ngành sau giai đoạn 12 năm hợp nhất các ngành chính: Lâm nghiệp, Thủy lợi rồi cuối cùng là Thủy sản. Cũng nhiều băn khoăn, nhất là ở những người đã từng trong ngành thủy sản hay có công việc gắn bó với thủy sản, cũng có băn khoăn cả về thời điểm, về việc chuẩn bị của cơ quan chức năng cho quá trình Đa ngành hóa mô hình một Bộ.

Tuy nhiên, thiên hạ đều đồng tình xu hướng gom các bộ, giảm đầu mối vì điều đó thể hiện bước tiến đáng kể trong Cải cách hành chính, hứa hẹn một cung cách hoạt động mới của các Bộ hợp nhất sau này cũng như những đổi mới hoạt động của Chính phủ, làm nòng cốt cho công cuộc cải cách hành chính từ Trung ương tới địa phương theo hướng xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN. Dẫu vậy, cũng thấy trước những gập ghềnh đáng kể trong quá trình biến hứa hẹn đó thành hiện thực phát triển.

Hơn một tháng sau khi bàn giao công

việc cho Bộ mới, ngày 27 tháng 09 năm 2007, Thủ tướng ký quyết định cho tôi nghỉ công tác để làm thủ tục hưu trí. Như vậy là kết thúc 41 năm công tác của tôi, tất cả đều ở trong ngành thủy sản (với 18 năm đi dạy học và 23 năm làm quản lý ngành, trong đó gần 11 năm là Bộ trưởng). Tính tới thời điểm ấy, tôi ở tuổi 63.

Như vậy, với tôi, năm 2007 có 3 sự kiện mà bây giờ đã 15 năm trôi qua tôi vẫn coi là cột mốc lớn. Tôi không ích kỷ đến mức chỉ nghĩ về cá nhân mình mà đánh giá như vậy. Dù với cá nhân tôi việc về nghỉ là sự kiện của riêng mình, của một người bình thường sau những năm tháng lao động và cống hiến.

Với tư cách người đứng đầu lĩnh vực (Thủy sản) nó cũng mang chút dấu ấn của một giai đoạn phát triển. Hơn nữa, với tư cách một chính khách, hoạt động của tôi cũng phải mang rõ đặc trưng công việc trong một giai đoạn phát triển kinh tế xã hội của đất nước, trong một thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của một Quốc gia Biển đảo.

Trong 11 năm tại vị, tôi phải nghĩ đến sự kế thừa của năm tháng thủy sản từng được xác định là ngành mũi nhọn, phải chớp lấy những thời cơ và thuận lợi của đổi mới và hội nhập sau năm 1995 để ngành tiếp tục có những thay đổi đáng kể các nguồn lực nội sinh và bắt tay với các nước cùng phát triển. Điểm lại cũng khá nhiều việc tôi đã nỗ lực làm được, tuy nhiên còn không ít việc chưa xong hoặc không mang lại kết quả mong muốn. Bàn luận hay nghĩ ngợi về công việc đã làm cũng nhiều lúc làm tôi lẩn tẩn, trăn trở.

Khi đã khép lại những năm công tác, mỗi người đều có những trăn trở riêng. Và tôi cũng vậy. Trong cuốn sách Lắng đọng và suy nghĩ in cách đây 3 năm, tôi đã có lúc đề cập đến những trăn trở đó. Tôi cũng nghĩ, là người đứng đầu thì phải “chịu trận”. Tôi không trách và không đổ lỗi cho ai mỗi khi để xảy ra việc chưa tốt như mong muốn. Xi xèo sau mỗi việc như vậy trong dư luận xã hội về một điều gì đó liên quan trách nhiệm của mình cũng là việc dễ có. Cũng có những phiên chất vấn tôi phải đối mặt

với các sự gay gắt của một số đại biểu, phải tận tai, tận mắt với các thông tin phiền lòng trên báo, đài. Tuy không nhiều những trường hợp như thế, dù cầu thị đến mấy thì đó là các kỷ niệm không vui, không đẹp.

Tuy có này có nọ, mọi đánh giá cũng cần phải dùng thước đo chung thông qua sự tín nhiệm xã hội. Một thực tế, 11 năm trong Chính phủ, tôi trải qua ba kỳ bỏ phiếu phê chuẩn tại Quốc hội, đó là vào các năm 1996, 2002 và 2006. Cả 3 lần đó trong danh sách tham gia Chính phủ được Thủ tướng trình ra các kỳ Quốc hội, tôi đều nhận số phiếu top đầu (còn là cao nhất). Nếu tôi làm việc không tốt chắc khó mà nhận sự được tín nhiệm “cao đều” như vậy.

Nghỉ công tác đã 15 năm rồi, đến giờ tôi vẫn nhận thấy được sự quý mến và tôn trọng mình trong số đông đồng nghiệp, trong giới lãnh đạo cùng thời và quản lý thủy sản ở các địa phương đã từng gắn bó, nhất là ở các tỉnh ven biển. Sau khi nghỉ đã nhiều năm tôi vẫn nhận được tình cảm và sự tin tưởng từ không ít bà con lao động.

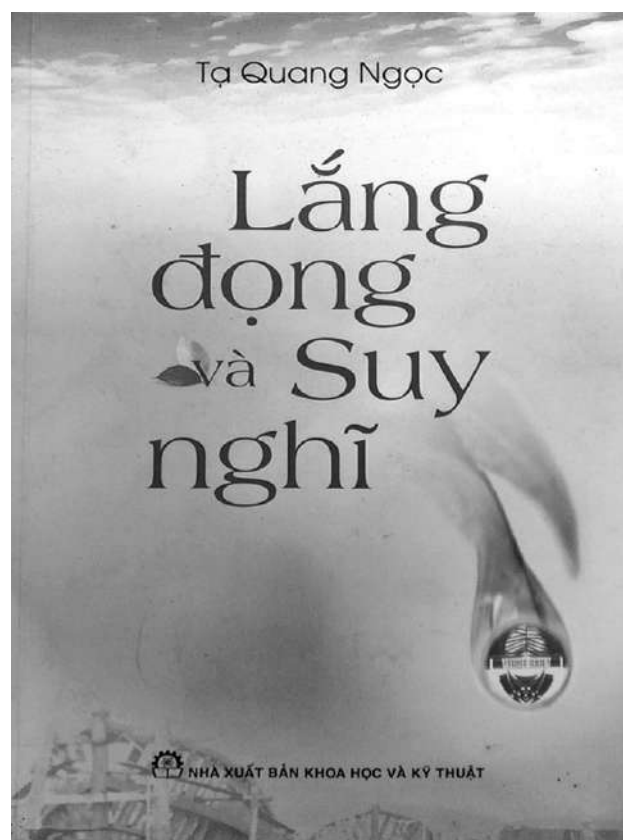
Tôi coi sự tin cậy như vậy là một trong những phần thưởng cao quý nhất mà mình được, là giá trị mà mình có. Nó không xuất phát từ cái gì đó có nét “làm vừa lòng mọi người kiểu dân tủy” khi tôi ở cương vị của một người có chức quyền, mà là sự trong sáng vô tư nhìn vào việc và vui vì công việc, về thành quả công việc, sự chân tình, trách nhiệm chia sẻ những khó khăn, nỗi lo ở mọi nơi với tinh thần cùng gánh vác.

Tôi muốn nhắc lại một sự kiện ngẫu nhiên, đó là vào ngày 5 tháng 11 năm 1996, tôi có cuộc họp ở Hòa Bình. Sáng sớm hôm đó, khi xe qua một con ngầm trước lúc đến khu Chuyên gia Thủy điện đề họp, xe bị trôi xuống suối đang ào ào chảy xiết. Thoát chết nhưng chúng tôi ướt, rét và riêng tôi, quan trọng là được tắm gội sạch sẽ. Sáng hôm sau, Quốc hội bỏ phiếu phê chuẩn tôi và từ lúc ấy tôi mang cái tố chất “sạch sẽ” đó vào 11 năm công việc.

Nghĩ vậy, tôi thấy yên tâm để khép lại phần viết này.

Lai rai trong hơn chục năm về nghỉ, tôi đã viết một số bài báo hoặc bài viết khác dạng tiểu luận, ngoài ra, khi nhân có những sự kiện nhất định đụng đến tính “say nghề” của mình, tôi cũng viết những góp ý cần thiết gửi đến các bậc có thẩm quyền.

Tất cả những bài đó tôi lòng cái tâm của mình để bớt đi những hạn chế vì sự mai một tri thức bản thân. Nói vậy, cũng có những bài sau khi nẩy ra ý định viết thì tôi nghĩ đến tìm kiếm các dữ liệu khoa học, cập nhật thông tin từ thực tiễn nghề biển nước ta, các chính sách phát triển liên quan và các yêu cầu mới trong hội nhập thế giới.



Tôi muốn chép lại ở đây mấy dòng trong Lời nói đầu của cuốn sách này: Tình cảm và sự tâm huyết với ngành thủy sản của tôi trước khi viết luôn như khối magma tuôn trào lẫn lộn với các thành tố góc cạnh của các công việc đã trải nghiệm. Tôi phải diễn tả sao để biến khối nham thạch đó có ích nhất cho bài viết của mình, cho hiểu biết về ngành, về bà con ngư dân mình.

Trước đây, tác nghiệp của tôi chủ yếu là điều hành và lãnh đạo, giờ đây, với các bài viết thì tôi coi việc đọc sâu, truy tìm đến chân lý, tính hợp lý và sự diễn đạt dễ hiểu khi viết là tác nghiệp. Nhiều bài viết của tôi đã được đưa lên mặt báo. Những góp ý quan trọng luôn nhận được sự phản hồi của các đồng chí lãnh đạo (tất nhiên có cả những phản hồi miên cưỡng mà thỉnh thoảng tôi cũng nhận được).

Liên quan việc góp ý này tôi xin kể lại một kỷ niệm: Khoảng tháng 10 năm 2007, Thường trực Chính phủ lúc đó tổ chức buổi gặp mặt với “tốp” thành viên Chính phủ nhận Quyết định hưu trí. Cùng với những lời nói tri ân và tình cảm ấm áp lúc chia tay, Thủ tướng thay mặt Chính phủ chúc chúng tôi Sống vui, sống khỏe trong những năm tháng tiếp. Với cả những lời chúc khác của Thủ tướng, tôi cũng ngầm hiểu thêm là ông chúc chúng tôi cả Sống có ích nữa. Như vậy mới đủ phương châm “Bộ ba” mà Hội người cao tuổi dành cho người già. Tôi nghĩ, đã từng hoạt động trong Nội các, tôi rất biết hai chữ có ích từ lúc này đối với mình là như thế nào. Có ích và trách nhiệm cho bản thân, cho tập thể mình đã gắn bó và cho xã hội.

Tích góp và đọc lại các bài viết gõ nhíp thời gian sau “một con giáp” về nghĩ tôi thấy vui vui, tuyển chọn các bài về Thủy sản tôi bố cục lại và đã biên tập thành một cuốn sách. Sách được Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật ấn hành tháng 8 năm 2019 với tiêu đề **Lắng đọng và suy nghĩ**.

Suy nghĩ rải ra trong hơn 10 năm, viết theo thời sự từng hiện tượng và sự kiện, tôi chắc tránh được tính chủ quan hay có của một dạng hồi ký ngồi nghĩ rồi một mạch viết ra. Hơn nữa, dù bài ngắn hay dài, các nhân tố về quá khứ, hiện tại và tương lai đều được khai thác nên hãy đừng coi những bài viết đó chỉ là thuật lại hay hồi ức. Chúng đang nói cả về cái đang diễn ra và cái cần hướng tới.

Nhân dịp này tôi cũng muốn kể mấy chuyện từng sâu đậm!

Mấy lời về ngày truyền thống

Cuối tháng 3 năm 1959, Bác Hồ có chuyến thăm và làm việc với lãnh đạo địa phương, quân và dân vùng biển Đông Bắc của Tổ quốc. Bác dành thời gian thăm các làng cá trên các đảo Tuần Châu và Cát Bà.

Sự kiện Bác thăm và nói chuyện với cán bộ, nhân dân ở trên biển đảo thời điểm đó được chính quyền địa phương và nhân dân những nơi đây ghi nhớ và tổ chức kỷ niệm hàng năm. Sau này (năm 1995), Bộ Thủy sản đã đề nghị và Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định lấy ngày 1 tháng 4 hàng năm làm ngày Truyền thống của ngành Thủy sản Việt Nam.

Lời Bác nói: ***"Biển bạc của ta do nhân dân ta làm chủ"*** tại đây về sau đã được thêu trên Lá cờ truyền thống của ngành Thủy sản và trở nên vừa thiêng liêng, vừa quen thuộc nhiều chục năm nay. Đã hơn 60 năm, hai chữ *làm chủ* ngày ấy càng được thấm sâu hơn đối với người làm thủy sản, những con người từ xa xưa sinh tồn gắn với biển.

Trước hết, làm chủ là tư duy và hành động giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ trên biển. Mặt khác, *làm chủ* là biết khai thác và sử dụng tài nguyên của biển với tinh thần *“chủ nhân ông”*, có trách nhiệm với đất nước, với cộng đồng và với tài nguyên, môi trường biển lâu dài cho cuộc sống và sản xuất của nhiều đời con cháu mai sau.

Đó là những nhân tố quan trọng nhất của **Phát triển bền vững**. Đó cũng là những yêu cầu trong cam kết hội nhập quốc tế đối với nghề cá hiện đại. *Luật ứng xử về Nghề cá trách nhiệm* của FAO năm 1995 và *Công ước quốc tế về luật biển* năm 1982 (UNCLOS) là những văn bản quốc tế hiện chi phối những nhân tố trách nhiệm này và đặt ra những ràng buộc trong quản lý Nghề cá thế giới, các chính sách, chế tài áp dụng lên thương mại hải sản.

Về Phát triển bền vững và yêu cầu hội nhập trong nghề cá trách nhiệm tôi đã viết ở một số bài của cuốn Lắng đọng và suy nghĩ. Ở đây tôi sẽ không nhắc lại nữa.

Tôi muốn có ít dòng để nhấn mạnh về tư

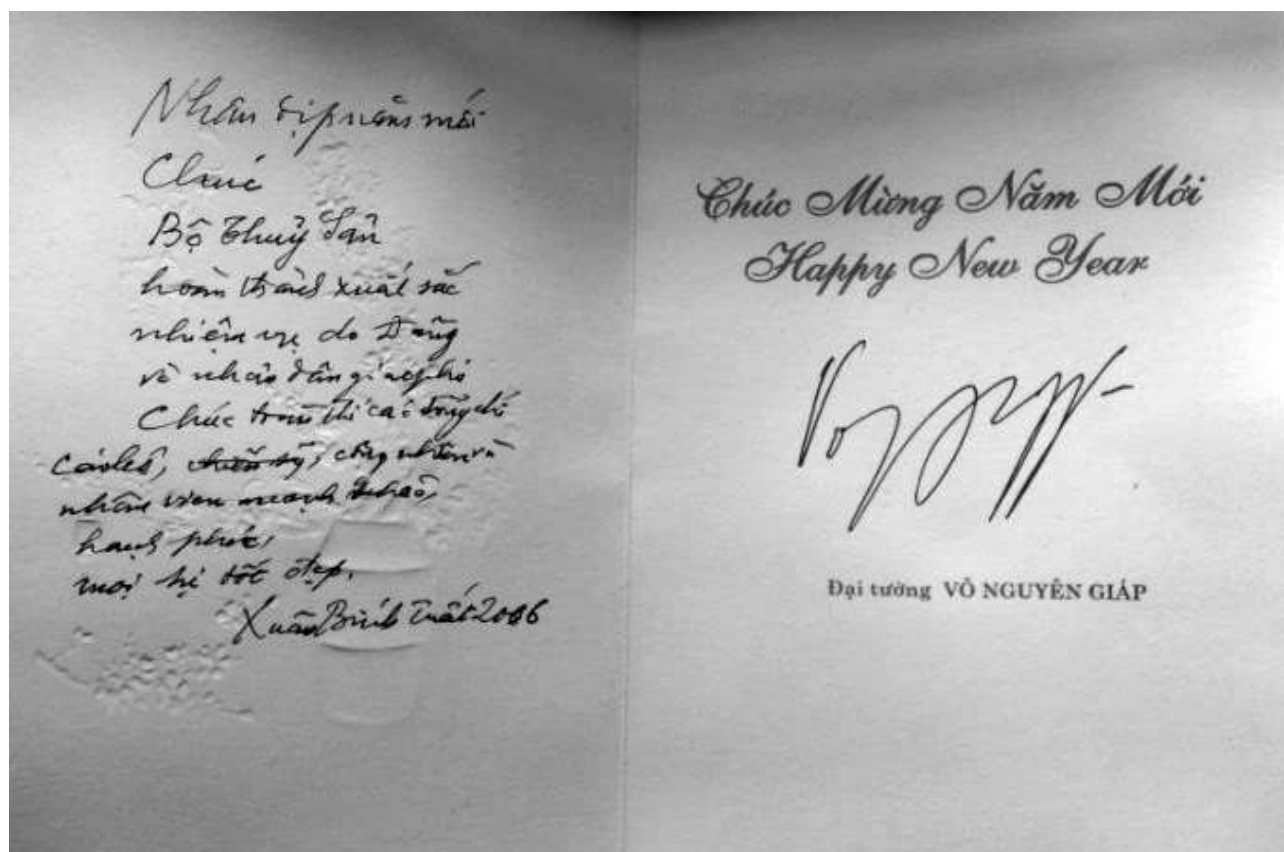
duy và hành động giữ vững chủ quyền Biển đảo của Tổ quốc song hành với sự phát triển nghề cá biển Việt Nam. Đó là sự tham gia bảo vệ Tổ quốc của cộng đồng ngư dân và dân cư ven biển, là năng lực lãnh đạo và quản lý để tổ chức mặt hoạt động quan trọng này. Đó là vai trò trực tiếp của Bộ Thủy sản trước đây, của chính quyền địa phương các cấp gắn với hoạt động nghề cá biển. Đó cũng là những việc cụ thể nhằm tổ chức các đội dân quân bảo vệ bờ biển từ ngay sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, phát huy vai trò quan trọng của các Hợp tác xã nghề cá từ cuối những năm 1950, là chỉ huy, phối hợp các Hải đoàn ở một số tỉnh, thành phố khoảng 2 thập kỷ đầu sau khi nước nhà thống nhất...

Tấm thiệp chúc Tết và điều tâm huyết của Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Dịp Xuân Bính Tuất năm 2006, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, lúc đó đã 95 tuổi, gửi

Thiệp chúc mừng Năm mới tới Bộ Thủy sản. Bây giờ thật xúc động mỗi khi nhìn lại dòng chữ nghiêng nghiêng này của vị Tổng tư lệnh lỗi lạc. Đây là tấm thiệp năm mới cuối cùng mà Bộ chúng tôi nhận được từ vị Đại tướng mà tên tuổi gắn với những huyền thoại trong các cuộc chiến tranh giành độc lập đất nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thế kỷ XX. Với riêng tôi, sau đó 5 năm, còn nhận được những dòng cảm ơn từ Đại tướng khi thăm và chúc thọ ông nhân dịp ông tròn 100 tuổi, ngày 25 tháng 08 năm 2011. Khi đó ông đã nằm viện.

Phát triển thủy sản để góp phần làm cho nước ta giàu mạnh, để dân ta ấm no, để đem cuộc sống văn minh đến với các làng biển hẻo lánh hay sát ngay đô thị sầm uất mà còn nghèo và lạc hậu. Khuyến khích và tổ chức ngư dân bám biển sản xuất để củng cố mặt trận quốc phòng toàn dân trên biển luôn là điều bác Giáp quan tâm và nhắc đến trong những lần gặp và những câu bác dặn dò chúng tôi.



Thiệp chúc Tết của Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Đó là mối quan tâm xuyên suốt nhiều thập kỷ, trong thời chiến cũng như thời bình. Đó là việc rất lớn của cả hệ thống chính trị mà trực tiếp là vai trò quản lý của Bộ Thủy sản. Đại tướng rất vui mừng mỗi khi có thông tin về những thành tựu khoa học mới, những kỹ thuật mới, điều kiện và phương tiện điều tra nghiên cứu mới về biển, về ngư trường, về công cụ khai thác, những kết quả tích cực trong sản xuất giống thủy sản và nghề nuôi...

Một trong những cái quý giá nhất của nước ta là tiếp giáp với đại dương, có bờ biển dài, có nhiều eo vịnh, đảo và quần đảo lớn nhỏ, có tài nguyên biển phong phú, trong đó có tài nguyên sinh vật đa dạng, thuận cho kinh tế và dân sinh. Một khi biết giữ gìn biển thì nơi đây sẽ là một ưu đãi bất tận để tái tạo nguồn lợi sinh học và giữ sạch môi trường sinh thái.

Biển cũng là cửa ngõ để chúng ta giao thương với tất cả các nơi trên thế giới và cũng thuận lợi khi giao thương giữa vùng này với vùng khác trong nước. Tuy nhiên, biển cũng là cửa ngõ của nhiều cuộc xâm lăng trong lịch sử, là những sự xâm nhập thường xuyên vi phạm an ninh lãnh thổ và gây bất ổn cho xã hội.

Biển cũng là nơi luôn rình rập những rủi ro thiên tai... Cán bộ và bộ máy ngành, mà trước hết là Bộ Thủy sản những năm tháng đó có trách nhiệm quản lý rất lớn. Lời chúc Tết của Đại tướng cũng hàm ý yêu cầu Bộ Thủy sản lúc đó phải mạnh lên, đủ sức cả với những đòi hỏi như vậy.

Tôi nhớ, khi tôi về công tác ở Bộ vẫn còn một vụ có tên là Vụ 1. Thời gian sau này, Vụ 1 mới nhập vào Vụ Kế hoạch đầu tư, nhưng nhiệm vụ liên quan đến an ninh quốc phòng của nó không mất đi mà lồng ghép trong các chương trình, dự án đầu tư và kế hoạch hàng năm.

Với tình hình địa chính trị thế giới và khu vực ngày càng phức tạp, với những diễn biến khó lường trên Biển Đông như hiện nay, tôi lại nghĩ tới lời dặn và sự trăn trở của Đại tướng về yêu cầu gắn kết phát triển sản xuất với tổ chức quốc phòng trên biển.



*Biển và ngư dân là tâm huyết của
Đại tướng Võ Nguyên Giáp.*

Cùng với việc xây dựng lực lượng Hải quân hùng mạnh, chính quy, theo Đại tướng, việc xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân trên biển luôn có ý nghĩa rất lớn. Đã một thời, dân quân vùng biển, các hợp tác xã đánh cá khắp miền Bắc “tay lưới tay súng” bảo vệ quê hương ở miền Bắc, tham gia tiếp vận cho miền Nam đến tận ngày toàn thắng.

Cần phân rõ ranh giới địa lý trên biển và rạch ròi quyền tài phán đối với tài nguyên biển là quan trọng cho hòa bình và ổn định của một quốc gia ven biển

Tăng cường sức mạnh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ ngư dân trên biển, nâng cao cảnh giác sẵn sàng chống lại mọi mưu toan và hành động xâm phạm và khiêu khích luôn là việc quan trọng. Tuy nhiên, Việt Nam cũng chủ động xây dựng chính sách đối ngoại thân thiện với các nước láng giềng nhằm ổn định trên biển.

Nhiều năm qua, song song với quá trình hội nhập quốc tế và khu vực, chúng ta ưu tiên đàm phán, ký kết và thực thi các hiệp định phân định ranh giới trên biển, định rõ quyền tài phán về tài nguyên thiên nhiên một khi đã phân định.

Ngoài ra, các nguyên tắc giải quyết tranh chấp trên biển, nhất là tranh chấp tại các vùng

chồng lấn cũng phải được bàn bạc và thỏa thuận với các quốc gia liên quan. Cho đến nay, nước ta đã ký và thực thi các văn bản pháp lý song phương về phân định biên giới trên biển hay xác định các vùng chồng lấn với nhiều nước trong khu vực. Tất cả những cố gắng đó đã cải thiện rõ rệt sự hợp tác mọi mặt giữa nước ta với các nước trong khu vực Biển Đông. Sau

đây, tôi nêu hai trường hợp đàm phán và ký kết điển hình nhất:

1. Đàm phán với Chính phủ Vương quốc Thái Lan từ năm 1995: Tại Bangkok, ngày 09 tháng 08 năm 1997, hai nước Việt Nam và Thái Lan đã ký Hiệp định phân định ranh giới trên biển trong vịnh Thái Lan.



Các Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm (giữa) và Prachuab Chaiasan (người thứ hai từ trái sang, những người đã ký Hiệp định phân định Biển Tây Nam năm 1987. Ảnh chụp năm 2014 tại Hà Nội khi đồng chí Nguyễn Mạnh Cầm đến cuộc làm việc giữa hai hội hữu nghị Việt - Thái và Thái - Việt.

Những người đặt bút ký hiệp định là Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm và Bộ trưởng Ngoại giao Thái Lan Prachuab Chaiyasan. Hiệp định đã chấm dứt một phần tư thế kỷ tranh cãi giữa Việt Nam và Thái Lan về giải thích và áp dụng luật biển trong phân định vùng chồng lấn giữa hai quốc gia.

Đây là hiệp định phân định biển đầu tiên đạt được trong vịnh Thái Lan, là hiệp định phân định biển đầu tiên được ký kết tại khu vực Đông Nam Á sau khi Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển năm 1982 có hiệu lực, đồng thời cũng là hiệp định về phân định toàn bộ các vùng biển đầu tiên trong khu vực. Đối với Việt Nam, đây là hiệp định phân định biển đầu tiên

đạt được với các nước láng giềng.

Sau khi hiệp định trên được ký kết và đưa vào thực hiện từ hai phía, tình hình hoạt động của ngư dân trên Biển Tây Nam được cải thiện rõ rệt. Việc hợp tác hướng dẫn ngư dân khai thác trên biển, tránh các vi phạm và tranh chấp được chính quyền cả hai phía coi trọng và thống nhất hướng dẫn. Các đợt tuần tra chung cũng thường xuyên được tổ chức. Biển Tây Nam cơ bản trở thành ngư trường rộng lớn của hòa bình và hữu nghị.

2. Hiệp định Hợp tác nghề cá Việt Nam - Trung Quốc ở vịnh Bắc Bộ: Hiệp định được ký tại Đại Lễ đường Bắc Kinh ngày 25 tháng 12 năm 2000.



Ký kết hiệp định hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ Việt Nam - Trung Quốc năm 2000.

Đại diện cho Chính phủ Trung Quốc đặt bút ký là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp nước này Trần Diệu Bang, còn tôi ký đại diện cho Chính phủ Việt Nam. Cũng buổi hôm đó, tại đây, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam và Trung Quốc thay mặt Chính phủ hai nước ký Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ, bao gồm vùng lãnh hải, vùng Đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Sau thời gian đàm phán để hai bên đi đến thống nhất Nghị định thư bổ sung về hợp tác nghề cá (Trung Quốc gọi loại văn bản này là Bị vong lục), trưởng đoàn đàm phán cấp chuyên viên hai nước đã ký bản Nghị định thư bổ sung này vào ngày 29 tháng 4 năm 2004 để rồi toàn bộ văn bản Hiệp định Hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ được hai bên đồng ý là đã hoàn tất.

Tiếp đó, sau khi xong các thủ tục phê chuẩn nhà nước, Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ có hiệu lực và chính thức đưa vào

thực hiện.

Trưa ngày 30 tháng 6 năm 2004, tại Nhà khách Chính phủ số 2 phố Ngô Quyền Hà Nội, thay mặt Bộ Ngoại giao hai nước, phía Việt Nam là Thứ trưởng Lê Công Phụng và phía Trung Quốc là Thứ trưởng Vương Nghị đồng chủ trì tuyên bố thời khắc hiệu lực của sự kiện.

Như vậy là tính từ ngày ký ở Bắc Kinh, mãi 3 năm rưỡi sau Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ mới chính thức có hiệu lực, và đó cũng là thời điểm bắt đầu hiệu lực của Hiệp định phân định. Chắc cũng phải nói rằng: Nhiều khi về đại cục có thể hai bên dễ gặp nhau và nhanh chóng hơn khi giải quyết các bất đồng, nhưng những chi tiết quyết định đến tính khả thi và trọng lượng của cái đại cục ấy lại lấy đi rất nhiều thời gian. Trường hợp này là như vậy, không thể khác được.

Cho đến nay, tài liệu để tìm hiểu về nội dung này rất đầy đủ, trong đó có văn bản hai hiệp định. Tôi chỉ muốn viết ra mấy ý sau.

Phân định ranh giới trên biển giữa các nước láng giềng bao giờ cũng có toan tính đến các nguồn tài nguyên gắn với khu vực phân định.

Với các tài nguyên khoáng sản, dầu khí dưới đáy biển thì việc định rõ này nằm ngay trong thỏa thuận đường phân định địa lý. Tuy nhiên, với tài nguyên sinh vật biển, mà cụ thể là nguồn lợi thủy sản thì cũng có cái khác liên quan tới những đặc trưng nghề cá biển và sinh kế ngư dân.

Trong trường hợp phân định Vịnh Bắc Bộ, phía Trung Quốc đề nghị nhất thiết phải có một hiệp định riêng về hợp tác nghề cá ở đây, quy định sự dàn xếp đặc thù tạm thời trong một số năm nhất định tại những khu vực giới hạn tính từ thời điểm hiệu lực của sự phân định. Hết thời gian tạm thời này về nguyên tắc việc dàn xếp như vậy không còn hiệu lực nữa và ngư dân nước nào chỉ được hoạt động khai thác ở vùng đặc quyền kinh tế nước đó nếu không có đàm phán và ký kết gì tiếp liên quan.

Trong suốt ba năm rưỡi sau khi ký hiệp định, công việc của các đoàn đàm phán cấp chuyên viên hai nước đã rà soát, dựa vào các dữ liệu khoa học về khả năng cho phép của nguồn lợi, các hoạt động thực tiễn của ngư dân trên các ngư trường trong vịnh, các yếu tố địa lý,... để thảo luận và đàm phán đi đến thống nhất giải pháp cho giai đoạn tạm thời này.

Trong hiệp định nêu rõ 3 khu vực có tính đặc thù như vậy: **vùng đệm** cho tàu cá nhỏ hoạt động lân cận cửa sông Bắc Luân; **Vùng dàn xếp quá độ** tại vùng đặc quyền kinh tế của mỗi nước nằm về phía Bắc **Vùng đánh cá chung** (từ vĩ tuyến 20°N trở lên), hai bên tiến hành giảm dần hoạt động đánh cá ở phía bên kia. Sau bốn năm (đến ngày 30 tháng 6 năm 2008) mỗi bên quản lý vùng biển của mình theo chế độ vùng đặc quyền kinh tế riêng; và **vùng đánh cá chung** kéo từ vĩ độ 20 trở xuống

đến cửa vịnh, có giới hạn theo tọa độ hai phía, về diện tích và đặc biệt giới hạn về cường lực khai thác cho phù hợp với khả năng nguồn lợi. Thời hạn tồn tại của vùng đánh cá chung này là 12 năm cộng với 3 năm mặc nhiên gia hạn như hiệp định đã ký ban đầu, tổng cộng là 15 năm. Tức là, theo quy định, **vùng đánh cá chung** hết hiệu lực vào ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Trong 3 khu vực này, việc đàm phán về **vùng đánh cá chung** là lâu công nhất, phải tiến hành qua 6 vòng đàm phán cấp chuyên viên mới kết thúc theo thời điểm đã nêu ở trên.

Là người chỉ đạo công việc đàm phán cấp chuyên viên này, thực chất tôi phải nắm chắc chủ trương của lãnh đạo cấp trên về đường hướng chung và những vấn đề có tính quyết định (khi cần thì tham mưu xin ý kiến) để chỉ đạo nhóm chuyên viên đàm phán.

Người đứng đầu đàm phán cấp chuyên viên Việt Nam là anh Đinh Xuân Thảo, Vụ trưởng Vụ Pháp chế của Bộ Thủy sản. Đứng đầu đoàn chuyên viên phía bạn là anh Vương Diễm Lượng, Cục trưởng Cục Nghề cá Bộ Nông nghiệp Trung Quốc. Bây giờ, tôi có thể nói lại rằng, tôi rất tin tưởng và đánh giá cao Đoàn đàm phán cấp chuyên viên chúng ta và kết quả công việc của họ. Đoàn gồm các thành viên ở một số bộ ngành và cơ quan chuyên môn, nòng cốt là từ Bộ Thủy sản. Tổng hợp lại từng lĩnh vực, anh em thông hiểu về luật pháp quốc tế, về chủ trương đường lối của Đảng, nắm chắc về nguồn lợi, ngư trường và thực tiễn khai thác trong vịnh, về địa lý và địa hình cũng như nhiều việc cần thiết khác nên khá thuận lợi mỗi khi giải quyết các gay cấn có lúc tưởng như bế tắc. Tôi cũng phân công Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hồng giúp tôi một thời gian làm việc trực tiếp với tổ một số vòng đàm phán về sau.

Một thuận lợi khác cho công việc, đó là độ chắc chắn và hữu ích của các dữ liệu điều tra nghiên cứu liên quan đến khả năng khai thác trong Vịnh Bắc Bộ do Viện Nghiên cứu hải sản Hải phòng của GS.TS Bùi Đình Chung,

Viện trưởng chủ trì cung cấp sau khi có những đánh giá, nghiệm thu Nhà nước theo quy định.

Trong thời gian này, Bộ Thủy sản cũng đã bắt tay xây dựng Luật Thủy sản có sự giúp đỡ của các chuyên gia nước ngoài được NORAD Na Uy lựa chọn. Nhờ đó, hiểu biết về phân định trên biển, các giải quyết tranh chấp, các dàn xếp quốc tế liên quan nghề cá được cải thiện. Các luật quốc tế, kể cả Công ước quốc tế về Luật biển (UNCLOS) lồng ghép khi xây dựng Luật Thủy sản cũng phục vụ thiết thực cho xây dựng và xử lý các kịch bản đàm phán.

Sau này, nhìn lại thời kỳ đó, tôi lại thấy thêm rằng việc hoàn thành kết quả đàm phán Hiệp định hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ cùng với các kiến thức và thực tiễn có được khi xây dựng Luật Thủy sản đã cải thiện đáng kể năng lực chuyên môn của Vụ Pháp chế cũng như năng lực pháp chế của không ít công chức ở Bộ Thủy sản lúc đó, rất hữu ích cho công tác.

Đằng trước vẫn còn những việc lớn phải lo thấu đáo

Đất nước ta đã trải qua giai đoạn tăng trưởng kinh tế ngoạn mục và có những bước tiến dài trong thương mại và thu hút đầu tư. Bộ mặt đất nước đã đổi thay khá lớn. Đó là thành công của đổi mới, đó là thắng lợi của nhiều năm hội nhập. Ngành Thủy sản đã gặt hái những thành công của mình nhờ vào đổi mới và hội nhập, và chính nó, cũng đóng góp cho thành quả đất nước do Đổi mới và hội nhập mang lại trong ba thập kỷ qua.

Tuy nhiên, có soi vào những thành công chung của đất nước, có đổi mới hơn nữa và hội nhập sâu hơn thủy sản mới thấy những khuyết khiếm của mình, mới thấy những khó khăn phía trước khi toan tính đến các mốc thời gian 2030 và 2045 như lộ trình được nêu ra trong các Nghị quyết Đại hội, các bản chiến lược tổng thể về kinh tế xã hội. Bài viết này đã khá dài nên ở đây tôi chỉ nêu vắn tắt vài điều bản thân đang còn lo lắng:

1. Nghị quyết Trung ương về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 đến nay đã được hơn 15 năm. Ngày 22 tháng 10 năm 2018, Trung ương Đảng khóa XII đã ra Nghị quyết số 36 NQ/TW về *Chiến lược Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* trên cơ sở tổng kết 10 năm triển khai bản Nghị quyết về chiến lược biển. Có nhiều nội dung mới trong bản Nghị quyết sau này, đặc biệt khi nêu đến phát triển bền vững kinh tế biển.

Tuy nhiên, nhìn vào tiêu đề của nó, chúng ta thấy còn thiếu một mảng lớn và quan trọng so với bản Nghị quyết về *Chiến lược biển* 11 năm trước. Hiện tại, những vấn đề chính trị quốc tế liên quan tới Biển Đông trở nên rất phức tạp và những tranh chấp nơi đây ngày một nhiều và có vẻ căng thẳng lên, trong đó có những sự kiện xảy ra mà chưa hề có trong tiền lệ. Sự biến động đó cần được xem xét nghiêm túc không những chỉ để nước ta luôn giữ được độc lập tự chủ, không bị lôi cuốn vào các dòng xoáy của các sự kiện, góp phần cho sự ổn định chính trị trong khu vực, cho cả phát triển kinh tế biển nói chung và nghề cá nói riêng.

Tôi hy vọng rằng Trung ương Đảng sớm có nghị quyết để bổ khuyết phần thiếu rất quan trọng này. Chúng ta không thể nói đến mục tiêu phát triển kinh tế biển đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 mà không có những khẳng định cần thiết về điều kiện địa chính trị quốc tế và khu vực liên quan.

Có như vậy nghề cá mới phát triển sản xuất, ngư dân mới yên ổn làm ăn, vừa sẵn sàng tham gia giữ nước như nhiều năm trước đây. Khi đó, nhân dân ta mới Làm chủ biển thực sự và thực hiện được cả hai vế của tinh thần *Làm chủ biển bạc* như lời Bác Hồ dạy.

2. Cùng với sự phát triển nhanh chóng của du lịch và kinh tế đô thị, với những đầu tư quy mô lớn của các tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước dọc tuyến ven biển, nhất là ở những nơi có khu công nghiệp tập trung thì cũng phát

sinh các nguy cơ cho các sự cố sinh thái biển, những sự đe dọa đến đa dạng sinh học biển và trực tiếp đến nguồn lợi thủy sản.

Trong thập kỷ qua, chúng ta đã chứng kiến hậu quả việc xả thải của Tập đoàn Formosa tại biển Bắc miền Trung; tranh cãi trong dư luận về việc đổ phế thải xây dựng các nhà máy nhiệt điện cạnh Khu bảo tồn Hòn Cau, Bình Thuận; gần đây là hiện tượng san hô chết hàng loạt ở Khu bảo tồn biển Hòn Mun, Khánh Hòa. Tôi cũng được nghe đến hiện tượng suy giảm nguồn lợi bào ngư nổi tiếng ở hòn đảo xa bờ Bạch Long Vĩ do những vi phạm về đa dạng sinh học biển quanh đảo...

Kinh tế biển và liên quan đến biển phát triển mạnh, nhưng năng lực quản lý biển yếu và không theo kịp với thực tiễn đang đổi thay về kinh tế xã hội. Tôi nghĩ rằng cần có sự thay đổi về tư duy, cung cách và cách tổ chức quản lý lĩnh vực này. Nó phải khác đi về cách tiếp cận.

Cơ quan quản lý biển và đại dương không thể hiểu biết không sâu về quản lý một ngành kinh tế biển, không biết đầy đủ về lao động biển, về xã hội biển đảo để làm công việc hoạch định và thực thi các chính sách phát triển kinh tế biển. Việc bảo vệ nguồn lợi với sử dụng và khai thác nguồn lợi thủy sản phải theo một chuỗi tư duy và nhất quán giữa khoa học với thực tiễn, làm cơ sở cho công việc xây dựng, quản lý các khu bảo tồn biển, khẳng định về ngư trường và kỹ năng khai thác gắn với tổ chức sản xuất trên biển và thực thi các quyền lực trong lĩnh vực quan trọng này, với tinh thần ngư dân là chủ thể..

3. Tôi muốn nhắc đến Nghị định 67 và tàu vỏ thép, sau 8 năm vẫn loay hoay với việc tìm lối ra, lại gặp khó lúc giá dầu lên như vừa qua. Không như tàu vỏ gỗ, sau 7-8 năm không ít con tàu vỏ thép lớn nằm bờ lâu đã hoen rỉ với những hình ảnh không vui, ngư dân nghĩ về chuyện trả nợ, ngân hàng nghĩ về việc đòi nợ... Nhắc đến “tàu 67” có người lại nghĩ đến “Tàu 393” của 25 năm về trước.

Trong cuốn *Lãng động và suy nghĩ*, tôi đã viết bài Chuyện tàu xa bờ xưa và nay. Bài ấy đã khá đầy đủ và căn kẽ viết về cái được, cái chưa được của “Tàu 393”. Dù cái chưa được là bài học quý cho về sau nhưng đã được nhìn thấu. Với “Tàu 393”, cái được bao trùm phải nhớ đến là sự kỹ càng trong chuẩn bị, tính bao quát trong xây dựng nội dung, tính khoa học để định rõ phạm trù xa bờ. Việc xác định các điều kiện để ngư dân vay, đóng/sắm tàu, nhận hỗ trợ kỹ thuật và trả nợ được bàn qua nhiều kỳ họp với phía ngân hàng. Thêm một chi tiết nữa tôi muốn nêu ra để thấy sự cần thiết có “Tàu 393”: giải quyết hậu quả của hiện tượng “Mua tàu trả chậm” đầu những năm 1990 là một ví dụ. Điều này tôi chưa bao giờ đề cập đến trong những bài viết những năm qua.

Quay lại tàu vỏ thép đóng theo Nghị định 67. Hình như không có đủ thời gian và điều kiện để toan tính về tàu vỏ thép trước khi bắt tay đầu tư. Thay đổi để có vật liệu mới đóng tàu nói chung và tàu vỏ thép nói riêng cho nghề cá truyền thống như ở ta có thể coi là một cuộc cách mạng kỹ thuật trong ngành cá biển nhưng thời gian dành cho nó thực quá ít.

Tại thời điểm ấy, trong dư luận xã hội rất bức xúc về sự kiện Giàn khoan HD 981 của Trung Quốc vào biển ta hạ đặt, và đó cũng là bối cảnh của chủ trương ưu đãi cho doanh nghiệp và ngư dân vay vốn đóng tàu. Từ chủ trương đến Nghị định Chính phủ chỉ trong khoảng thời gian ngắn. Điều đó thỏa mãn được tâm lý tức thời của xã hội nói chung mà không lường hết khó khăn khi triển khai và những chuyện nảy sinh trong quản lý sau này. Sửa đổi nhiều lần về thủ tục vay vốn và đóng tàu nhưng những vấn đề gay cấp vẫn nằm ngoài các nội dung sửa đổi.

Tôi nghĩ rằng Bộ Nông nghiệp và PTNT cần thiết có cái nhìn tổng thể các vấn đề đang gặp phải của Nghị định 67 những năm qua, một lần có biện pháp thay đổi thực sự để lật sang trang mới.

Có lúc tôi tự hỏi mình, tại sao trong quản lý thủy sản lại có thời gian để xảy ra tình trạng “nước đến chân mới nhảy”? Về tàu vỏ thép, chỉ khi cần kíp mới huy động chuyên gia, tập hợp các mẫu tàu để chuyên gia bình xét mà không có một đề án được xây dựng, được thử nghiệm rồi mở ra sản xuất; Lúc giá dầu hạ không lo tìm tòi các giải pháp kỹ thuật hay tổ chức sản xuất trên biển để tiết kiệm nhiên liệu, rồi khi dầu cao giá phải lo chuyện tàu nằm bờ.

Đây là trách nhiệm và là cái yếu của quản lý ngành, của cơ sở khoa học liên quan và của cả công tác quy hoạch và nghiên cứu kinh tế xã hội ngành. Không có sản phẩm “khỏe” khi bộ

máy sản sinh ra nó yếu và ít được quan tâm. Và cứ thế, cái yếu lại càng yếu đi.

4. Tôi xin đưa ra đây hai tấm hình buổi Chủ tịch nước Trần Đức Lương tiếp, nghe và nói chuyện với lao động nghề cá năm 2003. Lao động nghề cá rất xứng đáng được gặp Chủ tịch nước và Chủ tịch nước có quan tâm tới ngư dân mới nghe họ và chân tình cùng họ tháo gỡ khó khăn. Quan tâm cuộc sống và sản xuất của ngư dân. Các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và nhà nước cũng luôn đi sát giúp tháo gỡ khó khăn và chỉ đạo công việc của Bộ Thủy sản.



5. Câu chuyện cuối

Năm 1997 tôi có chuyến đi công tác Đan Mạch. Một trong các công việc tôi phải thực hiện trong chuyến đi đó là cùng bạn ký Hiệp định về Dự án Đan Mạch giúp Việt Nam nâng cấp năng lực các cơ sở chế biến thủy sản.

Người ký với tôi là bà Loj, Quốc vụ khanh Bộ Ngoại giao Đan Mạch. Đọc lại bản thảo lần cuối văn bản hiệp định bạn đưa ra tôi thấy trong phần mục tiêu dự án có việc khuyến khích Tư nhân hóa. Lúc này đối với ta vẫn còn chưa quen cụm từ này. Tôi đề nghị bà Loj bỏ cụm từ đó nhưng bà ấy không nghe. Tôi cứ giải thích, cứ ngồi lại Bộ Ngoại giao rồi bà Loj mang đề nghị của tôi thảo luận nội bộ của bạn. Cây cầu quay trên con lạch ngay sau trụ sở Bộ

Ngoại giao Đan Mạch ở Copenhagen cứ định kỳ mấy lần mở cho tàu qua rồi đóng lại để xe chạy về trung tâm thành phố, chúng tôi rất sốt ruột. Mỗi khi chiều đã rất muộn bà Quốc vụ khanh quay về và chiều lòng tôi bỏ cụm từ mà tôi đã không thích...

Đã phân tư thế kỷ qua đi. Doanh nghiệp tư nhân giờ đây đã là thế mạnh không thể thay thế của kinh tế Việt Nam. Tôi nghĩ đến cái ấu trĩ lúc đó mà buồn cười cho mình. Bây giờ lại khác, đã là lúc để thoát ra những việc như vậy nhưng về nghỉ rồi, có tuổi rồi, tôi lại dễ rơi vào những tình huống khó xử khác vì mình đang xa với cuộc sống xã hội sôi động phía bên ngoài, khó khăn để học thêm và nghiên cứu thêm, sự mai một trí nhớ...



Tại Bộ Ngoại giao Đan Mạch năm 1997. Ký xong rồi!

Vậy, nếu trong những trang viết trên có những gì các bạn chưa hiểu tôi, hoặc tôi có gì sai thì góp ý và đừng để tôi khó xử.

Viết thêm: Đã 15 năm tôi rời xa công việc, chia tay anh chị em cơ quan, tôi cảm ơn tất cả đồng nghiệp từng nhiều năm gắn bó, biết ơn những người anh đi trước đã trực tiếp hay gián tiếp lãnh đạo, dìu dắt tôi, để tôi học hỏi và trưởng thành từ một chuyên viên của Bộ. Tôi cũng dành lời tri ân đến những người làm việc gần gũi nhất với tôi khi tôi ở vị trí lãnh đạo ngành từ buổi đầu, thư ký của tôi: các anh Nguyễn Văn Nam (thời gian từ năm 1996 đến năm 2004) và Phạm Quang Toàn (thời gian từ năm 2004 đến năm 2007). Tôi có thể dùng mấy từ về họ: Trung thực, chu đáo, trách nhiệm và chuyên nghiệp.



Hà Nội ngày 29 tháng 7 năm 2022

Thanh Oai: Cơ hội phát triển làng nghề kết hợp mô hình du lịch giáo dục trải nghiệm

TS. Lê Thành Ý

Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam

Trong bối cảnh huyện Thanh Oai đang trong tiến trình chuyển đổi nông nghiệp và phát triển nông thôn để định hình một quận sinh thái của Thủ đô Hà Nội. Vấn đề phát triển du lịch làng nghề kết hợp với mô hình giáo dục trải nghiệm được giới nghiên cứu và các cơ quan quản lý quan tâm tìm hiểu.

Đây là vấn đề mới. Làng nghề thì rộng và du lịch nông thôn tuy là một loại hình phổ cập ở các nước châu Âu, song Việt Nam lại chưa xác định rõ về khía cạnh này.

Để tiện trao đổi, trước hết chúng ta cần thống nhất về khái niệm và cách nhìn về lịch sử phát triển của huyện Thanh Oai trong quá khứ và xu hướng tương lai để làm rõ vai trò của nông nghiệp nông thôn trong phát triển và từ đó cùng thống nhất phạm vi trao đổi.

Thuật ngữ làng nghề được hình thành trong quá trình phát triển hoạt động tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp, thương mại và dịch vụ trong xã hội nông thôn ở quy mô thôn bản (gọi chung là làng) trong thời gian phát triển hoạt động phi nông.

Làng nghề tạo ra bộ phận kinh tế ngày càng lớn theo sự mở rộng quy mô hoạt động, Đa dạng hoá làng nghề thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển theo hướng công nghiệp hoá và đô thị hoá, tạo sự giàu có và thịnh vượng ở nông thôn.



Làng miến, tương, tiểu hồ Cự Đà (Cự Khê)

Làng nghề thúc đẩy mạnh dịch chuyển lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, thương mại và dịch vụ mà người dân không phải rời bỏ nông thôn. Đây là vấn đề mang ý nghĩa lớn trong quá trình công nghiệp hoá đất nước.

Có 2 loại làng nghề (LN): LN truyền thống thường chỉ có một nghề tồn tại từ trên 50 năm. Làng tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hoá địa phương được truyền từ đời này qua đời khác; LN mới ra đời từ sự lan truyền của LN truyền thống hoặc du nhập từ nơi khác đến nhằm chuyển đổi cơ cấu kinh tế địa phương.

Trong quá trình phát triển hoạt động sản xuất nông nghiệp thường đan xen cùng ngành nghề, do người dân trong làng thực hiện và hình thành lớp nghề nhân hoặc thợ chế tác giỏi với những bí quyết riêng được lưu truyền từ đời này qua đời khác.

Trong quá trình phát triển, LN phụ thuộc vào điều kiện kinh tế như vốn, kết cấu hạ tầng, trình độ công nghệ, nguyên vật liệu, quy mô hoạt động...; truyền thống nghề nhân với thợ có tay nghề tạo sản phẩm độc đáo là những giá trị vô hình và chính sách định hướng, tạo thuận lợi cho sự hình thành và phát triển.

Đối với du lịch nông thôn (DLNT): Là hình thức đi về những vùng quê, tìm đến nơi yên tĩnh để nghỉ ngơi hoặc được thưởng thức những hương vị, bản sắc đặc trưng.

Những năm thuộc thập niên 1980, DLNT được xem là loại hình du lịch phổ biến ở các nước châu Âu. Ở các những quốc gia đang phát triển, người ta coi đó là công cụ tổ chức lại nông thôn, đa dạng hoá thu nhập nông nghiệp góp phần xoá đói giảm nghèo, bảo tồn bản sắc văn hoá truyền thống, phát huy sức mạnh cộng đồng và bảo vệ môi trường.

DLNT bao gồm du lịch tự nhiên, du lịch làng xã, du lịch nông nghiệp và văn hoá cộng đồng. Theo đó, du lịch tự nhiên là loại hình đưa du khách về những nơi có nhiều cảnh vật mang tính đặc thù để tìm hiểu về những điều mới lạ.

Trong DLNT du khách được tham quan và tham gia vào các hoạt động nông nghiệp truyền thống và thực hành nông nghiệp địa phương.

Phát triển DLNT sẽ góp phần tích cực vào bảo tồn di sản văn hoá thông qua những hình thức du lịch hướng về nguồn cội.

Du lịch là một hình thức xuất khẩu hàng hoá nông nghiệp tại chỗ, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, được xác định là hướng đi giúp xoá đói giảm nghèo và phát triển cộng đồng nông thôn bền vững.

Tham gia đa dạng hoá du lịch nông thôn giúp nâng cao hiệu quả giáo dục, huấn luyện và tăng cường kỹ năng cộng đồng trong phát triển nông nghiệp sinh thái. Phát triển DLNT là giải pháp căn cơ để nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp và thu nhập cho cư dân, đảm bảo tính công bằng và phát huy tối đa nội lực của mỗi địa phương.

DLNT là một xu hướng phát triển bền vững trên thế giới, ở nước ta đã có nhiều mô hình thành công mang lại hiệu quả kinh tế xã hội thiết thực. Phát triển DLNT gắn với phát triển sản phẩm OCOP góp phần thực hiện hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là việc rất cần làm

Thanh Oai là một huyện ở phía Nam Hà Nội, cách trung tâm thành phố 15 km, có vị trí địa lý phía Đông giáp huyện Thường Tín; Tây giáp huyện Chương Mỹ; Nam là huyện Ứng Hòa và huyện Phú Xuyên; phía Bắc giáp quận Hà Đông và huyện Thanh Trì. Huyện có diện tích tự nhiên 142,31km² và Dân số trên 185.400 người với 13% theo đạo Thiên Chúa.

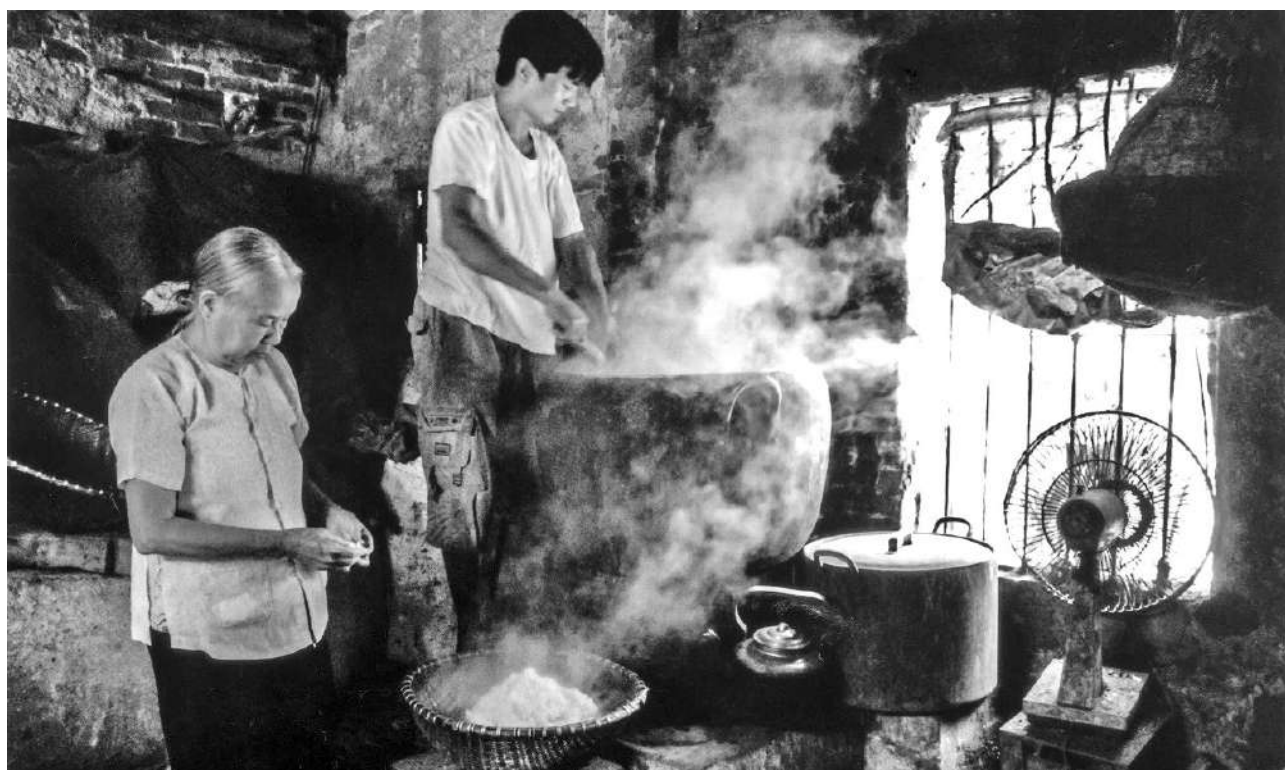
Từ thời đại Hùng Vương, Thanh Oai đã là trung tâm của nhà nước Văn Lang (Kinh đô của các vua Hùng). Vào triều vua Lý Cao Tông (1176 - 1210), năm 1207 địa hương Thanh Oai được đổi là huyện Thanh Oai. Năm 1831, vua Minh Mạng lập tỉnh Hà Nội. Huyện Thanh Oai lúc đó thuộc phủ Ứng Hòa của tỉnh Hà Nội. Năm 1888, người Pháp lập tỉnh Hà Đông, khi đó Thanh Oai thuộc Hà Đông.

Qua nhiều thay đổi, đến ngày 21 tháng 4 năm 1965, tỉnh Hà Tây được thành lập theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Theo đó, huyện Thanh Oai thuộc tỉnh Hà Tây gồm 26 xã (Bích Hòa, Biên Giang, Bình Minh, Cao Dương, Cao Viên, Cự Khê, Dân Hòa, Đỗ Động, Đồng

Mai, Hồng Dương, Hữu Hòa, Kiến Hưng, Kim An, Kim Thư, Liên Châu, Mỹ Hưng, Phú Lãm, Phú Lương, Phương Trung, Tam Hưng, Tân Ước, Thanh Cao, Thanh Mai, Thanh Thùy, Thanh Văn, Xuân Dương).

Theo Nghị quyết Kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XII (ngày 29 tháng 5 năm 2008), từ ngày 1 tháng 8 năm 2008, tỉnh Hà Tây giải thể. Theo

đó, huyện Thanh Oai thuộc thành phố Hà Nội; toàn Huyện có 21 đơn vị hành chính cấp xã bao gồm thị trấn Kim Bài (huyện lỵ) và 20 xã (Bích Hòa, Bình Minh, Cao Dương, Cao Viên, Cự Khê, Dân Hòa, Đỗ Động, Hồng Dương, Kim An, Kim Thư, Liên Châu, Mỹ Hưng, Phương Trung, Tam Hưng, Tân Ước, Thanh Cao, Thanh Mai, Thanh Thùy, Thanh Văn, Xuân Dương) tồn tại cho đến ngày nay.



Giò, chả, bánh, tẩm hương Hồng Dương

Cùng với đà phát triển đi lên của Thủ đô, Thanh Oai đã có nhiều đổi khác phía Bắc và Đông Bắc huyện đã trở thành những khu công nghiệp và đô thị mới, các trục lộ giao thông lớn đã hình thành mạng liên kết công thương nghiệp thuận lợi. Quốc lộ 21B là huyết mạch giao thông của huyện, từ Hà Đông đi chùa Hương, đến Hà Nam, qua thị trấn Kim Bài và nhiều khu dân cư; Đường trục phía Nam Hà Nội xuyên qua huyện đã được nâng cấp thành Quốc lộ 21C. Ngoài ra còn có tỉnh lộ 71 nay là tỉnh lộ 427 và tuyến đường sắt vành đai phía Tây Hà Nội chạy qua phía Đông Bắc để tới ga Văn Điển. Nhiều làng quê đã trở thành phố thị và đặc biệt nhiều xưởng sản xuất

công nghiệp dân doanh đã mọc lên trong khắp các làng xóm ven đô.

Đến nay, vùng đất trăm nghề Thanh Oai đã có rất nhiều làng nghề truyền thống và làng nghề mới được mở rộng như: nón Chuông và cả xã Phương Trung; Làm quạt giấy, lồng chim, quang gánh, đèn kéo quân, chế biến gỗ ở Canh Hoạch (Dân Hòa); Làng nghề điêu khắc gỗ Dư Dụ (Thanh Thùy); Làng nghề tạc tượng Vũ Lăng (Dân Hòa); Làng nghề bún Kỳ Thủy (Bích Hòa); Làng nghề chế biến gỗ Tiên Lữ (Dân Hòa); Làng nghề cơ khí Gia Vĩnh, Rùa Thượng, Dụ Tiên và Từ Am thuộc xã Thanh Thùy); Nghề làm nón ở Cao Dương; pháo Bình Đà; Giết mổ gia súc tại xã

Bình Minh; làng trứng gia cầm Châu Mai (Liên Châu); Làng nghề giò chả Ước Lễ; làm mũ, nón lá ở xã Tân Ước; Làng nghề mây tre đan thôn Mùi (Bích Hòa) Làng miến, tương, tiêu hủ Cự Đà (Cự Khê); Trồng lá dong Tràng Cát (Kim An); Làng nghề bún Thanh Lương (Bích Hòa); Giò, chả, bánh, tằm hương Hồng Dương; Chế biến lương thực Nga My Thượng (Thanh Mai); Làng nghề thêu ren ở Cao Mật (Thanh Cao); Nón Động Giã (Đỗ Động); Làng nghề vòng nón Đôn Thụ (Kim Thụ); Nghề khâu bóng thể thao ở Tam Hưng; Làng mộc truyền thống Áng Pháo (Cao Dương); Giò chả, thực phẩm Hoàng Trung (Hồng Dương)...

Danh sách chưa kiệt kê được hết, song có điều chắc chắn là hương sắc làng nghề là phần không thể thiếu được khi bàn về đất trăm nghề Thanh Oai.

Đến Thanh Oai vào bất cứ xã nào, người ta đều cảm nhận được không khí sôi động của các làng nghề. Sự phát triển làng nghề đã góp phần cải thiện sinh kế người dân, làm kinh tế xã hội của địa phương ngày một phồn vinh và xa hơn nó còn góp phần bảo tồn những di sản văn hoá truyền thống quê hương.

Có lẽ rằng nhiều nơi cần phát triển mở rộng làng nghề như ở Thanh Oai, nhưng phần đông các làng nghề còn gắn với với sản xuất quy mô nhỏ của nền sản xuất nông nghiệp truyền thống. Trong xu thế phát triển công nghệ hiện nay, để phát triển nông thôn bền vững và đáp ứng nhu cầu mở mang đô thị, rất cần mở mang làng nghề theo hướng áp dụng công nghệ thông tin và công nghệ số.

Trao đổi về mảng du lịch nông thôn, có dịp điền dã về những vùng quê ven sông Đáy, sông Nhuệ chúng tôi nhận thấy, hiếm có nơi nào lại giàu di tích lịch sử và danh thắng như miền đất này với rất nhiều Đình, chùa, đền, miếu được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia.

Thanh Oai có nhiều di tích người xưa để lại với những hiện vật và nhiều câu chuyện đang được lưu truyền, nếu được khai thác và sử dụng hợp lý đây sẽ là nguồn tư liệu du lịch giáo dục truyền thống cội nguồn vô cùng quý giá đối với Thủ đô.

Thanh Oai đang biến đổi từng ngày trước sức lan toả của Công nghiệp hoá và Đô thị hoá. Nhiều trung tâm mới mọc lên đã làm thay đổi bộ mặt nông thôn khiến người mới đến đang rất ngỡ ngàng.

Không gian nông nghiệp đô thị là một hệ thống liên hoàn từ ngoại vi với cảnh quan nông nghiệp trù phú đến những phố thị hiện đại ở trung tâm đang được thể hiện cụ thể trên đất Thanh Oai. Phát triển mô hình không gian nông nghiệp gắn với công trình kiến trúc để hình thành mô hình công trình công nông nghiệp đô thị thông minh đang là vấn đề cấp bách đặt ra.

Vành đai 4 xuyên qua Thanh Oai đã có quyết định khởi công, nhiều trung tâm đô thị và khu công nghiệp dịch vụ đã được xây dựng. Với vai trò cửa ngõ phía Nam, Thanh Oai sẽ trở thành trung tâm chung chuyển hàng hoá và dịch vụ lớn cho khu vực nội đô. Nhu cầu cuộc sống đang đặt ra những yêu cầu to lớn đối với lương thực thực phẩm chế biến và hàng tiêu dùng trong các làng nghề và vui chơi giải trí trong các hoạt động du lịch giáo dục trải nghiệm.

Ngoài việc xây dựng những mô hình chuyên canh cây trồng vật nuôi kết hợp du lịch sinh thái như hoa cây cảnh, rau củ quả, lương thực thực phẩm, chăn nuôi gia súc gia cầm dựa trên lợi thế sẵn có; rất cần mở mang những làng nghề chuyên sâu áp dụng những công nghệ mới để sản xuất những mặt hàng tinh xảo với chất lượng cao để phục vụ nhu cầu đô thị. Đô thị hoá phát triển cùng với yêu cầu nội thị tăng cao, nhu cầu hàng tiêu dùng, nhất là sản phẩm OCOP và giao thương nông sản hàng hoá được dự báo gia tăng lớn sẽ là thuận lợi lớn để mở mang làng nghề trong khu vực nông thôn.

Cách trung tâm Thủ đô không xa với hệ thống đường giao thông thuận lợi nối liền với các làng ven đô, mở mang các làng sinh thái kết hợp cùng du lịch trải nghiệm, tâm linh và giáo dục cội nguồn là một thế mạnh có thể phát huy. Các làng ven sông với hệ thống đình chùa đền miếu gắn liền với nhiều chứng tích cổ xưa và phong cảnh đẹp đều có thể trở thành những địa danh du lịch cần đến để hiểu về di tích cội nguồn./

Thanh Oai - Hà Nội: Hướng phát triển Nông nghiệp đô thị sinh thái!

Xuân Nguyễn

Sáng ngày 15/8, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Thanh Oai tổ chức Hội nghị thông tin chuyên đề và tọa đàm chuyển đổi Nông nghiệp Đô thị sinh thái trên địa bàn huyện hướng đến là quận sinh thái. Hội nghị được tổ chức theo hình thức trực tiếp và trực tuyến với hơn 20 điểm cầu kết nối tới tất cả các xã trên địa bàn huyện.



Toàn cảnh hội nghị hướng phát triển Nông nghiệp đô thị sinh thái

Tham dự Hội nghị có PGS.TS Đào Thế Anh, Phó giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Phó chủ tịch Thường trực Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam; TS. Tạ Văn Tường, Phó giám đốc Sở NN&PTNT Hà Nội; TS. Lê Thành Ý, Phó Tổng biên tập Tạp chí Khoa học Phát triển Nông Việt Nam; TS. Hoàng Xuân Trường, Phó giám đốc Trung tâm Nghiên cứu phát triển hệ thống Nông nghiệp; Ông Bùi Hoàng Phan – Bí thư Huyện ủy; Ông Nguyễn Nguyên Hùng – Phó bí thư TT Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện.

Hội nghị nhằm cung cấp thông tin chuyên

đề về chuyển đổi, phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp đô thị sinh thái gắn với phát triển kinh tế du lịch trên địa bàn huyện Thanh Oai.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Bí thư Huyện ủy Thanh Oai Bùi Hoàng Phan đã nhận mạnh những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của huyện trong thời gian tới với mục tiêu trở thành quận sinh thái.

Theo đó, Thanh Oai là huyện ven đô, nằm ở phía Tây Nam, được quy hoạch là vành đai xanh của thủ đô Hà Nội. Về địa hình, Thanh Oai



*Ông Bùi Hoàng Phan
Bí thư Huyện ủy Thanh Oai - Hà Nội*

trải dài từ Bắc xuống Nam với 3 trục đường giao thông chính: Quốc lộ 21 B qua trung tâm giữa huyện; trục đề tả Đáy ở phía Tây huyện và Trục đường phát triển phía Nam; trong thời gian tới sẽ có đường vành đai 4. Đây là điều kiện thuận lợi cho giao thương và phát triển kinh tế của huyện.

Theo Bí thư huyện ủy Thanh Oai, với mục tiêu chung là phát triển kinh tế bền vững, xây dựng huyện giàu đẹp văn minh, gắn với phát triển đô thị sinh thái ven đô, có nền nông nghiệp hiện đại, làng nghề phát triển gắn với du lịch.

Phát huy những kết quả đạt được trong thời gian qua, huyện Thanh Oai tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình số 04-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội và Chương trình số 02 của Huyện ủy về “Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025”. Triển khai kế hoạch 73/KH-UBND ngày 4/3/2022 của UBND thành phố Hà Nội về “Phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025”.

“Xác định chuyển đổi nông nghiệp đô thị sinh thái hướng đến xây dựng nông thôn mới nâng cao đi vào chiều sâu là một nhiệm vụ quan trọng, mang tính chiến lược của huyện cần phải có lộ trình, giải pháp cụ thể. Với ý nghĩa đó, Hội nghị thông tin chuyên đề và tọa đàm “Chuyển đổi nông nghiệp đô thị sinh thái” là rất quan trọng và cần thiết”, ông Bùi Hoàng Phan nhấn mạnh.

Tại Hội nghị, PGS.TS Đào Thế Anh, Phó giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Phó chủ tịch Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam đã chia sẻ chuyên đề: “Chuyển đổi nông nghiệp đô thị sinh thái trên địa bàn huyện Thanh Oai - Những vấn đề đặt ra”.

PGS. TS Đào Thế Anh khẳng định, phát triển nông nghiệp đô thị sinh thái là mục tiêu mà nhiều quốc gia hướng đến cho một tương lai bền vững. Thành phố Hà Nội nói chung, huyện Thanh Oai nói riêng hội đủ các điều kiện để phát triển theo tiêu chí đô thị xanh, đô thị sinh thái nhờ diện tích cây xanh, mặt nước lớn, số lượng di tích nhiều. Với những chính sách thiết thực cho phát triển kinh tế tập thể, HTX, Hà Nội đang dần hình thành hệ sinh thái đa dạng và kiến tạo vành đai xanh ven đô trên hành trình xây dựng đô thị phát triển bền vững.



*PGS.TS Đào Thế Anh, Phó giám đốc Viện Khoa học
Nông nghiệp Việt Nam, Phó chủ tịch Thường trực
Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam*

“Để chuyển đổi nông nghiệp đô thị sinh thái trên địa bàn huyện Thanh Oai, huyện cần triển khai có hiệu quả các chính sách có liên quan của Trung ương và Hà Nội để hình thành các HTX kiểu mới hoạt động có hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp. Trong đó, chú trọng hỗ trợ từ giống, đầu tư hạ tầng và thiết bị công nghệ cao đến việc xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu. Đặc biệt là xây dựng chuỗi liên kết giá trị từ sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói đến tiêu thụ sản phẩm...Đồng thời, Thanh Oai đẩy mạnh chuyển đổi số, phát huy thế mạnh mảnh đất trăm

nghề, nơi có nhiều di tích lịch sử để phát triển các sản phẩm chủ lực; phát triển các mô hình du lịch trải nghiệm; hướng tới phát triển nông nghiệp thông minh, công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, đồng thời xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn...”, PGS. TS Đào Thế Anh nhấn mạnh.

TS. Tạ Văn Tường, Phó Giám đốc Sở NN&PTNT Hà Nội đã dành thời gian phân tích chuyên đề: “Tập trung ruộng đất, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị theo hướng hiệu quả bền vững”. Đây là vấn đề thu hút sự quan tâm của cơ sở.

Theo Phó Giám đốc Sở NN&PTNT Hà Nội cho biết, tốc độ đô thị hóa của Hà Nội nói chung, huyện Thanh Oai nói riêng đang ngày càng tăng nhanh, đồng nghĩa với việc diện tích đất nông nghiệp đang dần bị thu hẹp. Trong khi đó, nhu cầu sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là nông sản sạch của người dân ngày càng tăng cao. Do vậy, phát triển nông nghiệp sạch công nghệ cao, bền vững là xu hướng phát triển tất yếu của nông nghiệp đô thị ven đô trong tương lai.



*TS. Tạ Văn Tường
Phó giám đốc Sở NN&PTNT Hà Nội*

Từ thực tế đó, theo Phó Giám đốc Sở NN&PTNT Hà Nội đã đặt ra yêu cầu phải chuyển đổi quy mô, phương thức tập trung ruộng đất đủ lớn để có thể đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, thu hút các nguồn lực xã hội để đầu tư những cánh đồng mẫu lớn sản xuất ra những sản phẩm nông nghiệp hàng hóa

có tính cạnh tranh cao. Và phải được tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị một cách hiệu quả để nâng cao giá trị nông nghiệp gắn với phát triển bền vững, khắc phục được những bất cập trong tiêu thụ nông sản.

“Với những tiềm năng và lợi thế của huyện Thanh Oai, bên cạnh việc phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị sinh thái như các nhà khoa học đã chia sẻ tại Hội nghị, Thanh Oai cần hướng đến phát triển du lịch nông thôn, nông nghiệp trải nghiệm, nông nghiệp chăm sóc sức khỏe và nghỉ dưỡng. Ở đó những cánh đồng ven sông được tổ chức thành những làng sinh thái, công viên nghỉ dưỡng kết hợp với canh tác nông nghiệp đô thị. Phát huy những giá trị văn hóa, văn hiến lâu đời, cùng với hệ thống làng nghề phong Phú và vị trí đặc địa nơi hợp giao của những trục phát triển năng động quanh nội đô, Thanh Oai hoàn toàn có thể trở thành quận sinh thái trong tương lai”, TS. Tạ Văn Tường nhấn mạnh.

Đáng chú ý tại Hội nghị, TS. Lê Thành Ý, Phó Tổng biên tập Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam đã dành thời gian phân tích chuyên đề: “Phát triển nông nghiệp làng nghề kết hợp du lịch giáo dục trải nghiệm”.

Theo Phó Tổng biên tập Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam, huyện Thanh Oai Thanh Oai đang biến đổi từng ngày trước sức lan toả của Công nghiệp hoá và Đô thị hoá. Nhiều trung tâm mới mọc lên đã làm thay đổi bộ mặt nông thôn khiến người mới đến đang rất ngỡ ngàng. Không gian nông nghiệp đô thị là một hệ thống liên hoàn từ ngoại vi với cảnh quan nông nghiệp trừ phú đến những phố thị hiện đại ở trung tâm đang được thể hiện cụ thể trên đất Thanh Oai. Phát triển mô hình không gian nông nghiệp gắn với công trình kiến trúc để hình thành mô hình công trình công nông nghiệp đô thị thông minh đang là vấn đề cấp bách đặt ra.

TS. Lê Thành Ý phân tích, vành đai 4 xuyên qua Thanh Oai đã có quyết định khởi công, nhiều trung tâm đô thị và khu công nghiệp dịch vụ đã được xây dựng. Với vai trò cửa ngõ phía Nam, Thanh Oai sẽ trở thành trung tâm chung chuyển hàng hóa và dịch vụ lớn cho khu vực nội đô. Nhu

câu cuộc sống đang đặt ra những yêu cầu to lớn đối với lương thực thực phẩm chế biến và hàng tiêu dùng trong các làng nghề và vui chơi giải trí trong các hoạt động du lịch giáo dục trải nghiệm.



TS Lê Thành Ý, Phó Tổng biên tập Tạp chí Khoa học Phát triển Nông Việt Nam

Ngoài việc xây dựng những mô hình chuyên canh cây trồng vật nuôi kết hợp du lịch sinh thái như hoa cây cảnh, rau củ quả, lương

thực thực phẩm, chăn nuôi gia súc gia cầm dựa trên lợi thế sẵn có; rất cần mở mang những làng nghề chuyên sâu áp dụng những công nghệ mới để sản xuất những mặt hàng tinh xảo với chất lượng cao để phục vụ nhu cầu đô thị. Đô thị hoá phát triển cùng với yêu cầu nội thị tăng cao, nhu cầu hàng tiêu dùng, nhất là sản phẩm OCOP và giao thương nông sản hàng hoá được dự báo gia tăng lớn sẽ là thuận lợi lớn để mở mang làng nghề trong khu vực nông thôn.

“Cách trung tâm Thủ đô không xa với hệ thống đường giao thông thuận lợi nối liền với các làng ven đô, mở mang các làng sinh thái kết hợp cùng du lịch trải nghiệm, tâm linh và giáo dục cội nguồn là một thể mạnh có thể phát huy. Các làng ven sông với hệ thống đình chùa đền miếu gắn liền với nhiều chứng tích cổ xưa và phong cảnh đẹp đều có thể trở thành những địa danh du lịch cần đến để hiểu về di tích cội nguồn”, TS. Lê Thành Ý chia sẻ.



Tại Hội nghị các đại biểu đã trao đổi nhiều vấn đề liên quan đến triển vọng phát triển nông nghiệp đô thị

Báo cáo tại Hội nghị cho thấy, đến nay huyện Thanh Oai có tổng diện tích đất tự nhiên là 12.440ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp 8.356 ha; có 46/51 làng nghề truyền thống đã được công nhận đang duy trì hoạt động và phát triển tập trung. Hiện có 57 sản phẩm làng nghề, sản phẩm đặc trưng của huyện đã được đánh giá, xếp hạng OCOP, trong đó có 52 sản phẩm 4 sao và 5 sản phẩm đạt 3 sao. Kinh tế chủ yếu là nông nghiệp và một số ngành nghề thủ công truyền thống. Trong 6 tháng đầu năm, với tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 934 tỷ đồng, đạt 50,1 % kế hoạch (tăng 1,1% so với năm 2021). Trong đó, giá trị sản xuất của ngành trồng trọt ước đạt 386,7 tỷ đồng; giá trị sản xuất chăn nuôi, thủy sản ước đạt 498 tỷ đồng.

Huyện cũng đã hình thành các vùng sản xuất tập trung, gồm: Vùng sản xuất lúa diện tích 6.453 ha, vùng trồng cây ăn quả 300 ha; vùng trồng rau an toàn hơn 100 ha; vùng nuôi trồng thủy sản 300 ha phát triển theo hướng VietGAP và hữu cơ. Triển khai có hiệu quả một số mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như: Trồng rau hữu cơ an toàn ứng dụng công nghệ cao 11,7 ha; trồng hoa Lan nhân cây mô 4.500 m²; trồng dưa lưới và táo VietGap 5.300m². Cùng với đó, tiếp tục phát triển các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp như: Chuỗi thịt lợn A-Z của hợp tác xã Hoàng Long, chuỗi gạo thơm Bối Khê, chuỗi trứng vịt Liên Châu.

Bên cạnh những thành quả đạt được, phát triển nông nghiệp của huyện Thanh Oai chưa thực sự khai thác hết tiềm năng lợi thế của huyện. Mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa nhiều; quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ và vốn đầu tư khá khiêm tốn: Tình trạng

ô nhiễm môi trường, nguồn nước ở một số địa phương vẫn còn tồn tại nên ảnh hưởng lớn đến chuyển đổi nông nghiệp đô thị sinh thái; Tập quán và tư duy sản xuất quy mô nhỏ ở một số nơi dẫn đến khó khăn trong việc gom dồn đổi ruộng để xây dựng mô hình sản xuất tập trung. Một số nơi tình trạng bỏ ruộng không gieo cấy, gây lãng phí đất sản xuất tại một số xã có chiều hướng gia tăng; Nông sản sản xuất ra chủ yếu là bán thô nên chất lượng, giá trị sản phẩm cung cấp ra thị trường chưa cao; việc liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế. Nhận thức về việc phát triển kinh tế tập thể, HTX, trang trại ở một số đơn vị chưa đầy đủ. Việc phát triển nghề và các làng nghề một số nơi còn mang tính tự phát, quy mô nhỏ lẻ, việc quảng bá sản phẩm còn hạn chế. Nguyên nhân chính của những hạn chế nêu trên là việc phát triển các mô hình chưa gắn với quy hoạch nông thôn và việc điều chỉnh quy hoạch cũng còn nhiều vướng mắc. Mặt khác, tốc độ đô thị hóa nhanh, diện tích nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, khó khăn trong việc tích tụ ruộng đất để áp dụng cơ giới hóa và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để xây dựng nền sản xuất tập trung...

Trên tinh thần cởi mở, chia sẻ, lắng nghe, cầu thị, những ý kiến thẳng thắn, chân thực từ góc nhìn của các chuyên gia, nhà khoa học, cùng với những ý kiến của các đại biểu trao đổi các vấn đề khó khăn, vướng mắc, những kiến nghị, đề xuất và hiến kế nhằm đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, xây dựng và phát triển nhiều mô hình nông nghiệp sạch, chất lượng cao, trên cơ sở lĩnh hội các ý kiến đóng góp để xây dựng Thanh Oai trở thành vùng nông nghiệp sinh thái của Thủ đô.



Công nghiệp nông thôn đổi thay nhờ trợ lực của chính sách khuyến công

Xuân Trường

Công nghiệp nông thôn (CNNT) chiếm vị trí quan trọng trong cơ cấu của nền kinh tế. Do vậy, phát triển CNNT không chỉ trực tiếp góp phần phát triển ngành công nghiệp nói chung mà còn tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập của người dân ở khu vực nông thôn từ đó kéo theo dịch vụ phát triển, giảm bớt sự chênh lệch về phát triển kinh tế - xã hội giữa thành thị và nông thôn, giữa các địa phương, góp phần tích cực vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, tăng thêm lượng hàng hóa và gia tăng tốc độ phát triển của nền kinh tế.



Thấy rõ vai trò của CNNT, Đảng ta đã đề ra các chủ trương về phát triển công nghiệp ở khu vực nông thôn: Nghị quyết số 15-NQ/TW Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương khóa IX về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 – 2010; Nghị quyết số 26-NQ/TW Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn... Thể chế hóa chủ trương, đường

lối của Đảng, xuất phát từ nhu cầu đòi hỏi của thực tiễn ngày 09 tháng 6 năm 2004, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 134/2004/NĐ-CP về khuyến khích phát triển CNNT và tiếp đó là Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 về khuyến công với các mục tiêu cơ bản: Phát triển CNNT nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tạo điều kiện cho các cơ sở CNNT thuận lợi trong tiếp cận

các cơ hội phát triển, nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần xây dựng nông thôn mới.

Ngay khi các chính sách khuyến công được ban hành, được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, sự ủng hộ của các Bộ, ban ngành, UBND các tỉnh, thành phố, hoạt động khuyến công đã được tổ chức triển khai thực hiện một cách đồng bộ và có hệ thống từ Trung ương đến địa phương. Hoạt động khuyến công cả nước đã tích cực hướng các nội dung hoạt động vào góp phần thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, tháo gỡ các khó khăn cho các cơ sở CNNT và góp phần thúc đẩy kinh tế trong nước phát triển.

Chỉ tính trong giai đoạn 2014 -2020, thực hiện Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020 theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, đã tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề cho hơn 18.000 lao động nông thôn, tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo trung bình đạt trên 90%. Hỗ trợ đào tạo khởi sự doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản lý, điều hành sản xuất cho gần 14.000 học viên.... Hỗ trợ tổ chức 12 cuộc bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp khu vực và 03 cuộc bình chọn cấp quốc gia. Tôn vinh 950 sản phẩm cấp khu vực và 312 sản phẩm cấp quốc gia có chất lượng, có tiềm năng phát triển sản xuất. Hỗ trợ phát triển 57 cụm công nghiệp cho các nội dung về lập quy hoạch chi tiết và đầu tư hạ tầng tạo mặt bằng thu hút sản xuất kinh doanh. Tổ chức 18 đoàn công tác học tập nghiên cứu chính sách phát triển công nghiệp địa phương tại nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Đặc biệt, dù nguồn kinh phí hỗ trợ không nhiều so với tổng mức đầu tư của các doanh nghiệp, cơ sở CNNT nhưng chương trình khuyến công đã phát huy tốt vai trò là nguồn “vốn mồi”, khuyến khích các cơ sở sản xuất mạnh dạn đầu tư vốn đối ứng, đổi mới máy móc, thiết bị, công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh... Trung bình cứ 01 đồng vốn từ ngân sách nhà nước thu hút được

khoảng 5,2 đồng vốn đầu tư của cơ sở CNNT. Đây là con số đáng ghi nhận về hiệu quả đầu tư của chương trình, nhất là ở các nội dung hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.

Việc triển khai hiệu quả chính sách khuyến công đã động viên và huy động được các nguồn lực trong nước tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa CNNT, xây dựng nông thôn mới. Các nội dung của hoạt động khuyến công đã giúp các cơ sở CNNT có hướng đầu tư đúng, nâng cao năng lực quản lý, mở rộng sản xuất - kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường; cơ cấu kinh tế tại khu vực nông thôn có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, phát huy tiềm năng lợi thế của địa phương; tạo điều kiện cho các cơ sở CNNT nâng cao năng lực cạnh tranh, đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững. Hoạt động khuyến công nhất là hoạt động xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, hoạt động đào tạo nghề gắn với nhu cầu doanh nghiệp... đã góp phần gia tăng giá trị sản xuất CNNT, tạo việc làm cho lao động nông thôn đặc biệt ở những vùng kinh tế khó khăn. Đến nay, nhận thức của các cấp, các ngành, các địa phương và của cộng đồng doanh nghiệp về vai trò, vị trí hoạt động khuyến công đã ngày càng được nâng cao. Hoạt động khuyến công đã góp phần tích cực tham gia thực hiện các chính sách, giải pháp của Đảng, Nhà nước về phát triển công nghiệp khu vực nông thôn.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là nội dung quan trọng được Đảng ta quyết liệt chỉ đạo triển khai trong những năm qua nhằm sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định sự quyết tâm

triển khai mạnh mẽ nội dung này trong những năm tới.

Do đó, để tiếp tục phát huy hiệu quả từ các hoạt động khuyến công trong phát triển kinh tế khu vực nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 hoạt động khuyến công quyết liệt triển khai các nội dung theo Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 với các mục tiêu: Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; khuyến khích chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, sản xuất sạch hơn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, bảo vệ môi trường và sức khỏe con người, hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững; thúc đẩy hoạt động kết nối giao thương các sản phẩm CNNT và hình thành các sản phẩm, nhóm sản phẩm có sức cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu; tăng tỷ trọng chế biến sâu, chế biến tinh trong các sản phẩm công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, gia tăng giá trị và nâng hàm lượng công nghệ cao trong các sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Trên cơ sở đánh giá kết quả sau gần 15 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, tại Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng

khoá XIII đã ban hành Nghị quyết số 19-NQ về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030 tầm nhìn tới 2045 trong đó có nhấn mạnh đến việc: “Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn; Xây dựng và tổ chức triển khai hiệu quả các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ. Phát triển toàn diện, đồng bộ kinh tế nông thôn với cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hợp lý, dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo. Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghiệp, dịch vụ, hình thành mạng lưới lưu thông, bảo quản, chế biến, logistics, thương mại điện tử ở nông thôn; Phát triển mạnh công nghiệp ở nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ nông nghiệp. Đầu tư phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề phù hợp với quy hoạch và điều kiện cụ thể tại địa phương; tạo môi trường kinh doanh thuận lợi thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hình thành các doanh nghiệp có quy mô lớn sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho lao động Thúc đẩy CNNT phát triển là cả một quá trình dài, để thực hiện hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đòi hỏi nhiều nỗ lực, quyết tâm của các địa phương, ban ngành và sự chung tay của cả cộng đồng trong triển khai hoạt động khuyến công.



Chuyển đổi số giải phóng tiềm năng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn bền vững

Trang Viên – Vân Thanh

Để tiếp tục đẩy mạnh công cuộc chuyển đổi số, ngày 19/8/2022, Bộ NN&PTNT tổ chức Lễ phát động Chuyển đổi số Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, triển khai Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp và quản lý mã số vùng trồng. Tại buổi lễ, các đại biểu đã khẳng định những lợi ích thiết thực của chuyển đổi số, đề xuất các giải pháp, bước đi và lộ trình thực hiện hiệu quả để chuyển đổi số là cuộc cách mạng thay đổi toàn diện nền nông nghiệp và phát triển nông thôn nước ta.



Lễ phát động chuyển đổi số Nông nghiệp

Chuyển đổi số trong nông nghiệp được hiểu theo nghĩa chung nhất là quá trình tích hợp và ứng dụng công nghệ số (dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật...) vào toàn bộ hoạt động của ngành, làm thay đổi cách thức quản lý, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm từ truyền thống sang hiện đại và thông minh.

Những lợi ích thiết thực

Lợi ích của chuyển đổi số giúp ngành nông

ng nghiệp giảm thiểu rủi ro, thiệt hại do biến đổi khí hậu. Nông nghiệp là ngành phụ thuộc nhiều vào thời tiết, khí hậu. Việt Nam là một trong năm quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu. Với sự gia tăng nhiệt độ và thời tiết cực đoan đã và đang tác động trực tiếp đến tất cả lĩnh vực ngành nông nghiệp, như: giảm diện tích đất, giảm lưu lượng nước ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp; gia tăng cường độ các cơn bão, nước biển dâng và dịch bệnh; giảm đa dạng sinh học ... Hệ

quả tất yếu là làm giảm năng suất, chất lượng, thậm chí thất thu trong nông nghiệp.

Đặc biệt, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ AI (trí tuệ nhân tạo), Data Analytics (phân tích dữ liệu) vào quản lý rủi ro sẽ giúp cảnh báo sớm, từ đó, các cấp, ngành, người nông dân sẽ có biện pháp ứng phó kịp thời, hạn chế được rủi ro do biến đổi khí hậu, sản xuất nông nghiệp hiệu quả và bền vững hơn.

Đồng thời, chuyển đổi số giúp ngành nông nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ sinh học đã giúp phân tích dữ liệu về môi trường, các loại đất, cây trồng, các giai đoạn sinh trưởng của cây. Dựa trên những dữ liệu được cung cấp, người sản xuất sẽ đưa ra những quyết định phù hợp (bón phân, tưới nước, phun thuốc bảo vệ thực vật, thu hoạch ...), nhờ đó, giảm được chi phí, giảm ô nhiễm nguồn nước và đất đai, bảo vệ được sự đa dạng sinh học. Các thống kê cho thấy, ứng dụng công nghệ số vào sản xuất nông nghiệp đã giảm được 1/2 chi phí và công lao động, giảm 50% khí thải nhà kính, tăng năng suất lên 30%, nhờ đó, tăng thu nhập cho nông dân.

Việc tích hợp và ứng dụng công nghệ số vào sản xuất giúp người tiêu dùng có thể truy

xuất và theo dõi được các thông số này theo thời gian thực và yên tâm về chất lượng nông sản. Ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp giúp tăng cường kết nối giữa người sản xuất, tiêu dùng, giữa cung - cầu, hạn chế được tình trạng “được mùa mất giá, được giá mất mùa”, nhờ đó sản xuất nông nghiệp hiệu quả và bền vững hơn.

Một lợi ích không thể không nhắc tới là việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp giúp cho việc quản lý, điều hành ngành nói chung và doanh nghiệp nói riêng hiệu quả hơn. Đối với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT), việc ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa vào trong điều hành, quản lý sẽ giúp cho việc ra quyết định nhanh chóng và chính xác hơn nhờ hệ thống báo cáo thông suốt kịp thời, làm tăng hiệu lực quản lý và hiệu quả điều hành.

Đối với doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp, công nghệ số còn giúp tăng hiệu quả điều hành, cắt giảm chi phí vận hành, tiếp cận được nhiều khách hàng hơn. Nhờ đó, hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp được nâng cao. Vì vậy, chuyển đổi số trong nông nghiệp được xác định là tạo dựng môi trường, sinh thái số nông nghiệp làm nền móng, kiến tạo thể chế, thúc đẩy chuyển đổi từ “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp” mà mục đích cuối cùng là nhằm phát triển một nền nông nghiệp hiệu quả và bền vững.



Chuyển đổi số tạo ra giá trị gia tăng cho nông nghiệp

Mục tiêu và giải pháp

Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó xác định, nông nghiệp là một trong 8 ngành được ưu tiên chuyển đổi số, với định hướng rõ chuyển đổi số của ngành. Cụ thể: (i) Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế; (ii) Thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp phải dựa trên nền tảng dữ liệu (đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản). Xây dựng mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp. Thúc đẩy cung

cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số; (iii) Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quá trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm; ...đào tạo ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, cung cấp, phân phối, dự báo (giá, thời vụ, ...) nông sản, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp; (iv) Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý để có các chính sách, điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý thu hoạch.



Chuyển đổi số giúp quá trình sản xuất minh bạch thông tin

Trong thời gian qua, Bộ NN&PTNT đã triển khai xây dựng hệ thống nền tảng số của ngành, nhằm từng bước hiện thực hóa mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp “minh bạch - trách nhiệm - bền vững”. Năm 2022, Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt với nhiều nhiệm vụ và giải pháp. Trong đó, “thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn” là một trong các giải pháp cốt lõi để thực hiện các nhiệm vụ của ngành.

Với mục tiêu triển khai chuyển đổi số nông nghiệp nhanh, đồng bộ và hiệu quả, Bộ NN&PTNT đã xây dựng Đề án chuyển đổi số của ngành Nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 với 3 trụ cột chính: Chính phủ số, kinh tế nông nghiệp số và nông thôn số, nông dân số. Trong đó, 2 lĩnh vực chăn nuôi và trồng trọt được coi là lĩnh vực tiên phong về chuyển đổi số.

Phát biểu tại Lễ phát động Chuyển đổi số Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, triển khai Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp và quản lý mã số vùng trồng, Bộ trưởng NN&PTNT Lê Minh Hoan nhìn nhận, khó khăn lớn nhất trong chuyển đổi số nông nghiệp là thay đổi một thói quen và nhận thức chưa thống nhất. Nhận thức và thói quen chính là động lực để thực hiện chuyển đổi số và có thể tiếp cận đúng vấn đề.

Bộ trưởng Lê Minh Hoan nhấn mạnh những yếu tố trong quá trình chuyển đổi số Nông nghiệp và phát triển nông thôn là: Thay đổi tư duy, đổi mới phương thức, cập nhật kỹ năng và nâng tầm văn hoá. Trong đó, thay đổi tư duy chuyển đổi số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành một cách mạng mẽ để lan tỏa rộng rãi tinh thần chuyển đổi số tới cộng đồng. Coi chuyển đổi số là phương tiện để tìm ra giá trị của sự thay đổi. Thay đổi từ tư duy mệnh lệnh hành chính “phải làm thế này, phải làm thế kia” sang lối tư duy mở, tư duy ngược lại “nếu không làm thì điều gì sẽ xảy ra” để tìm ra động lực và thấy được sự cần thiết của vấn đề.

Đặt vấn đề xây dựng thương hiệu nhằm xóa đi một ngành nông nghiệp mù mờ về người mua

người bán, chất lượng, xuất xứ, bằng công nghệ số, Bộ trưởng Lê Minh Hoan ví thương hiệu là "cái hiệu mà người ta thương". Mà muốn thương thì phải biết rõ ràng về nguồn gốc, chất lượng, đặc điểm nhận diện, uy tín và minh bạch. Đặc biệt cần phải có kiến thức về văn hoá kinh doanh, nghệ thuật bán hàng, Marketing sản phẩm.

Bộ trưởng Lê Minh Hoan cũng chia sẻ, khi nông sản của nước khác đã nằm trên những kệ hàng sang trọng thì rất khó để nông sản Việt có thể leo lên đó cạnh tranh. Tuy nhiên quá trình chuyển đổi sau sẽ giúp Việt Nam học hỏi từ các mô hình thành công đi trước.

Đối với ngành trồng trọt, những số liệu cho thấy trong năm 2021, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất trồng trọt đạt 2,7%, trong khi tỷ trọng trồng trọt chiếm 44,6% trong tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của Việt Nam. Giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản năm 2021 đạt trên 21 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm 2020.

Hiện nay ở nhiều địa phương đã cấp mã số định danh để theo dõi, kiểm soát tình hình sản xuất, truy xuất nguồn gốc, nâng cao chất lượng nông sản như: Lúa gạo ở Đồng bằng sông Cửu Long; cà phê, chanh leo ở Tây Nguyên; thanh long ở Bình Thuận; nhãn, vải thiều ở Hải Dương, Bắc Giang, Hưng Yên, Sơn La...

Tại buổi lễ, các chuyên gia khẳng định, việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực trồng trọt sẽ góp phần tăng năng suất chất lượng và giá trị gia tăng. Trong khi trồng trọt lại là ngành chủ lực đáp ứng nhu cầu 100 triệu dân, đảm bảo an ninh lương thực và xuất khẩu. Hoàn thành và đưa Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp và quản lý mã số vùng trồng vào khai thác tiếp ngay sau Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý thức ăn chăn nuôi và cơ sở chăn nuôi, thể hiện sự quyết tâm và nỗ lực lớn của ngành NN&PTNT trong việc cam kết đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp.

Theo các nhà khoa học, để chuyển đổi số trong nông nghiệp được thuận lợi cần sự vào cuộc, phối hợp của các cơ quan, ban ngành từ Trung ương đến địa phương và đặc biệt là các chủ thể sản xuất, kinh doanh phải sẵn sàng thay

đổi tư duy, tiếp cận khoa học, công nghệ. Trong đó, Bộ NN&PTNT, các bộ, ban ngành có liên quan và các địa phương, cần phải tập trung vào thực hiện một số giải pháp chính như sau: (1) Nâng cao nhận thức của các địa phương, doanh nghiệp và nhất là người nông dân về vai trò, tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, kinh doanh trong ngành nông nghiệp; (2) Nâng cấp và tiến tới xây dựng hạ tầng công nghệ số hiện đại và đồng bộ với chi phí cạnh tranh; (3) Đẩy nhanh xây dựng hệ thống dữ liệu ngành nông nghiệp, nhất là dữ liệu đất đai, cây, con, vùng trồng, người trồng, số lượng sản phẩm và dịch vụ nông nghiệp, số hóa văn bản điều hành

của Bộ; (4) Nâng cao trình độ, năng lực tiếp cận và đưa công nghệ số vào sản xuất nông nghiệp cho nông dân; (5) Xây dựng và hoàn thiện chính sách phục vụ chuyển đổi số trong nông nghiệp phù hợp và kịp thời, tạo động lực thúc đẩy công cuộc chuyển đổi số ngành nông nghiệp đúng trọng tâm và hiệu quả.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, biến động thị trường và tác động mạnh mẽ từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư thì chuyển đổi số trong nông nghiệp là xu hướng tất yếu và được kỳ vọng là giải pháp giải phóng tiềm năng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn bền vững ở nước ta./.



Hiến kế giải pháp phát triển chuỗi giá trị du lịch nông thôn

Hương Lan

Nhiều giải pháp hữu ích được các chuyên gia đưa ra như thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm hay phát triển du lịch nông thôn gắn với làng nghề truyền thống.



Vừa qua tại Trường ĐH Khoa học xã hội & Nhân văn (ĐHQG HCM) diễn ra hội thảo khoa học “Giải pháp phát triển chuỗi giá trị du lịch nông thôn Việt Nam”.

Nhiều công trình nghiên cứu về các giải pháp phát triển chuỗi giá trị du lịch nông thôn tại Việt Nam được các diễn giả trình bày tại hội thảo. Trong đó nổi bật là công trình nghiên cứu “Kinh nghiệm phát triển du lịch cộng đồng gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm” của TS. Ngô Thị Thu Trang, giảng viên Trường ĐH Khoa học xã hội & Nhân văn.

Trong công trình nghiên cứu của mình, TS. Ngô Thị Thu Trang cho rằng những năm gần đây, du lịch cộng đồng đang phát triển mạnh mẽ ở khu vực nông thôn. Tinh thần mong muốn làm du lịch đang thể hiện rõ trong cộng đồng địa phương ở nhiều nơi. Tuy nhiên, người nông dân chưa có kinh nghiệm làm du lịch, chưa đẩy mạnh quảng bá, sản phẩm du lịch bị trùng lặp.

“Chính vì vậy, làm thế nào để phát huy hết sức mạnh vùng miền, khơi dậy giá trị bản địa, hướng đến tương lai phát triển du lịch bền vững là những vấn đề quan trọng và cấp bách. Qua chương trình mỗi xã một sản phẩm, bộ tiêu chí

dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch sẽ là công cụ cho lãnh đạo địa phương cùng các chủ thể cung cấp dịch vụ du lịch rà soát lại các hoạt động du lịch, thực hiện những giải pháp nâng cao chất lượng của dịch vụ du lịch trong cộng đồng” – TS. Ngô Thị Thu Trang chia sẻ.

Chương trình mỗi xã một sản phẩm ở Việt Nam đã được các tỉnh triển khai gần 2 năm và đã đạt được những thành tích vượt bậc. Chương trình này còn giúp “đa dạng hóa” và “đặc thù hóa” sản phẩm du lịch cho từng địa phương.

Ngoài ra còn có một công trình nghiên cứu được TS. Ngô Thanh Loan, giảng viên khoa Du lịch Trường ĐH Khoa học xã hội & Nhân văn trình bày tại hội thảo mang tên “Phát triển du lịch nông thôn từ các làng nghề truyền thống ở đồng bằng sông Cửu Long”.

Trong công trình này, TS. Ngô Thanh Loan chủ yếu chỉ ra những thách thức đối với vấn đề phát triển du lịch nông thôn gắn với làng nghề truyền thống. Một trong những thách thức lớn nhất đó là việc làm thế nào để bảo tồn nghề truyền thống trong tình trạng bị cạnh tranh bởi các sản phẩm thay thế và nghề nhân không sống được với nghề.

Theo đó, TS. Ngô Thanh Loan đã đề xuất giải pháp kết hợp với những sản phẩm khác như du lịch ẩm thực, du lịch nông nghiệp,... tạo thành sản phẩm tích hợp để tăng tính đa dạng và hấp dẫn du khách. Từ hiện trạng phát triển làng nghề cho thấy có thể phát triển du lịch làng nghề theo nhiều kiểu mô hình kinh doanh khác nhau và từ đó làm cho sản phẩm du lịch trở nên khác biệt.



Ảnh: NSNA Trường Giang

Hà Nội: Giải pháp thúc đẩy quảng bá kết nối giao thương sản phẩm OCOP

Hoàng Thị Trang Viên

Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm (OCOP) là chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị; là giải pháp, nhiệm vụ trong triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trọng tâm của chương trình OCOP là phát triển sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế ở mỗi địa phương theo chuỗi giá trị, do các thành phần kinh tế tư nhân (doanh nghiệp, hộ sản xuất) và kinh tế tập thể thực hiện.



Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, ban hành khung pháp lý và chính sách để thực hiện; định hướng quy hoạch các vùng sản xuất hàng hóa, dịch vụ; quản lý và giám sát tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; hỗ trợ các khâu: Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, tín dụng.

Mục tiêu của Chương trình OCOP là: Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh (ưu tiên phát triển hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa) để sản xuất các sản phẩm truyền thống, dịch vụ có lợi thế đạt tiêu chuẩn, có khả năng

cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, góp phần phát triển kinh tế nông thôn; Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập, đời sống cho nhân dân và thực hiện hiệu quả nhóm tiêu chí “Kinh tế và tổ chức sản xuất” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới; Thông qua việc phát triển sản xuất tại khu vực nông thôn, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn hợp lý (hạn chế dân di cư ra thành phố), bảo vệ môi trường và bảo tồn những giá trị truyền thống tốt đẹp của nông thôn Việt Nam.

Đến nay, Chương trình OCOP được triển khai thực hiện rộng khắp tất cả 63 tỉnh, thành trong cả nước và đã khơi dậy tiềm năng, thế mạnh của các địa phương về sản phẩm đặc sản, ngành nghề nông thôn. Đáng chú ý là Chương trình OCOP của thành phố Hà Nội được đánh giá cao cả về quy mô lẫn chất lượng sản phẩm.

Cụ thể, cả nước có hơn 7.460 sản phẩm OCOP được công nhận đạt từ 3 sao trở lên của hơn 4.060 chủ thể OCOP; trong đó, hơn 38% chủ thể là hợp tác xã, gần 26% chủ thể là doanh nghiệp, hơn 33% chủ thể là cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh, còn lại là tổ hợp tác.

Trong đó, Thành phố Hà Nội đã đánh giá, phân hạng và công nhận được 1.649 sản phẩm

OCOP, gồm 4 sản phẩm 5 sao của Công ty TNHH Gốm Sứ Quang Vinh; 13 sản phẩm tiềm năng 5 sao (đã trình Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét đánh giá, phân hạng); 1.098 sản phẩm 4 sao và 534 sản phẩm 3 sao. Hiện nay, Hà Nội đang là đơn vị dẫn đầu cả nước về số sản phẩm OCOP và số sản phẩm OCOP cấp quốc gia (5) sao.

Sản phẩm OCOP của Hà Nội đã đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, có mẫu mã, bao bì đa dạng, thân thiện môi trường và phù hợp yêu cầu của thị trường... nên ngày càng thu hút được sự quan tâm của nhiều người tiêu dùng trong và ngoài nước, giúp nhiều chủ thể OCOP thuận lợi trong tiêu thụ sản phẩm.



Chương trình OCOP của Hà Nội sau 04 năm triển khai đã được các cơ quan chuyên môn đánh giá những tác động tích cực trong đời sống kinh tế xã hội như: Thúc đẩy phát triển các sản phẩm đặc trưng, truyền thống, góp phần khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương thông qua các sản phẩm chất lượng, đúng quy chuẩn.

Theo Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm thành phố Hà Nội đến năm 2025: Đến năm 2025, phấn đấu có thêm 2.000 sản phẩm OCOP được chứng nhận đạt từ 3 sao trở lên, trong đó: phấn đấu 3% sản

phẩm tiềm năng 5 sao; 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao có sản phẩm OCOP; có ít nhất 70% chủ thể OCOP là tổ hợp tác, hợp tác xã và doanh nghiệp; Có ít nhất 30% các chủ thể OCOP xây dựng hoặc tham gia liên kết chuỗi giá trị ổn định, hiệu quả; 100% các sản phẩm OCOP được tham gia các sự kiện trưng bày, giới thiệu, quảng bá, kết nối giao thương sản phẩm OCOP; Mỗi huyện, thị xã xây dựng ít nhất 01 trung tâm thiết kế sáng tạo, giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP, làng nghề gắn với du lịch. Hằng năm mỗi quận, huyện, thị xã phát triển ít nhất 02 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP; Phấn đấu 100%

các trung tâm thương mại, siêu thị tổng hợp giới thiệu và bán sản phẩm OCOP. Có ít nhất 50% chủ thể OCOP tham gia vào các kênh bán hàng hiện đại (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, sàn giao dịch thương mại điện tử;...).

Để sản phẩm OCOP Hà Nội phát triển tương xứng với vị thế tiềm năng của mảnh đất trăm nghề, nơi tinh hoa hội tụ; phát huy thế mạnh thực sự là những sản phẩm có chất lượng dịch vụ vượt trội, kết tinh những giá trị bản địa, đặc hữu của từng vùng miền và được người tiêu dùng trong và ngoài nước tin dùng, góp phần xây dựng thương hiệu sản phẩm OCOP Thủ đô, thì cần phải triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy quảng bá, kết nối giao thương như sau:

Thứ nhất, Hà Nội sớm quan tâm đến kế hoạch đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, đầu tư, thương mại, du lịch... ở quy mô cấp Thành phố; cấp vùng; cấp quốc gia và từng bước đưa sản phẩm OCOP xúc tiến ở thị trường Quốc tế. Hàng năm, Hà Nội ngoài việc phê duyệt kế hoạch tổ chức các tuần văn hoá quảng bá giới thiệu sản phẩm OCOP gắn với các sự kiện của Thủ đô, Thành phố đã tổ chức các sự kiện kết nối giao thương, quảng bá sản phẩm OCOP gắn với văn hoá các tỉnh: Miền núi phía Bắc, Đồng bằng Sông Hồng; Miền Trung Tây Nguyên và các tỉnh Nam Bộ. Hà Nội cũng tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia các sự kiện OCOP lớn của khu vực và cả nước để một mặt giúp đưa sản phẩm OCOP đến tay người tiêu dùng, mặt khác kích thích sản xuất, tăng trưởng kinh tế khu vực nông thôn.

Thứ hai, Các ban ngành của Hà Nội, đặc biệt là Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Thành phố đã tích cực hướng dẫn, tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia chuỗi liên kết sản xuất, xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá sản phẩm khép kín từ sản xuất, chế biến, bảo quản, phân phối đến tiêu dùng.

Thứ ba, chính quyền đoàn thể các địa phương đẩy mạnh hoạt động kết nối giao thương, hỗ trợ chủ thể OCOP phát triển thị trường, quảng bá thương hiệu thông qua chính sách hỗ trợ quản lý nhãn hiệu và in tem, nhãn sản phẩm OCOP.

Thứ tư, hỗ trợ các chủ thể, tổ hợp tác, hợp tác xã đã đầu tư công nghệ, nâng cao chất lượng

sản phẩm nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, cải tiến mẫu mã, bao bì..., tăng sức cạnh tranh trên thị trường và phát huy giá trị các sản phẩm tiềm năng, lợi thế của từng vùng.

Thứ năm, tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, quảng bá sản phẩm OCOP; hướng dẫn các chủ thể triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan đến chương trình OCOP; đồng thời, gắn với công tác đào tạo, tập huấn và tổ chức đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế.

Thứ sáu, tích cực hỗ trợ các chủ thể đẩy mạnh chuyển đổi số, hoạt động Marketing, xây dựng văn hoá doanh nghiệp; Giới thiệu và đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử; hình thành các điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP thuận tiện như khu du lịch, nhà ga, bến xe, sân bay...

Thứ bảy, tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát nâng cao uy tín chất lượng sản phẩm OCOP ngày càng tăng sao trong lòng người tiêu dùng. Mỗi sản phẩm OCOP là một niềm tự hào về văn hoá, sản phẩm, thương hiệu hình ảnh của quê hương. Vì vậy, thường xuyên phải chuẩn hoá một cách đồng bộ các khâu: xây dựng hồ sơ chất lượng sản phẩm; tài liệu quản lý chất lượng nội bộ; câu chuyện để quảng bá sản phẩm; thiết kế hệ thống website, hộp đựng sản phẩm; hoàn thiện và in tem truy xuất nguồn gốc; phân tích các chỉ tiêu theo quy định; chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến ISO, HACCP.../.



Nghệ nhân - Doanh nhân - Chủ nhà vườn tiêu biểu toàn Quốc!

Bùi Văn Mạnh

Là một hoạt động truyền thông và biểu dương cộng đồng Doanh nghiệp, Doanh nhân, Nhà Khoa học, Nghệ nhân, Chủ trang trại và Nhà vườn đã có nhiều hoạt động thiết thực chung tay cùng cộng đồng xây dựng Nông thôn mới và Đô thị văn minh.

Sự kiện do Công ty Cổ phần Truyền thông Pháp luật và Thời đại phối hợp cùng Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam, Hội Sinh Vật Cảnh thành phố Hà Nội, Viện Nghiên cứu Văn hoá và Bảo vệ thương hiệu, Diễn đàn Đời sống và Phát triển; Diễn đàn Văn hoá và Đời sống, Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam tổ chức thường niên. Năm 2022, sự kiện nhận được sự đồng hành phối hợp của Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Hà Nội dự kiến diễn ra từ ngày 7 - 11/10/2022.



**VÌ SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MỚI
VÀ ĐÔ THỊ VĂN MINH**

Logo của sự kiện thuộc bản quyền của Công ty Cổ phần Truyền thông Pháp luật và Thời đại

Theo đó, Nghệ nhân - Doanh nhân - Chủ nhà vườn tiêu biểu toàn Quốc đồng hành vì sự nghiệp phát triển Nông thôn mới và Đô thị văn minh là người trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh đạt các tiêu chí:

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện đầy đủ sứ mệnh, vai trò và trách nhiệm xã hội của Nghệ nhân, Doanh nhân, Chủ nhà vườn trong việc gìn giữ và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc; nỗ lực góp phần xây dựng Nông thôn mới và phát triển Đô thị văn minh;

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện nội quy, quy định của doanh nghiệp gắn với các chuẩn mực đạo đức, văn hoá góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập phát triển; tạo môi trường sinh hoạt lành mạnh, thân thiện, hợp tác và giải quyết hài hoà các mặt lợi ích trong và ngoài cơ quan.

3. Xây dựng quy trình quản lý, sản xuất, kinh doanh chuyên nghiệp, hiệu quả, công khai, minh bạch, an toàn, thân thiện với môi trường và bảo vệ sức khỏe con người; cải thiện môi trường làm việc, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện diện mạo nông thôn mới và đô thị văn minh.

4. Đề cao yếu tố văn hoá trong mọi hoạt động; nêu cao tinh thần nhân văn hướng thiện, lan tỏa những điều tốt đẹp, đấu tranh với những

biểu hiện sai trái trong và ngoài cơ quan góp phần bồi đắp nền tảng giá trị tinh thần cốt lõi ở nông thôn và thành thị;

5. Tích cực đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng khoa học kỹ thuật để giải phóng sức lao động, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm dịch vụ để cải thiện thu nhập cho người lao động, tích cực đóng góp vào ngân sách nhà nước và chia sẻ với các hoạt động thiện nguyện, công tác an sinh xã hội;

6. Không ngừng phát huy vai trò trách nhiệm của Nghệ nhân, Doanh nhân, Chủ nhà vườn trong thay đổi những thói quen xấu; kiến tạo những giá trị văn hoá mới, chủ động hội nhập quốc tế, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá, những giá trị mới của thời đại;

7. Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo phương châm “Thượng tôn luật pháp - Kết nối tiềm năng - Gia tăng giá trị - Phát triển bền vững”. Đồng thời góp phần quảng bá, tôn vinh và lan tỏa những giá trị sản phẩm làng nghề, khơi dậy tiềm năng, lợi thế khu vực nông thôn; cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ và du lịch nông thôn; thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển bền vững; đóng góp thiết thực vào việc cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn và thành thị.



Hội nghị Nghệ nhân - Doanh nhân - Chủ nhà vườn tiêu biểu toàn Quốc năm 2019

Trao đổi thêm về nội dung này, ông Vương Xuân Nguyên, TGD Công ty Cổ phần Truyền thông Pháp luật và Thời đại cho biết, xây dựng Nông thôn mới và phát triển Đô thị văn minh là hai chương trình được Đảng và Nhà nước quan tâm chỉ đạo và dành nhiều nguồn lực ưu tiên đầu tư phát triển để góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ta.

“Đây là một cuộc cách mạng thay đổi diện mạo đời sống nông thôn và thành thị Việt Nam trong bối cảnh đẩy mạnh CNH - HĐH đất nước và thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng tại Việt Nam. Ở đó, cộng đồng nghệ nhân, doanh nhân, nhà khoa học, chủ trang trại, HTX và nhà vườn là những chủ thể quan trọng...”, ông Vương Xuân Nguyên nhấn mạnh.



Gặp mặt Nghệ nhân - Doanh nhân - Chủ nhà vườn tiêu biểu toàn Quốc năm 2018

Theo TGD Công ty Cổ phần Truyền thông Pháp luật và Thời đại, mỗi hoạt động của họ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung ứng các dịch vụ ra cộng đồng có tác động trực tiếp đến các chủ thể khác trong xã hội. Bởi các hoạt động sản xuất ra của cải vật chất hay những sáng tạo ra những giá trị tinh thần của họ sẽ góp phần làm cho mục tiêu của xây dựng Nông thôn mới và phát triển Nông thôn ngày càng hiện hữu hơn.

Vì vậy, Chương trình truyền thông và biểu dương “Nghệ nhân - Doanh nhân - Chủ nhà vườn tiêu biểu toàn Quốc” được Công ty Cổ phần Truyền thông Pháp luật và Thời đại phối hợp cùng một số cơ quan tổ chức thường niên là một hoạt động tôn vinh những chủ thể đã có những đóng góp tích cực trong kiến tạo và lan

tỏa những giá trị xây dựng Nông thôn mới và Đô thị văn minh.

Thông qua Chương trình, Cộng đồng nghệ nhân, doanh nhân, chủ nhà vườn định hình rõ hơn vị thế, vai trò và trách nhiệm xã hội của mình trong đời sống, cũng như sản xuất kinh doanh, nhất là hoạt động xây dựng Nông thôn mới và phát triển Đô thị văn minh.

Đây cũng là cơ hội để các doanh nghiệp, doanh nhân tăng cường giao lưu liên kết, xúc tiến thương mại, đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu; trao đổi học hỏi kinh nghiệm quản lý, điều hành, xây dựng văn hoá doanh nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp trên thị trường.

Vai trò của Hợp tác xã nông nghiệp trong phát triển Chuỗi giá trị

TS. Hoàng Xuân Trường

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống nông nghiệp

1. Đặt vấn đề

Kinh tế tập thể mà nòng cốt là HTX là một trong những thành phần kinh tế quan trọng của nước ta đã được khẳng định trong văn kiện đại hội Đảng qua nhiều thời kỳ. Tính đến hết năm 2021, cả nước có 34.871 tổ hợp tác (THT) và 18.340 HTX nông nghiệp, tổng số 3,4 triệu thành viên. Tỷ lệ HTX nông nghiệp xếp loại khá, tốt trên 60%. Doanh thu mỗi HTX nông nghiệp đạt 1,26 tỷ/HTX/năm. Các HTX nông nghiệp cung cấp từ 7-16 dịch vụ ở nông thôn, phục vụ cho cả sản xuất nông nghiệp và phúc lợi xã hội ở nông thôn. Có 2.297 HTX nông nghiệp đã thành lập doanh nghiệp trong HTX và 2.200 HTX ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất. Có 6.792 HTX chiếm 37% tổng số HTX nông nghiệp đảm nhận việc bao tiêu sản phẩm. HTX nông nghiệp ngày càng có sự thay đổi quan trọng về chất lượng, là nhân tố chủ chốt trong phát triển chuỗi giá trị, chuỗi đa giá trị và vùng nguyên liệu đạt chuẩn trong cả nước. Phát triển kinh tế tập thể, HTX phải phù hợp với từng vùng miền, từng địa phương nhưng quan trọng là phải xây dựng được lòng tin và tìm được sự hợp tác, liên kết thực sự của người dân với người dân, và với doanh nghiệp, để tạo nên các chuỗi giá trị bền vững cũng như có được các vùng nguyên liệu đủ lớn, đạt chuẩn trong cả nước.

Mục tiêu cụ thể là đến cuối năm 2025, thành lập mới 10.000 tổ chức kinh tế tập thể, bao gồm các THT, HTX, liên hiệp HTX, dự kiến thu hút khoảng 8 triệu thành viên tham gia. Trong đó, xây dựng 3.000 mô hình tổ chức kinh tế tập thể ứng dụng công nghệ cao, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, phát triển bền vững. Vai trò của HTX được thể hiện qua nhiều lĩnh vực như: Phát triển sản xuất, sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; Cung

ứng dịch vụ đầu vào (điện nước, phân bón, thức ăn, thú y, BVTV, cung cấp lao động...); Dịch vụ tín dụng (huy động vốn và cho vay); Làm du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch sinh thái; du lịch trải nghiệm; du lịch xanh...; HTX đăng ký bảo hộ nhãn hiệu (nhãn hiệu tập thể (NHHTT), nhãn hiệu hàng hoá (NHHH)); Bảo tồn và Phát triển làng nghề; HTX về môi trường; HTX dịch vụ vận tải; HTX phục vụ ẩm thực; HTX về công nghệ thông tin; HTX làm nghiên cứu khoa học và có cả những HTX làm đẹp, chữa bệnh bằng phương pháp đông y... Trong bài viết này chúng tôi giới hạn lại vai trò của HTX nông nghiệp trong phát triển chuỗi giá trị.

2. Vai trò của HTX nông nghiệp trong phát triển chuỗi giá trị

Theo định nghĩa của Liên minh HTX Quốc tế (ICA – International Co-operative Alliance) được thế giới chính thức công nhận thì: HTX là một hiệp hội tự quản gồm những người tự nguyện tham gia nhằm đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng kinh tế, xã hội và văn hóa chung của các thành viên thông qua một tổ chức kinh doanh thuộc sở hữu tập thể của họ. HTX có thể bao gồm: các tổ chức kinh doanh hàng tiêu dùng do chính khách hàng là những người sở hữu và quản lý (HTX của người tiêu dùng); các tổ chức sản xuất được sở hữu, quản lý bởi chính những công nhân làm việc ở đó (HTX sản xuất hay HTX công nhân) và nhiều hình thức khác.

Trên thế giới, HTX có vai trò rộng lớn trong phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng xã hội nông thôn. Phong trào HTX bắt nguồn từ Châu Âu vào thế kỷ 17. HTX hoạt động dựa trên 7 nguyên tắc đó là: Tự nguyện và kết nạp rộng rãi thành viên; Điều khiển dân chủ bởi các thành viên; Sự tham gia kinh tế của thành viên; Độc lập

và tự chủ; Giáo dục, đào tạo và thông tin; Hợp tác giữa các hợp tác xã; Phát triển cộng đồng.

Tại Việt Nam, theo Luật HTX 2012 hiện hành, HTX được hiểu là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã. HTX nông nghiệp là HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp bao gồm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và dịch vụ nông nghiệp.

Khái niệm về chuỗi giá trị: “Chuỗi giá trị là toàn bộ các hoạt động cần thiết để đem lại một sản phẩm hay dịch vụ từ khi còn là ý tưởng, thông qua các công đoạn khác nhau từ sản xuất (bao gồm nhiều khâu của quá trình chuyển hóa về mặt vật chất từ những nguyên liệu đầu vào) cho đến khâu phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng cuối cùng và cả khi loại thải sau quá trình sử dụng” (Raphael Kaplinsky and Mike Morris, 2001).

Theo chúng tôi, một chuỗi giá trị nông sản muốn phát triển bền vững cần phải có đa dạng các mối liên kết trong đó quan trọng nhất là các mối liên kết dọc và mối liên kết ngang. Các HTX nông nghiệp mà thành viên thường là các hộ sản xuất sẽ tạo nên mối liên kết ngang bền vững, nông dân tham gia vào các HTX chuyên ngành sẽ tăng vị thế trong các giao dịch, thông qua việc tăng quy mô sản xuất, cùng thực hiện một quy trình tạo ra sản phẩm có chất lượng cao và đồng đều, giảm được giá thành sản phẩm, cùng nhau xây dựng được thương hiệu mạnh hơn, dễ dàng tham gia vào các chương trình phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn như OCOP, nông thôn mới, giảm nghèo và nông thôn miền núi...

Theo Cục kinh tế hợp tác và PTNT thì sau 3 năm thực hiện Nghị định 98/2018/ ND-CP (2018-2021) cả nước xây dựng được 2.038 chuỗi giá trị, chiếm 29,43% tổng số chuỗi liên kết nông nghiệp (tổng số có 6975 chuỗi). Trong đó có 1.250 HTX nông nghiệp tham gia các chuỗi

giá trị này. Trong đó có 489 HTX làm chủ chuỗi (đứng ra làm chủ dự án, kế hoạch liên kết. Trong nghị định 98 có 7 hình thức liên kết và các HTX có thể lựa chọn để viết dự án hay kế hoạch liên kết đó là: 1) Liên kết từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. 2) Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. 3) Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. 4) Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. 5) Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. 6) Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và 7) Liên kết sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Các HTX tham gia chuỗi liên giá trị có thể thuộc 1 trong 7 hình thức trên đều được hỗ trợ.

Các HTX trực tiếp đại diện là chủ viết dự án, kế hoạch phát triển chuỗi giá trị và được hỗ trợ trực tiếp ngân sách để triển khai.

Để thúc đẩy liên kết, Nghị định 98 xây dựng 03 nhóm chính sách ưu đãi, hỗ trợ, đó là: Về hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: Các địa phương đã bố trí kinh phí hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết cho 338 chuỗi với tổng kinh phí hỗ trợ là 26.586 triệu đồng; trong đó ngân sách Trung ương 22.307 triệu đồng và ngân sách địa phương là 4.279 triệu đồng. Tỉnh đã hỗ trợ chi phí tư vấn cho nhiều chuỗi liên kết nhất là: Đắk Lắk (110 chuỗi), Lâm Đồng (34 chuỗi), Nam Định (32 chuỗi), Bắc Kạn (25 chuỗi), Nghệ An (25 chuỗi), Thái Nguyên (17 chuỗi), Kiên Giang (15 chuỗi), Hải Dương (11 chuỗi), Tiền Giang (8 chuỗi), Bắc Giang (3 chuỗi). Các tỉnh hỗ trợ tư vấn liên kết nhiều cũng chính là các tỉnh đã phê duyệt được nhiều dự án, kế hoạch liên kết. Điều đó chứng tỏ chính sách hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết rất quan trọng để phát triển liên kết. Chính sách hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Đến nay, các địa phương đã thực hiện hỗ trợ cho 579 dự án liên kết với tổng kinh phí là 1.921 tỷ đồng, bình quân 3,32 tỷ đồng/ dự án liên kết.

Bên cạnh các tỉnh triển khai được chính sách hỗ trợ theo nghị định 98 thì còn nhiều tỉnh gặp vướng mắc, cụ thể như Hà Nội. Các HTX tại Hà Nội không được giao đất sản xuất nông nghiệp lâu năm, nên các hạng mục đầu tư xây dựng trên đất không thực hiện được. Trực tiếp tư vấn cho các HTX, doanh nghiệp tại Hà Nội hoàn thiện hồ sơ dự án và kế hoạch liên kết cho gần 10 HTX và Doanh nghiệp tuy nhiên tới nay chưa dự án nào được phê duyệt, đó là một nút thắt lớn trong công tác thực hiện chính sách của nhà nước. Các bước làm ở Hà Nội đúng lộ trình và rất rõ ràng các bước như tập huấn, hướng dẫn về nghị định 98 và Nghị quyết 10 của thành phố. Sau đó các HTX, Doanh nghiệp tự đề xuất và Chi cục PTNT đã lựa chọn các đề xuất khả thi, sau đó tư vấn đã đi khảo sát cùng các doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp về Chi cục PTNT. Hồ sơ chuẩn bị đúng các hướng dẫn trong Nghị định 98 và phải nói rất cụ thể chi tiết và đầy đủ. Sở NN và PTNT cũng đã tổ chức tổ thẩm định và hội đồng (một lần 4 dự án bò thịt, gạo chất lượng cao Khu cháy, rau hữu cơ Thanh Xuân, rau an toàn An Phát vào ngày 23/12/2020) tuy nhiên cả 4 dự án chưa được hội đồng thông qua. Lý do hôm đó thiếu vắng sự tham gia của các sở ban ngành của thành phố. Nhìn ra một số tỉnh họ đã duyệt các dự án và kế hoạch liên kết rất thuận lợi và nhanh chóng, vì các hỗ trợ đều là hỗ trợ sau đầu tư, hỗ trợ theo từng giai đoạn.

Ví dụ như tỉnh Bắc Giang, Sở NN và PTNT phân cho Chi cục chăn nuôi thú y phụ trách các dự án về chăn nuôi; Chi cục trồng trọt và BVTV thì phụ trách các dự án về cây trồng... Họ cũng thành lập tổ thẩm định, tuy nhiên tổ thẩm định kế hoạch hay dự án của họ chỉ có 5 thành viên đều thuộc Chi cục chăn nuôi thú y, còn hội đồng xét duyệt kế hoạch hay dự án của họ chỉ có 07 thành viên, trong đó có: Lãnh đạo Sở NN và PTNT; Lãnh đạo Sở tài chính; Lãnh đạo Sở Kế hoạch và đầu tư; Lãnh đạo Phòng kế hoạch tài chính của Sở NN và PTNT; lãnh đạo UBND huyện có dự án/kế hoạch; lãnh đạo Chi cục và chuyên viên của Sở NN và PTNT. Lãnh đạo Sở NN và PTNT là người ký quyết định thành lập hội đồng thẩm định. Một điểm nữa tại Bắc Giang là sau Nghị

định 98, tỉnh có Nghị quyết riêng số 44/2020/NQ-HĐND để thực hiện Nghị định 98. Đặc biệt trong Nghị quyết 44 tỉnh đã làm rõ các mức đầu tư ngoài quy định tại Nghị định 98. Họ làm rõ các điều kiện để được hỗ trợ, cụ thể như:

- Đối với ngành hàng, sản phẩm cây ăn quả: Vải: Quy mô tối thiểu 70 ha/vụ/chuỗi; Nhãn: Quy mô tối thiểu 20 ha/vụ/chuỗi; Cam, bưởi, na, ôi: Quy mô tối thiểu 15 ha/từng loại cây trồng/vụ/chuỗi.

- Đối với ngành hàng, sản phẩm chăn nuôi: Lợn: Quy mô tối thiểu 1.000 con/chu kỳ/chuỗi; Gia cầm: Quy mô tối thiểu 20.000 con/chu kỳ/chuỗi; Ong mật: Quy mô tối thiểu 500 thùng/chuỗi; Dê: Quy mô tối thiểu 300 con/chuỗi.

- Đối với ngành hàng, sản phẩm rau chế biến, rau an toàn và nấm: Rau chế biến: Quy mô tối thiểu 30 ha/vụ/chuỗi; Rau an toàn: Quy mô tối thiểu 10 ha/vụ/chuỗi; Nấm: Quy mô nhà xưởng, nhà nuôi trồng tối thiểu 3.000 m² trở lên; nguyên liệu từ 300 tấn/năm/chuỗi.

- Đối với ngành hàng, sản phẩm cây lương thực (lúa, gạo): Quy mô tối thiểu 50 ha/vụ/chuỗi.

- Đối với ngành hàng, sản phẩm thủy sản và các sản phẩm chế biến từ thủy sản (Cá thịt): Quy mô tối thiểu 10 ha/chuỗi.

- Đối với ngành hàng, sản phẩm cây công nghiệp: Cây lạc: Quy mô tối thiểu 10 ha/chuỗi; Cây chè: Quy mô tối thiểu 30 ha/chuỗi.

- Đối với ngành hàng, sản phẩm cây hoa các loại: Quy mô tối thiểu 03 ha/vụ/chuỗi.

- Đối với ngành sản xuất, chế biến lâm sản: Quy mô công suất thiết kế tối thiểu từ 100.000 m³ sản phẩm/năm/chuỗi.

- Đối với ngành hàng, sản phẩm cây dược liệu (Ba kích, cúc hoa vàng, địa liên, diệp hạ châu, đinh lăng, hoài sơn, kim tiền thảo, sâm, nghệ): Quy mô tối thiểu 05 ha/loại dược liệu/chuỗi.

Và họ cũng cụ thể hóa lại các mức hỗ trợ căn cứ theo điều kiện của tỉnh họ như: Tiền thuê tư vấn xây dựng liên kết tối đa là 200 triệu; hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết tối đa không qua 5 tỷ/dự án và ngân sách nhà nước không qua 30%

vốn đầu tư... họ có quy định hỗ trợ giống, vật tư tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã hoặc chủ trì liên kết và mức hỗ trợ 50% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, chế phẩm sinh học) nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án hoặc kế hoạch liên kết.

Tuy nhiên trong Nghị Quyết 10 của thành phố Hà Nội chưa làm rõ được các điểm cần đầu tư, như: xác định các sản phẩm chính, chủ lực cần đầu tư; hạn mức đầu tư cụ thể trong điều 9 của Nghị định 98 dẫn đến sự hiểu chưa đúng của các HTX và Doanh nghiệp, nên có dự án đề nghị hỗ trợ phần kinh phí cho mục này rất cao, làm cho hội đồng gặp nhiều khó khăn trong thẩm định và phê duyệt. Theo kinh nghiệm của thị Hà Nội cần cụ thể hóa các điều 8 và 9 trong có mức đầu tư, hạng mục đầu tư và đặc biệt là giới hạn kinh phí cho một dự án ở điều 9 của Nghị định.

Cũng giống như Hà Nội, hiện nay tại nhiều tỉnh chưa có hướng dẫn cụ thể các hạng mục đầu tư, thanh quyết toán... họ đang mong đợi có thông tư hướng dẫn cụ thể hơn từ các Bộ ban ngành để thực hiện nghị định được thuận lợi hơn. Trên thực tế nhiều tỉnh không có nguồn kinh phí để phân bổ triển khai nên các HTX và doanh nghiệp khó tiếp cận để thực hiện dự án hay kế hoạch liên kết.

3. Một số khó khăn của HTX nông nghiệp

HTX vẫn còn nhiều khó khăn như quy mô của HTX nông nghiệp còn hạn chế, nhiều HTX có quy mô sản xuất, kinh doanh nhỏ, số lượng thành viên ít. Quá trình mở rộng số lượng thành viên, quy mô kinh doanh, tích lũy vốn, tài sản diễn ra chậm. Năng lực quản lý, quản trị, công tác kế toán HTX còn yếu, hiểu biết về luật HTX rất hạn chế. Sự tham gia vào chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ hạn chế, tỉ lệ HTX có hoạt động tạo ra giá trị gia tăng thấp.

Nhiều HTX vẫn dựa vào sự hỗ trợ quan tâm đầu tư từ Nhà nước, dự án, thiếu chủ động trong tiếp cận thông tin, thị trường, thiếu định hướng và kế hoạch kinh doanh cụ thể trong từng giai đoạn, nhiều HTX còn thiếu hạ tầng phục vụ

sản xuất theo chuỗi, các khu sơ chế, chế biến sâu, đảm bảo ATTP chưa đạt yêu cầu. Nhiều HTX thiếu quỹ đất ổn định để đầu tư sản xuất, chế biến. Thiếu kho bảo quản, thiếu phương tiện vận chuyển chuyên dụng (xe lạnh...). Thiếu trang thiết bị phục vụ kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm (máy tính, internet, website).

4. Một số giải pháp phát triển HTX nông nghiệp tới năm 2030

Phát triển HTX cần lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia đang thực hiện như: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội giai đoạn 2021 – 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025. Bên cạnh đó cần phối hợp huy động các nguồn lực từ các tổ chức trong nước và quốc tế, các doanh nghiệp mong muốn phát triển các chuỗi giá trị có tổ chức sản xuất và đầu mối là các HTX. Cụ thể giai đoạn tới cần ưu tiên một số giải pháp sau:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, vai trò của HTX trong phát triển kinh tế xã hội của đất nước, gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia (thông qua các video ngắn trên các trang website chính thức, youtube và mạng xã hội gắn với câu chuyện các sản phẩm); Công tác đào tạo bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực cho HTX (Chủ tịch, GD HTX, kế toán HTX); Hỗ trợ HTX ứng dụng KHCN, công nghệ thông tin (CN số) trong sản xuất, chế biến, bảo quản và phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Cần giao cho một số trường, viện, học viện đào tạo sơ cấp nghề lãnh đạo HTX nông nghiệp (Chủ tịch HĐQT; Giám đốc; Kế toán, Kiểm soát...), xác định nhu cầu từ địa phương gửi lên và theo kênh tự nguyện (các đơn vị thông báo tuyển sinh, như tuyển sinh đại học). Thí điểm đưa thêm môn học Quản lý, quản trị HTX vào các trường đại học, dạy nghề coi như một môn học tự chọn để các sinh viên hiểu biết hơn khi ra trường.

- Cần có chính sách riêng (Nghị định về phát triển HTX nông nghiệp) gắn với đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn tới. Trong đó nên tập trung vào các điểm sau: (1) Có tiền tư vấn (thuê khoán chuyên môn) hỗ trợ thành lập và giúp HTX vận hành hiệu quả trong 3 năm đầu (gắn với đề tài dự án cụ thể của cấp bộ, địa phương), kinh phí thuê khoán chuyên môn và đi lại không quá 600 triệu đồng trong 3 năm, cho ít nhất 03 HTX được thành lập mới hoặc củng cố lại từ các HTX đã thành lập nhưng hoạt động chưa hiệu quả. (2). Hỗ trợ các HTX xây dựng vùng nguyên liệu đạt chuẩn đáp ứng thị trường đích đã được HTX xác định thông qua phân tích thị trường và ký kết hợp đồng tiêu thụ với doanh nghiệp. (3). Hỗ trợ HTX lựa chọn và hoàn thiện sản phẩm chủ lực để có thể tham gia chương trình OCOP quốc gia và hướng tới quốc tế (nếu có). (4). Ưu tiên hỗ trợ các HTX phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp sinh thái (giảm lượng phát thải khí nhà kính làm trái đất nóng lên, tạo ra nhiều cây xanh, có giải pháp bảo vệ môi trường, nông nghiệp tuần hoàn...), tạo ra nhiều giá trị gia tăng cho sản phẩm, phụ

phẩm thông qua đầu tư về phần mềm (công nghệ thông tin) cùng các thiết bị máy móc phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm. (5). Cần hỗ trợ HTX các thiết bị chuyên dụng (xe bán tải, xe tải, xe lạnh, tủ bảo ôn...) để vận chuyển và thương mại sản phẩm. (6). Cần có các dự án khởi nghiệp trong các HTX nông nghiệp trong những năm đầu mới thành lập, các chuyên gia tư vấn sẽ cùng hỗ trợ việc viết và bảo vệ các dự án này trước hội đồng các cấp và các nhà tài trợ, cùng tư vấn cho HTX thực hiện dự án hiệu quả. (7). Cần có cơ chế, chính sách về tín dụng cho các HTX nông nghiệp khi tham gia sản xuất theo chuỗi giá trị nông nghiệp sinh thái, hướng tới xuất khẩu, HTX có vùng nguyên liệu đạt chuẩn. (8). Hỗ trợ HTX xây dựng, quản lý và khai thác các loại hình nhãn hiệu cộng đồng (CĐDL, NHCN, NHTT) và thương hiệu sản phẩm.

- Tổng kết các bài học kinh nghiệm và phổ biến từ các HTX hoạt động hiệu quả như: các HTX áp dụng KHCVN, chuyển đổi số, tích tụ ruộng đất, tín dụng nhỏ, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, có vùng nguyên liệu đạt chuẩn, xuất khẩu, thích ứng với biến đổi khí hậu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong nông nghiệp, 2022.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Chỉ thị số 1838/CT-BNN-BVTV về tăng cường công tác quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói nông sản phục vụ xuất khẩu, 2022.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Quyết định số 1088/QĐ-BNN-KTHT về phê duyệt Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022 – 2025.

Cục bảo vệ thực vật, 2020. Quy trình thiết lập và giám sát vùng trồng, , 21.05.20 - TCCS 774 Final_0001.pdf (ppd.gov.vn).

Cục kinh tế hợp tác và PTNT, 2022. Báo cáo thường niên ngành kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, 2/2022.

Quốc hội Việt Nam khóa XIII, Luật số 23/2012/QH13 của Quốc hội, chinhphu.vn.

Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 về Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025, chinhphu.vn.

Lê Thành Ý, 2019. Nông dân gia đình vùng đồng bằng Sông Hồng với kinh tế tập thể và xây dựng các HTX nông nghiệp.

Raphael Kaplinsky and Mike Morris, 2001. A handbook for valuechain research, manualparainvestigacion.pdf



Tinh dầu sả nguyên chất 100%

THƯƠNG HIỆU VÌ SỨC KHỎE NGƯỜI TIÊU DÙNG



CÔNG TY TNHH TỔNG ALY

MST: 5000888627 - HOTLINE: 0207 628 5588

Trụ sở chính: Tân Quang, Vĩnh Quang, Chiêm Hóa, Tuyên Quang - ĐT: 0973 022 588

Cơ sở 2: Thôn 4, Thái Bình, Thái Sơn, Hàm Yên, Tuyên Quang - ĐT: 0974 022 588



QUỐC KHÁNH
2/9/1945 - 2/9/2022

